

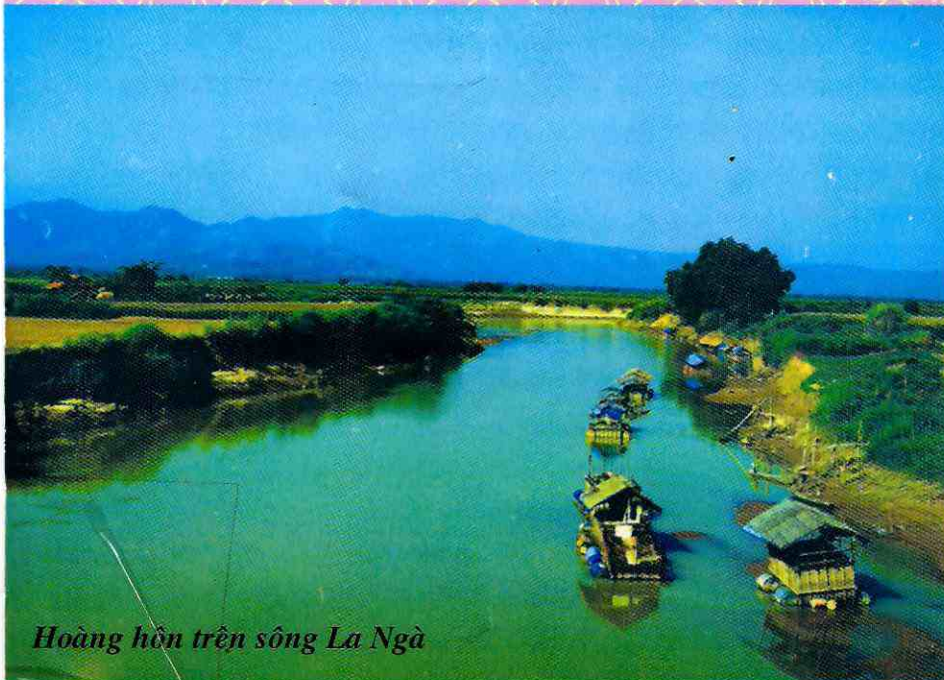
LSD

H031

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
HUYỆN ĐỨC LINH

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC LINH

TẬP II
(Thời kỳ 1975 - 2000)



Hoàng hôn trên sông La Ngà

Năm 2009

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
HUYỆN ĐỨC LINH

BAN TUYÊN GIẢNG TỈNH ỦY B.T

TƯ LIỆU

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
HUYỆN ĐỨC LINH**

TẬP II

(1975 - 2000)

Năm 2009

RECEIVED
MAY 1 1966

DEPARTMENT OF THE ARMY
HEADQUARTERS
WASHINGTON, D. C. 20315

MEMORANDUM FOR THE RECORD

SUBJECT: [Illegible]

[Illegible text follows]

LỜI MỞ ĐẦU

Trong sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Linh đã hoàn thành sự nghiệp giải phóng quê hương, góp phần giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc, đưa dân tộc ta bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong khí thế hào hùng sôi nổi đó, Đảng bộ, chính quyền, các lực lượng vũ trang và nhân dân huyện Đức Linh nhanh chóng chuyển sang thời kỳ mới, khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng lại quê hương theo con đường xã hội chủ nghĩa, con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta lựa chọn.

Trải qua 25 năm xây dựng và phát triển (1975-2000), nhất là trong những năm thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Linh đã đạt được những thành tựu hết sức quan trọng: nền kinh tế tăng trưởng khá, cơ sở vật chất kỹ thuật như điện, đường, trường học, trạm xá và các công trình thủy lợi được đầu tư đáng kể; các hoạt động văn hoá - xã hội có những chuyển biến tiến bộ; quốc phòng - an ninh được tăng cường, trật tự

an toàn xã hội được đảm bảo; đời sống nhân dân trong huyện được ổn định và từng bước cải thiện đáng kể; bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới.v.v... Đó là những tiền đề quan trọng để chúng ta vững tin đề ra những chủ trương có tính đột phá trong thời gian tới, đưa quê hương Đức Linh vững bước tiến lên.

Nhằm đúc kết những thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Linh đã phấn đấu khắc phục khó khăn, vươn lên đạt được trong 25 năm qua, rút ra những kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo; đồng thời, tiếp nối Lịch sử Đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Linh, tập I (1945 - 1975) được xuất bản năm 2003, Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ đạo biên soạn tập II, Lịch sử Đảng bộ huyện Đức Linh, giai đoạn (1975 - 2000) và phát hành đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện.

Ban biên soạn đã có nhiều cố gắng trong công tác thu thập tư liệu, gặp gỡ nhân chứng, tra cứu các văn bản, xử lý và tổng hợp tư liệu; đồng thời, Ban chỉ đạo biên soạn lịch sử Đảng bộ huyện cũng đã nhiều lần tổ chức toạ đàm góp ý kiến của cán bộ chủ chốt, am hiểu tình hình của huyện trong những năm qua, song không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy, Ban Thường vụ Huyện uỷ rất mong nhận được sự đóng góp quý báu, chân tình của đồng bào, đồng chí và bạn đọc gần xa, nhằm làm cho Lịch sử Đảng bộ huyện Đức Linh, tập II (1975 - 2000) tiếp tục được hoàn chỉnh hơn trong những lần tái bản sau.

**BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY
ĐỨC LINH (KHOÁ IX)**

Chương I:

HUYỆN ĐỨC LINH SAU NGÀY GIẢI PHÓNG *(Tháng 03/1975 đến tháng 01/1976)*

Sau khi giải phóng huyện Tánh Linh (ngày 24/12/1974), đến ngày 23/3/1975, huyện Hoài Đức được giải phóng, đã góp phần cùng quân dân trong tỉnh và cả nước giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Sau hơn 20 năm tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược, đế quốc Mỹ đã để lại hậu quả trên quê hương Đức Linh hết sức nặng nề: trong sản xuất nông nghiệp chủ yếu là tự cung, tự cấp, kỹ thuật canh tác lạc hậu, hệ thống thủy lợi chưa có, phần lớn ruộng đất bị hoang hoá. Ngành tiểu thủ công nghiệp không có gì đáng kể. Cơ sở vật chất phục vụ cho đời sống nhân dân thiếu thốn. Hệ thống trường học, trạm y tế đã ít lại còn bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Toàn

huyện chỉ còn một trường cấp II, III và một số ít trường tiểu học, đội ngũ giáo viên thiếu. Hệ thống trạm y tế gần như cơ sở trắng. Hơn một nửa dân số bị thiếu đói. Tình hình an ninh trật tự tuy bước đầu ổn định nhưng cũng còn nhiều phức tạp.

Để ổn định tình hình vùng mới giải phóng, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bình Tuy, Huyện ủy Hoài Đức đã nhanh chóng chỉ đạo thành lập chính quyền cách mạng nhằm thiết lập trật tự xã hội. Đến trung tuần tháng 5/1975, Tỉnh ủy Bình Tuy tổ chức hội nghị mở rộng học tập nghị quyết Khu ủy Khu VI về đánh giá tình hình trong Khu từ sau ngày giải phóng và thực hiện một số nhiệm vụ trước mắt. Đến tháng 8/1975, Tỉnh ủy mở hội nghị và ra nghị quyết các công tác cần thực hiện đến cuối năm 1975 là:

- Khẩn trương xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng ⁽¹⁾;

(1) Chỉ thị 06/CT75 và Công văn số 443/TV, ngày 14/4/1975 của Thường vụ Trung ương Cục chỉ đạo: Các vùng mới giải phóng phải xóa bỏ ngay các cấp chính quyền, tổ chức đảng phái và các luật lệ phản động của chế độ cũ. Đồng thời, các thị trấn lớn, các thị xã và các thành phố thành lập ủy ban quân quản; các huyện, quận, phường, xã thành lập ủy ban nhân dân cách mạng. Ủy ban nhân dân cách mạng các cấp quận huyện, xã phường trực thuộc ủy ban quân quản cấp tỉnh, thành hoặc thị xã.

Thường vụ R gửi Thường vụ các Khu, chuyển cho các Tỉnh ủy, Thị ủy. Lưu Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Thuận, ký hiệu IIB5(75).

- Đẩy mạnh sản xuất, khôi phục kinh tế, ổn định đời sống nhân dân;

- Truy quét tàn quân, trấn áp bọn phản động, giữ gìn trật tự trị an;

- củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang và an ninh;

- Phát động quần chúng xây dựng các đoàn thể cách mạng, củng cố và mở rộng mặt trận đoàn kết dân tộc;

- Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Đây là nghị quyết đầu tiên của Tỉnh ủy Bình Tuy sau ngày quê hương giải phóng. Trong quá trình thực hiện, Tỉnh ủy còn bổ sung nhiều chủ trương, biện pháp nhằm thực hiện đạt nhiều kết quả.

Ngày 30/6/1975, Khu uỷ Khu VI ra quyết định sáp nhập Nam Thành, Hoài Đức, Nam Thắng (Tánh Linh) thành huyện Đức Linh. Huyện Đức Linh nằm ở phía Tây tỉnh Bình Tuy, có diện tích tự nhiên 1.400km². Dân số toàn huyện có 10.665 hộ, với

59.630 khẩu, được chia thành 15 xã ⁽¹⁾. Phía Đông của huyện giáp với huyện Hàm Thuận; phía Tây nam giáp tỉnh Long Khánh (nay là tỉnh Đồng Nai), phía Nam giáp với huyện Hàm Tân, phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng.

Huyện Đức Linh có tỉnh lộ 33 (nay là tỉnh lộ 766), chạy từ Ngã ba Ông Đồn đến Ngã ba Bà Xa (xã Mê Pu), và từ xã Võ Xu đi Suối Kiết nối liền với quốc lộ 1A và đường từ Lạc Tánh đi Tà Pao, qua các xã Bắc sông La Ngà nối liền quốc lộ 20 đi Lâm Đồng. Huyện có dòng sông La Ngà chảy qua chia huyện thành hai vùng Nam sông và Bắc sông.

Trong chiến tranh, vùng dọc tỉnh lộ 33 từ xã Trà Tân đi Lạc Tánh, địch xây dựng 11 ấp chiến lược để kềm kẹp nhân dân. Bên cạnh hệ thống ấp chiến lược, trên địa bàn huyện có 2 chi khu, quận lỵ của địch là Hoài Đức và Tánh Linh để quản lý,

(1) Các xã thuộc huyện Đức Linh (6/1975) bao gồm: xã Đoàn Kết (Đồng Kho), Lạc Hà, Võ Xu, Võ Đất, Sùng Nhơn, Thống Nhất, Gia An, Trà Tân, Nam Chính, Nghị Đức, Mê Pu, Lạc Tánh, Bắc Ruộng, Nam Bình, Huy Khiêm. Đến năm 1976, giải thể căn cứ Nam Sơn của Khu VI và giao hai xã La Dạ, La Ngầu cho huyện Đức Linh.

kèm kẹp nhân dân ta. Mảng Bắc sông được giải phóng từ năm 1965, nhưng bị địch đánh phá dồn dân về Nam sông, vùng giải phóng chỉ còn gần 500 người bám trụ. Sau ngày giải phóng, hơn 1.200 hộ trước đây bị địch dồn về Nam sông trở lại quê hương cũ ở Bắc sông.

Sau ngày giải phóng tình hình an ninh, trật tự trong huyện còn nhiều diễn biến phức tạp. Tàn quân tại chỗ, cùng một số ở nơi khác đến sống trà trộn trong dân, làm cho việc quản lý nhân khẩu của ta gặp rất nhiều khó khăn. Có tên lợi dụng tình hình mới giải phóng tung tin thất thiệt, xuyên tạc chính sách vùng mới giải phóng của ta, làm cho nhân dân hoang mang. Một số tên phản động ở Võ Đất, Gia An, Trà Tân, v.v... lợi dụng sơ hở trong quản lý của ta đã khai man lý lịch, vào làm việc trong chính quyền cách mạng cơ sở, bao che cho số tay sai có nợ máu với nhân dân trước đây và có những hành động đe dọa, mượn thế cách mạng xét hỏi quần chúng, làm cho nhân dân thiếu tin vào cách mạng. Ở Trà Tân, trong tháng 7, 8/1975, số tàn quân do hai tên Khôi và Thập chỉ huy còn lẩn trốn ngoài rừng về lòi kéo 17 thanh niên đi theo chúng. Trong tháng

10/1975, hai tên Tỏ và Hạ dẫn đường đưa một số tàn quân ở Hố Nai ra và chúng mệnh danh là "Tiểu đoàn 1 quyết thắng quân lực Việt Nam Cộng hòa" để lôi kéo số tàn quân theo chúng⁽¹⁾. Còn một số nhân dân sau ngày giải phóng, trong tư tưởng cũng diễn ra phức tạp. Số gia đình có người tham gia chế độ cũ thì sợ ta phân biệt đối xử.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bình Tuy về việc thành lập chính quyền cách mạng, xây dựng hệ thống chính trị, Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời được thành lập từ tháng 6/1969 làm nhiệm vụ quản lý công sở chính quyền của địch bỏ lại ở Võ Đất. Ủy ban Nhân dân cách mạng huyện do đồng chí Trần Tuấn Anh, Phó Bí thư Huyện ủy làm Chủ tịch, đồng chí Đoàn Văn Sĩ làm Phó Chủ tịch và đồng chí Hoàng Long làm Thư ký. Đến cuối năm 1975, hệ thống chính quyền huyện có 16 cơ quan, cùng với khối Đảng và 3 đoàn thể hình thành bộ

(1) Linh mục Nguyễn Văn Lạc từ quận Thiện Giáo chạy đến sinh sống ở Võ Đất được 2 tháng, đã kích động giáo dân không chấp hành các chính sách của cách mạng, bị ta bắt đi cải tạo.

Thích Quảng Thành ở Võ Xu tung tin thất thiệt, làm cho nhân dân hoang mang, ta lập hồ sơ đưa đi cải tạo ở tỉnh, sau về Hàm Tân.



*Đồng chí Ngô Thanh Bình.
Bí thư Huyện ủy từ 6/1975 - 8/1978.*

máy lãnh đạo huyện Đức Linh⁽¹⁾. Trong đó, khối đoàn thể, chính quyền, Đảng có 551 cán bộ (149 nữ; khối quân sự có 70 đồng chí (11 nữ) và ngành giáo dục có 221 người (85 nữ)⁽²⁾.

Chính quyền cách mạng các xã vùng giải phóng được mở rộng và tiếp tục xây dựng chính quyền ở các xã mới giải phóng, như Trà Tân, Võ Xu, Chính Đức, Sùng Nhơn (làng mới), Võ Đất, v.v... đồng thời tiến hành xây dựng các bộ phận chuyên môn⁽³⁾. Tuy nhiên, do thiếu cán bộ, mỗi ban ngành xã chỉ có 1 đến 2 người và đến cuối năm 1975, 13/15 xã trong huyện thành lập được các bộ phận chuyên môn với

(1) Các cơ quan cấp huyện gồm có: cơ quan Huyện ủy, văn phòng ủy ban, phòng thương nghiệp, tài chính, lương thực, vật tư, an ninh, thông tin văn hóa, dân y, nông nghiệp, giao thông, trại cải tạo, bưu điện, giáo dục, bệnh xá Nam sông, bệnh xá Bắc sông. Khối đoàn thể có: nông hội, phụ nữ, thanh niên và khối quân sự có: cơ quan huyện đội, đơn vị 421, 422 và 420.

(2) Từ tháng 3/1975 đến năm 1977, cơ quan Huyện ủy đóng ở xã Võ Xu; Ủy ban Nhân dân huyện đóng ở xã Nam Chính. Từ năm 1978 đến năm 1981, cơ quan Huyện ủy và Ủy ban Nhân dân huyện chuyển về đóng ở xã Võ Đất (nay là thị trấn Đức Tài) và từ năm 1982 hai cơ quan huyện chuyển về xã Võ Xu (năm 1997 chuyển thành thị trấn) cho đến nay (2009).

(3) Khối xã có các ngành: an ninh, xã đội, kinh tế, thông tin, nông nghiệp, giao thông- bưu điện, y tế và các đoàn thể phụ nữ, thanh niên, nông hội. Mỗi thôn có ban cán sự thanh niên, phụ nữ, nông hội.

tổng số 93 cán bộ (5 nữ) và 52 ban cán sự thôn với 122 cán bộ (21 nữ). Đây là hạt nhân ban đầu, tạo cho hệ thống hành chính trong toàn huyện đi vào hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ quản lý xã hội những ngày mới giải phóng.

Cùng với xây dựng hệ thống chính quyền, công tác xây dựng Đảng, hạt nhân lãnh đạo cách mạng được củng cố. Đến cuối năm 1975, toàn huyện có 195 đảng viên, trong đó có 22 đảng viên dự bị và 36 đảng viên là người dân tộc thiểu số, sinh hoạt trong 17 chi bộ. Khối cơ quan có 7 chi bộ, bao gồm lực lượng vũ trang có 3 chi bộ (chi bộ huyện đội, chi bộ đơn vị 422, 421) và 4 chi bộ dân Đảng (chi bộ Văn phòng Huyện ủy, chi bộ Văn phòng Ủy ban Nhân dân huyện và 2 chi bộ bệnh xá). Trong 15 xã đã có 10 xã thành lập được chi bộ đảng là Huy Khiêm, Bắc Ruộng, Nghị Đức, Mê Pu, Sùng Nhơn, Võ Xu, Trà Tân, Võ Đất, Chính Đức, Đoàn Kết. Riêng xã Nam Bình chỉ hình thành 1 tổ đảng. Trong số 10 chi bộ, có 6 chi bộ: Huy Khiêm, Bắc Ruộng, Nghị Đức, Mê Pu, Sùng Nhơn và Võ Xu là những chi bộ hình thành từ trong kháng chiến; 4 chi bộ: Đoàn Kết, Trà Tân, Võ Đất, Chính Đức và tổ đảng xã Nam Bình mới được thành lập sau giải phóng.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lâm thời có 14 đồng chí và 51 đồng chí là chi ủy của 17 chi bộ cơ sở⁽¹⁾.

Về đoàn thể quần chúng, huyện hình thành 3 Ban chấp hành lâm thời: Nông hội huyện có 9 ủy viên, phụ nữ huyện có 9 ủy viên và Huyện đoàn Thanh niên có 7 ủy viên.

Để nâng cao nhận thức về cách mạng và đường lối lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới, Đảng bộ huyện triển khai chỉnh huấn chính trị, đào tạo cán bộ các cấp. Trong những tháng còn lại của năm 1975, việc chỉnh huấn nghị quyết (học tập) được triển khai kịp thời. Tháng 5/1975, huyện triển khai cho cán bộ, đảng viên học tập Nghị quyết 14, 15 của Trung ương Cục. Đến tháng 9/1975, Huyện ủy triển khai học tập

(1) Trong báo cáo tình hình 1975 của Huyện ủy Đức Linh (ngày 13/01/1976), Ban chấp hành Đảng bộ huyện có 14 đồng chí, nhưng không có danh sách cụ thể. Riêng tự thuật của đồng chí Ngô Thanh Bình, nguyên Bí thư Huyện ủy Đức Linh từ tháng 6/1975 đến năm 1976, Ban chấp hành Đảng bộ huyện gồm có 13 đồng chí: đồng chí Ngô Thanh Bình, bí thư; Trần Tuấn Anh, phó bí thư. Thường vụ Huyện ủy gồm có đồng chí Ngô Việt Hùng, Đoàn Văn Sĩ, Phạm Xuân Trinh, Nguyễn Tuấn Dục. Huyện ủy viên gồm có đồng chí Lê Đức Sơn, Trương Khương, Nguyễn Xuân Nhị, Nguyễn Thuận, Đoàn Phú Vinh, K'Bốp và đồng chí Nguyễn Thanh An.

Nghị quyết 16 và 33 của Trung ương Cục về nhiệm vụ cách mạng cho 36 cán bộ Huyện ủy và các ngành, các giới và bí thư chi bộ các xã tham gia trong thời gian 7 ngày. Sau đó, tiếp tục triển khai Nghị quyết 16 của Trung ương Cục cho đảng viên, đoàn viên, sĩ quan, chiến sĩ lực lượng vũ trang, cán bộ ngoài Đảng và nhân dân ở các xã trong huyện. Đây là đợt học tập (chỉnh huấn) nghị quyết sâu rộng, nâng cao nhận thức cho tất cả cán bộ, đảng viên, đoàn viên và cán bộ ngoài Đảng. Ngoài ra, Huyện ủy còn tổ chức 3 lớp học tập cho 32 đảng viên bị đứt liên lạc, bị tù trong kháng chiến chống Mỹ ở 3 chi bộ xã Võ Xu, Chính Đức và Võ Đất với thời gian mỗi lớp 4 ngày về mục đích, bản chất của Đảng, 7 nhiệm vụ đảng viên, vai trò của chi bộ và đạo đức cách mạng của người đảng viên. Sau đợt học tập, những đảng viên dự học làm bản tự kiểm điểm, tự thuật về lý do mất liên lạc với Đảng. Đồng thời, Huyện ủy tổ chức 1 lớp học cảm tình Đảng cho 84 người, nhằm tạo nguồn phát triển đảng.

Cùng với việc học tập chính trị tại địa phương, huyện cử nhiều cán bộ về tỉnh để đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn trên các lĩnh vực, như: thông tin văn hóa, tài chính, bưu điện, thống kê nông

nghiệp, chính quyền, an ninh, y tế, thương nghiệp, giáo dục. Đồng thời, tổ chức bồi dưỡng cho hàng trăm cán bộ xã, thôn và các đoàn thể về lề lối làm việc, cách thức lãnh đạo và tổ chức phát triển hội viên, đoàn viên các đoàn thể nhân dân để cán bộ hiểu rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của mình trong việc góp phần ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương⁽¹⁾.

Sau ngày giải phóng, nhận thức được tầm quan trọng trong việc xây dựng hệ thống chính trị và nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo và thực hiện nhiệm vụ trong tình hình cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, Huyện ủy đã chú trọng đến công tác cán bộ, đào tạo chuyên môn cho cán bộ lãnh đạo các cấp trong huyện.

Công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội được quan tâm đẩy mạnh. Ngoài việc xây dựng lực lượng du kích thực hiện các nhiệm vụ canh gác trong từng địa bàn, ta còn vận động quần chúng tích cực tham gia bảo vệ trật tự ở từng thôn, xã. Toàn huyện đã thành lập 13 ban chỉ huy xã đội

(1) Riêng cán bộ đoàn thể ở xã, thôn được bồi dưỡng chuyên môn: nông hội có 4.568, phụ nữ 3.258; về cán bộ chính quyền xã, thôn có 989 người.

với 43 cán bộ (12 nữ) và 13 ban an ninh xã với 39 cán bộ. Để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc phòng vùng giải phóng, Huyện uỷ đã chỉ đạo củng cố lực lượng công an và quân sự huyện. Công an huyện do đồng chí Phạm Xuân Trinh - Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ phụ trách; Huyện đội do đồng chí Trần Ái Nhân làm Chính trị viên, đồng chí Đinh Văn Trí làm Huyện Đội trưởng và đồng chí Lê Xuân Nhị làm Huyện đội phó.

Thực hiện chính sách hoà giải, hoà hợp dân tộc của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đối với vùng mới giải phóng, huyện đã kêu gọi số sĩ quan, binh sĩ và công chức chế độ cũ ra trình diện chính quyền cách mạng để được hưởng chính sách khoan hồng. Từ tháng 5/1975 đến cuối năm 1975, toàn huyện đã có 6.317 người ra trình diện, trong đó có 4.468 người là ngụy quân và 1.809 người là ngụy quyền. Tuy nhiên, còn một số sĩ quan, binh lính chính quyền cũ ngoan cố chạy ra rừng để chống phá cách mạng. Sau khi rút kinh nghiệm các đợt truy quét tàn quân trước đây, tháng 10/1975, bộ đội địa phương huyện cùng du kích các xã truy quét liên tục trong 7 ngày vào các vùng núi có bọn tàn quân lẩn trốn. Đến tháng 11/1975, lực lượng của huyện phối

hợp với lực lượng của tỉnh Long Khánh, Lâm Đồng truy quét ở vùng giáp ranh. Trong tháng 12/1975, lực lượng truy quét của huyện còn phối hợp với các xã, triển khai vận động quần chúng phát giác, kết hợp với hoạt động vũ trang trấn áp các tên còn lẩn trốn. Qua 3 tháng triển khai hoạt động truy quét bọn tàn quân, quân dân Đức Linh đã đánh 4 trận, diệt 9 tên, bắt sống 14 tên, bóc gỡ 4 cơ sở của chúng và kêu gọi 11 tên ở Trà Tân ra đầu hàng. Ngoài ra, kết hợp lực lượng hoạt động bên ngoài, bắt 37 tên nguy từ nơi khác đến lẩn trốn ngoài rừng. Đồng thời, qua tố giác của quần chúng, ta bắt 33 tên còn lẩn trốn ở Lạc Tánh và Tư Tề (Võ Đất). Vừa thực hiện vận động, kết hợp với quần chúng tố giác và đẩy mạnh hoạt động truy quét, trong những tháng sau giải phóng, tình hình an ninh trật tự dần dần đi vào ổn định, góp phần tạo không khí phấn khởi cho quần chúng.

Để tạo cơ sở vững chắc cho chế độ mới, công tác phát động quần chúng được Huyện ủy chú ý triển khai. Ngoài việc thực hiện chính sách "10 điều quy định đối với vùng mới giải phóng", "10 điều kỷ luật của cán bộ, nhân viên, chiến sĩ vùng mới giải phóng"; ta còn phát động quần chúng xây dựng nếp sống mới, phát triển sản xuất, chống đói, vận động

thực hiện chính sách ruộng đất. Để bảo đảm cho việc lãnh đạo, phát động quần chúng được tốt, huyện đã bồi dưỡng cho 2.066 cốt cán ở thôn, xã và là nòng cốt cho công tác tuyên truyền, vận động quần chúng trong toàn huyện. Đến cuối năm 1975, toàn huyện đã phát động cho hơn 105.332 lượt người tham gia học tập đường lối, chủ trương của Đảng, Mặt trận và chính quyền. Ngoài ra, ta còn đưa các nội dung phát động quần chúng vào các ngày mít tinh mừng các ngày lễ, như: 2/9 - ngày Quốc khánh; 20/12- ngày thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam; 22/12 - ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam, v.v... Đồng thời, huyện còn tổ chức triển lãm và chiếu phim, làm cho quần chúng hiểu thêm về chính quyền cách mạng và chính sách, đường lối của Đảng ta.

Công tác thông tin liên lạc sau ngày giải phóng, huyện chỉ có 5 đồng chí là giao liên trong kháng chiến chống Mỹ làm nhiệm vụ chuyển công văn, thư từ từ huyện lên tỉnh và về các xã phục vụ cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ và Uỷ ban Nhân dân cách mạng lâm thời. Để bảo đảm cho công tác thông tin liên lạc phục vụ nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới, tháng 6/1975, Phòng Bưu điện huyện

và tổ bưu điện các xã được thành lập, mỗi tổ có từ 2 đến 4 người. Nhưng do không có nghiệp vụ chuyên môn, nên công việc giao bưu các xã thực hiện gặp nhiều khó khăn, lúng túng. Để khắc phục tình hình chung, tháng 10/1975, huyện bổ sung thêm cán bộ, nhân viên bưu điện huyện lên 11 người và sắp xếp bưu điện các xã thành 4 trạm: Võ Đất, Lạc Tánh, Mê Pu và Nghị Đức với số cán bộ, nhân viên 13 người. Mặc dù điều kiện làm việc còn khó khăn do thiếu phương tiện, nhiều người phải đi bộ để thực hiện nhiệm vụ của mình, nhưng Bưu điện huyện đã phối hợp với Ty Bưu điện tỉnh Bình Tuy xây dựng được 18.500m đường dây điện thoại và 2 tổng đài máy hữu tuyến, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội trong huyện. Khó khăn nhất là việc xây dựng đường dây điện thoại hữu tuyến từ Võ Đất đi Bắc sông và Lạc Tánh chưa thực hiện được nên ảnh hưởng rất lớn đến việc chỉ đạo của huyện đến các địa phương có lúc chưa kịp thời.

Tháng 6/1975, thành lập Phòng Giao thông huyện làm nhiệm vụ huy động lao động các xã và công nhân viên các cơ quan tham gia vào việc sửa chữa hệ thống giao thông trong huyện. Việc khôi phục các đoạn đường trong huyện rất vất vả. Bom

mình còn lại nhiều và phương tiện làm đường còn thô sơ, nhưng với trách nhiệm cao, nhân dân trong huyện đã tu bổ được 42 km, phục vụ cho việc đi lại của nhân dân thuận lợi hơn. Tuy vậy, việc vận chuyển hàng hóa từ Nam sông sang Bắc sông và ngược lại còn gặp khó khăn do cầu La Ngà bị hư hỏng nặng trong chiến tranh. Để khắc phục khó khăn trên, Phòng Giao thông huyện thành lập bến đò phục vụ cho việc lưu thông từ Võ Xu sang Bắc sông và ngược lại được thuận lợi hơn. Sau đó, được sự đầu tư của tỉnh, cầu La Ngà được xây dựng và hoàn thành đưa vào sử dụng năm 1979, phục vụ lưu thông trong huyện được đảm bảo tốt hơn.

Thực hiện chủ trương chung của Nhà nước về sửa chữa đường sắt trong tỉnh bị hư hại trong chiến tranh. Từ ngày 12/8 đến ngày 8/9/1975, huyện đã huy động nhân dân tu sửa đoạn đường sắt từ ga Gia Huỳnh đi Sông Phan, góp phần chung cho việc thông tuyến đường sắt thống nhất Bắc - Nam trong năm 1976.

Để tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến nhân dân, công tác thông tin tuyên truyền được tổ chức. Tính đến cuối năm 1975, toàn huyện có 15 ban thông tin xã và 54 tổ thông tin xóm với 115 cán bộ, nhân viên. Để thực hiện tốt



*Đồng chí Lê Khắc Thành.
Bí thư Huyện ủy từ 8/1978 - cuối 1979*

công tác chuyên môn của mình trong điều kiện thiếu thốn về vật chất, trang thiết bị, Phòng Thông tin huyện thành lập hệ thống truyền thanh hai khu vực ở xã Chính Đức và xã Võ Xu. Nhiệm vụ của công tác thông tin lúc này là tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; tuyên truyền cho nhân dân xóa bỏ tàn dư văn hóa phản động, đồi trụy, phát huy văn hóa cách mạng góp phần đấu tranh chống lại luận điệu sai trái, xuyên tạc của bọn chống đối cách mạng.

Công tác giáo dục của huyện sau ngày giải phóng gặp vô vàn khó khăn, cơ sở vật chất bị chiến tranh tàn phá nặng nề, đội ngũ giáo viên thiếu nghiêm trọng, số giáo viên cũ được chính quyền cách mạng thu dung tổ chức học tập chính trị là 83 người, nhưng chỉ có 68 người nhận công tác⁽¹⁾. Trước tình hình đó, được sự đồng ý của Ty Giáo dục Bình Tuy, tháng 3/1975 huyện mở lớp đào tạo sư phạm

(1) Theo báo cáo số 12/BC/1975 của Đảng bộ Đức Linh, ngày 13/01/1976: Về giáo viên cấp I, qua 3 đợt đào tạo giáo viên cấp tốc có 91 người tốt nghiệp ra trường, chỉ có 80 người đi dạy. Tỉnh bổ sung về huyện 83 giáo viên nhưng chỉ có 75 người đến nhận công tác. Số học sinh cấp I đến cuối năm 1975 có 10.376 em (4.554 nữ) và cấp II, III (chưa tính trường cấp II ở Bắc sông) có 735 em (195 nữ).

cấp tốc giáo viên cấp I (nay là tiểu học) trong 10 ngày và đến tháng 4 năm 1975 mở tiếp một lớp tại xã Võ Xu. Cùng với số giáo viên trong vùng kháng chiến, giáo viên đào tạo cấp tốc, giáo viên thu dung và giáo viên ở tỉnh tăng cường, đến cuối năm 1975 giáo viên cấp I toàn huyện có 221 người, dạy ở 234 lớp, 21 trường trong huyện. Năm học 1975 - 1976, huyện mở thêm một trường cấp II (nay là trung học cơ sở) ở mảng Bắc sông. Như vậy, toàn huyện có 3 trường cấp II, với 23 giáo viên, dạy trong 14 lớp. Riêng khối mẫu giáo trong huyện mới triển khai từ tháng 10/1975. Trước tình hình đó, tỉnh Bình Tuy chi viện 5 giáo viên về xây dựng lớp mẫu giáo và đào tạo giáo viên chuyên trách, lấy xã Võ Xu làm điểm của huyện.

Song song với củng cố và phát triển các cấp học phổ thông, các lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hóa cũng được huyện quan tâm. Huyện tổ chức 4 lớp tập huấn cho 130 người làm trợ lý bổ túc văn hóa và giáo viên nghiệp dư, cùng với số giáo viên được tăng cường về, đến cuối năm toàn huyện đã có 268 người. Tuy cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập của học viên còn thiếu thốn, nhưng đã có 6.792 người theo học. Phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hóa

trong huyện phát triển khá tốt, góp phần nâng cao trình độ học vấn cho nhân dân trong huyện.

Công tác y tế, vệ sinh, phòng bệnh cũng được huyện chỉ đạo kịp thời, ngành Y tế huyện vừa tiếp quản, vừa xây dựng bộ máy và vừa điều trị bệnh cho nhân dân. Về công tác tổ chức, Phòng Y tế có 21 cán bộ, nhân viên đảm nhiệm các công việc chuyên môn; đã xây dựng 15 ban y tế xã và 1 khung trường y tá huyện. Phòng Y tế cử 6 y tá lưu động phục vụ công tác y tế tại một số cơ quan trong huyện⁽¹⁾. Thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh sốt rét, đã chích ngừa cho 33.722 người và phun thuốc phòng bệnh ở mảng Nam Thành và Tánh Linh cũ. Ngoài ra, Phòng Y tế còn mở 3 đợt tập huấn về phòng bệnh cho cán bộ y tế các xã và thành lập 4 tủ thuốc ở Lạc Tánh, Võ Xu, Nam Bình, Võ Đất để phục vụ nhân dân. Trường đào tạo Y tá huyện mặc dù chỉ có 3 cán bộ, sinh hoạt chung với Phòng Y tế huyện, nhưng đã mở được 2 lớp đào tạo cho 44 hộ sinh và 1 lớp cho 56 học viên pha chế thuốc. Tuy còn nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực cố gắng của cán bộ, nhân viên

(1) Trong tổng số 75 cán bộ, nhân viên y tế từ huyện đến xã đã có 48 người có chuyên môn nghiệp vụ, 27 nhân viên hành chính. Trong số chuyên môn y tế có 1 bác sĩ, 5 y sĩ.

trong ngành, đã góp phần dập tắt dịch sốt rét và xây dựng cơ sở vật chất, cũng như đào tạo chuyên môn ban đầu, góp phần chăm lo sức khoẻ cho nhân dân.

Thực hiện chủ trương về đẩy mạnh sản xuất và ổn định đời sống nhân dân của Tỉnh ủy Bình Tuy, Huyện ủy chủ trương vận động nhân dân đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, làm hết diện tích hiện có⁽¹⁾. Tuy nhiên, vào tháng 6/1975 bị lụt lớn, sau nắng hạn kéo dài và sức kéo ít, đã ảnh hưởng đến sản xuất. Trước tình hình đó, huyện đã tổ chức các cuộc hội nghị chuyên đề bàn biện pháp khắc phục sản xuất vụ mùa, vụ hè thu và vụ nghịch; bàn công tác làm thủy lợi, vật tư phục vụ sản xuất. Để giải quyết khó khăn, nhiều cán bộ huyện được cử về các xã để cùng chính quyền địa phương giải quyết các khó khăn vướng mắc, nhằm tạo điều kiện phát triển sản xuất. Đến cuối năm 1975, toàn huyện đã gieo trồng hơn 10.604 ha. Sản lượng lương thực (quy ra thóc) đạt gần 11 ngàn tấn. Việc chăn nuôi tuy còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với nỗ lực của nhân dân, đàn gia súc từng bước được khôi phục⁽²⁾. Tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu sức kéo phục sản xuất.

(1) Diện tích tự nhiên toàn huyện 265.500 ha, rừng chiếm 185.000 ha.

(2) Trâu có 3.301, bò 499 con, heo 6.995 con.

Công tác thủy lợi phục vụ tưới tiêu cho sản xuất bước đầu được quan tâm, Huyện đã chỉ đạo phục hồi các cơ sở thủy lợi cũ và xây dựng những đập thủy lợi nhỏ theo khả năng hiện có. Từ đó, đã huy động sức dân đắp được nhiều đập, mương, như xã Đoàn Kết đắp 2 con đập ở Suối Trâu và suối Nước Nóng, tưới cho 50 ha; xã Mê Pu đắp đập ngăn suối để tưới cho diện tích đất sản xuất vụ thu và vụ nghịch.

Hoạt động khai thác cá nước ngọt cũng được huyện quan tâm. Đức Linh có nhiều ao, hồ, sông, suối. Đặc biệt, hồ Biển Lạc có diện tích trên 250 ha, có nguồn cá nước ngọt lớn nhất của tỉnh⁽¹⁾. Khả năng khai thác cá hàng năm đạt từ 400 đến 500 tấn. Huyện đã tổ chức cho 91 hộ ở xã Gia An và 25 hộ ở xã Võ Xu khai thác và nuôi trồng thủy sản nhằm phát huy lợi thế của huyện.

Phát huy hiệu quả của các tổ chức lao động hợp tác đã được xây dựng trong những năm chiến tranh ở vùng giải phóng Bắc sông La Ngà, Huyện uỷ đã có chủ trương vận động nhân dân đi vào con đường làm ăn tập thể ngay từ ngày đầu mới giải phóng. Đến đầu năm 1976, toàn huyện đã thành lập được 524 tổ đổi

(1) Ngoài Biển Lạc, diện tích mặt nước các sông, suối khoảng 169 ha, các ao, hồ, đầm là 855 ha.

công và 11 tổ hợp tác lao động bước đầu hoạt động có hiệu quả. Có thể nói, phong trào làm ăn tập thể ở Đức Linh được xây dựng và phát triển đầu tiên ở tỉnh Bình Tuy và Khu VI. Trong chỉ đạo sản xuất, huyện đã tập trung chỉ đạo tận dụng hết khả năng hiện có, cả dụng cụ cơ giới, sức kéo trâu, bò và sức người nhằm tích cực đẩy mạnh sản xuất, thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất, bước đầu đạt kết quả khá tốt, góp phần ổn định đời sống nhân dân.

Ban Kinh tài huyện từ căn cứ về tiếp thu tài chính của địch không có gì đáng kể. Do đó, nguồn thu chủ yếu những ngày đầu giải phóng là dựa vào đóng góp của nhân dân nên gặp nhiều khó khăn. Đến tháng 11/1975, Ban Kinh tế - Kế hoạch Trung ương Cục Miền Nam công bố về chính sách kinh tế, trong đó có quy định tiền tệ- giá cả- tài chính. Tiếp theo đó, Nha Thuế vụ của Tổng Nha tài chính và Tổng cục Lương thực miền Nam triển khai cụ thể đến các địa phương thực hiện. Từ đầu tháng 11 đến tháng 12/1975, toàn huyện thu 342.851,22 đồng tiền thuế (theo giá tiền lúc bấy giờ) và chi là 286.847,49 đồng phục vụ cho hoạt động của bộ máy và chi cho phát triển kinh tế xã hội. Trong quá trình thực hiện, huyện thành lập đội thuế, cơ quan đóng ở Võ Đất, thu các loại thuế

xuất - nhập hàng hóa nông sản, v.v... Nhưng cũng trong quá trình thực hiện bước đầu còn gặp khó khăn, lúng túng trong nghiệp vụ. Thường vụ Huyện ủy tổ chức kiểm tra, chỉ đạo đề ra quy định thu - chi, thực hiện đúng nguyên tắc tài chính của trên đề ra; từ đó hoạt động kinh tế tài chính từng bước được ổn định và đi vào nền nếp.

Công tác thu mua lương thực đến tháng 11/1975 mới tách khỏi ngành kinh tế - tài chính, hoạt động độc lập. Do làm tốt công tác quản lý, Phòng Lương thực huyện đã giải quyết tốt chế độ lương thực cho cán bộ, công nhân viên chức và cứu đói cho dân từ tháng 5 đến tháng 8/1975. Trong 6 tháng cuối năm 1975, toàn huyện đã nhập vào kho hơn 277 tấn gạo, bao gồm thu mua của dân, nhận của tỉnh và Trung đoàn 812 bàn giao. Đồng thời, đã cung cấp cho các đối tượng trong huyện hơn 270 tấn. Mặt khác, huyện xây dựng 2 kho ở 2 xã Võ Đất và Mê Pu để thuận lợi cho việc nhập kho, cũng như cấp phát lương thực cho các đối tượng được hưởng.

Ngành thương nghiệp - vật tư huyện cũng được thành lập. Đến cuối năm 1975, toàn huyện có 3 cửa hàng thương nghiệp làm nhiệm vụ bán hàng cho cán bộ, công nhân viên và nhân dân theo chế độ quy

định⁽¹⁾. Tuy nhiên, hàng nhu yếu phẩm cung cấp cho cán bộ và nhân dân dựa vào nguồn hàng từ miền Bắc chi viện vào là chủ yếu nên ít về số lượng, chưa đáp ứng đủ nhu cầu sinh hoạt cho cán bộ, nhân dân. Trước tình hình đó, huyện thành lập một cửa hàng thương nghiệp ở Bắc Ruộng phục vụ cho 5 xã Bắc sông La Ngà và tổ chức thu mua số nông sản tại chỗ bán cho các đối tượng được hưởng, qua đó tạo cho người sản xuất phấn khởi và người tiêu dùng cũng an tâm. Công tác vật tư lúc này chủ yếu nhận xăng-dầu của trên về bán phân phối cho máy kéo, xe vận tải làm nhiệm vụ chuyển hàng hóa, phục vụ sản xuất nông nghiệp và dầu thắp sáng cho dân.

Để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, cuối năm 1975 Chi nhánh Ngân hàng huyện được thành lập, đã bố trí các tổ tại các khu vực: Võ Đất, Mê Pu, Lạc Tánh, Chính Đức, Đoàn Kết và Bắc Ruộng. Chi nhánh Ngân hàng Đức Linh là một

(1) Do bước đầu hàng hóa, vật tư tại chỗ chưa có, Phòng Thương nghiệp huyện chủ yếu nhận hàng ở thương nghiệp tỉnh về bán phân phối cho cán bộ 4 mặt hàng chính là: lương thực, thịt, xà bông và đường. Còn nhân dân chủ yếu dầu lửa, xà bông. Đối với ngành giáo dục, các cửa hàng bán phân phối cho học sinh, giáo viên: giấy, bút và vở học.

trong hai chi nhánh của tỉnh Bình Tuy⁽¹⁾. Sau khi thành lập, Chi nhánh Ngân hàng huyện mở hội nghị chuyên đề về nội dung công tác ngân hàng, các thủ tục quản lý và phương hướng công tác ngân hàng. Việc làm này giúp cho các cấp, các ngành trong huyện hiểu rõ công tác ngân hàng để phối hợp thực hiện tốt vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Để đưa đồng tiền "Ngân hàng Việt Nam" của cách mạng vào sử dụng ở miền Nam, ta tiến hành công tác thu đổi tiền chế độ cũ (Sài Gòn). Ngày 22/9/1975, toàn miền Nam thực hiện công tác đổi tiền⁽²⁾, nhân dân gọi là "tiền giải phóng", đến

(1) Ngân hàng tỉnh Bình Tuy thành lập ngày 20/9/1975. Ngân hàng có 4 nhiệm vụ: a) Quản lý kinh tế, quản lý tài chính của địch. b) Là cơ quan trung tâm tiền tệ- tín dụng và thanh toán gồm các ngành kinh tế trong địa phương và toàn quốc. c) Cùng các ngành kinh tế phục vụ sản xuất, lưu thông hàng hóa, ổn định giá cả trên thị trường, đôn đốc thu, giám đốc chi ủy quyền ngân sách của địa phương. d) Quản lý tiền mặt, tiền lương trong các khu vực kinh tế, góp phần xây dựng và thúc đẩy kinh tế.

(2) Đến ngày qui định, các hộ gia đình, các xí nghiệp, công nhân viên chức kê khai số tiền hiện có và nộp cho bàn đổi tiền. Sau đó, các bàn qui đổi thực hiện đổi theo các tờ khai số tiền Sài Gòn đã có. Theo Thông báo số 1-NH ngày 23/9/1975 của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam: hộ có 100.000đ tiền Sài Gòn cũ trở xuống, được đổi một lần; hộ có trên 100.000đ được đổi mức 100.000đ, số còn lại gửi tiết kiệm và hộ có số tiền từ 1 triệu trở lên theo kê khai, số dư trên chuyển vào tài khoản nếu là sản xuất, kinh doanh.

25/9/1975 đã căn bản hoàn thành. Theo quy định 500 đồng tiền Sài Gòn cũ đổi 1 đồng tiền ngân hàng Việt Nam. Sau ngày 30/9/1975, tiền Sài Gòn cũ không được lưu thông, thanh toán trên thị trường và trong nhân dân. Trong quá trình đổi tiền, trong nhân dân xuất hiện một số tiền có tên "Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam". Đây là tiền do địch giả mạo tiền của ta trước đây định phát hành trong vùng giải phóng từ sau năm 1973, nhưng sau đó đình chỉ thực hiện. Do phát hiện kịp thời, một số tiền này bị thu giữ ⁽¹⁾.

Sau đổi tiền, toàn tỉnh tiến hành đợt 2 thực hiện chính sách kinh tế đối với tư sản mại bản và tư sản "thường". Thời gian thực hiện từ ngày 10 đến ngày 30/10/1975. Tuy nhiên, địa bàn Đức Linh, tư sản mại bản không có, tư sản

(1) Theo báo cáo của chi nhánh Ngân hàng tỉnh Bình Tuy ngày 30/10/1975: Sau đổi tiền, tiền Sài Gòn cũ thu về toàn tỉnh là 1.929.000.720 đồng. Số tiền Ngân hàng Quốc gia Việt Nam chi đổi 4.800.000 đồng. Số hộ trong toàn tỉnh đăng ký đổi 28.550 hộ, với 161.270 nhân khẩu (nam 80.198 người, nữ 101.072 người).

"thường" chỉ có vài chục hộ kinh doanh hàng công nghệ phẩm⁽¹⁾.

Sau hơn 6 tháng giải phóng, tuy còn nhiều khó khăn, nhưng với nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân trong huyện đã ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống; xây dựng và phát triển nền văn hoá mới, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội vùng mới giải phóng, từng bước đưa quê hương vững bước đi lên.

(1) Theo qui định thành phần tư sản: Trong công nghiệp có vốn là 40.000 đồng tiền mới (20 triệu tiền cũ) thuê 8 nhân công và lãi suất 4.000đ/năm trở lên. Trong thương nghiệp có vốn 30.000đ tiền mới (15 triệu tiền cũ). Số tư sản dựa vào tư bản nước ngoài và chính sách tay sai để kinh doanh là tư sản mại bản.

Chương II:

**ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN HUYỆN
ĐỨC LINH KHẮC PHỤC HẬU QUẢ
CHIẾN TRANH, XÂY DỰNG QUAN HỆ
SẢN XUẤT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
(1976 - 1983)**

**A. ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ
NHẤT (1976 - 1979):**

Nhiệm vụ cách mạng của nước ta sau ngày giải phóng miền Nam là hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Ngày 02/11/1975, Trung ương Cục miền Nam ra Chỉ thị số 18/CT-75 về Hiệp thương chính trị, thống nhất Tổ quốc. Trong chỉ thị nêu rõ: Ngày 5/11/1975 tiến



Thanh niên Đức Linh hăng hái lên đường làm nghĩa vụ quân sự.

1875

hành Hội nghị liên tịch mở rộng ở miền Nam bao gồm Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Trung ương Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình miền Nam Việt Nam, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Hội đồng Cố vấn Chính phủ và một số đại biểu tiêu biểu để thảo luận về chủ trương thống nhất nhà nước, ra nghị quyết hiệp thương giữa hai miền Nam - Bắc nhằm tổ chức tổng tuyển cử, bầu Quốc hội và các cơ quan lãnh đạo nhà nước chung của cả nước, cử đoàn đại biểu miền Nam tham gia hội nghị hiệp thương chính trị với miền Bắc. Chỉ thị còn nêu: Các đoàn thể quần chúng, Ban tuyên huấn và các cơ quan trong Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang tiến hành học tập, thông suốt chủ trương này và tuyên truyền trong quần chúng, nhân dân.

Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 15/11/1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị giữa hai miền đã được tiến hành tại Hội trường dinh Thống nhất, Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh). Tại hội nghị đã định ra ngày bầu cử Quốc hội chung cả nước.

Chào mừng sự kiện chính trị Hội nghị hiệp thương thống nhất Tổ quốc, nhân dân cả nước tổ chức mít tinh. Vào 15 giờ ngày 21/11/1975, tỉnh Bình Tuy tổ chức mít tinh mừng thắng lợi của hội nghị hiệp thương chính trị hai miền, có 800 người là cán bộ, chiến sĩ khối các cơ quan quân, dân, chính, đảng tham dự. Đến ngày 25/4/1976, nhân dân cả nước đi bầu cử Quốc hội khóa VI. Cử tri huyện Đức Linh đã hăng hái làm nhiệm vụ công dân của một nước Việt Nam thống nhất. Trong phiên họp đầu tiên, Quốc hội đã quyết định lấy tên nước là "Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam", quốc kỳ là cờ đỏ sao vàng, quốc ca là bài "Tiến quân ca" của nhạc sĩ Văn Cao, v.v...

Ngày 20/3/1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) ra Nghị quyết số 245, bỏ tổ chức hành chính Khu và hợp nhất các tỉnh để phù hợp với yêu cầu cách mạng trong giai đoạn mới. Thực hiện nghị quyết Bộ Chính trị, các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và Bình Tuy hợp nhất thành tỉnh Thuận Hải. Ngày 6/1/1976, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 5, chỉ định Ban Chấp hành Tỉnh ủy Thuận Hải lâm thời, có 31 đồng chí (2 dự khuyết). Đến tháng 2/1976, tỉnh Thuận Hải chính thức đi

vào hoạt động và tỉnh lỵ đóng tại thị xã Phan Rang
- Tháp Chàm, đến tháng 6/1977 chuyển vào thị xã
Phan Thiết⁽¹⁾.

Sau khi được hình thành, Tỉnh ủy Thuận Hải tiến hành thành lập các cơ quan cấp tỉnh, củng cố tổ chức các huyện, thị xã. Ngày 7/2/1976, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải ra Quyết định số 36/NQ-TU về nhân sự Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện Đức Linh có 19 đồng chí. Ban Thường vụ Huyện ủy có 5 đồng chí, gồm:

- Đồng chí Ngô Thanh Bình, Bí thư Huyện ủy;
- Đồng chí Trần Tuấn Anh- Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện;
- Đồng chí Nguyễn Quang Tường, Ủy viên Thường vụ, phụ trách Tổ chức, Tuyên huấn;
- Đồng chí Nguyễn Thanh An - Ủy viên Thường vụ, phụ trách miền núi;

(1) Sau khi có chủ trương bỏ khu, nhập một số tỉnh thành tỉnh lớn để đủ sức thực hiện nhiệm vụ kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng trên từng địa phương (tỉnh cũng là một pháo đài). Tháng 11/1975, các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Tuyên Đức, Lâm Đồng, Đà Lạt sát nhập thành tỉnh Thuận Lâm. Nhưng thấy không phù hợp, cho nên Thuận Lâm giải thể, tách ra hai tỉnh Lâm Đồng và Thuận Hải. Tỉnh Bình Tuy từ tháng 11/1975 thuộc tỉnh Đồng Nai, nhưng đến tháng 01/1976 nhập về tỉnh Thuận Hải..

- Đồng chí Trần Ái Nhân, Ủy viên Thường vụ, phụ trách Quân sự.

Đức Linh từ khi trực thuộc tỉnh Thuận Hải⁽¹⁾, trong năm 1976, tỉnh giao 2 xã miền núi là La Dạ, La Ngâu và bộ phận Nông trường Nam Sơn về huyện Đức Linh. Qua năm 1977, tỉnh thành lập Nông trường lúa tại Đức Linh là nông trường quốc doanh La Ngà và nông trường quốc doanh Đa Kai; đồng thời tổ chức vận động hơn 11.000 người dân ở thị xã Phan Thiết, huyện Hàm Tân và 377 người từ Quận 6 (Thành phố Hồ Chí Minh) lên xây dựng vùng kinh tế mới ở các xã Sùng Nhơn, Mê Pu, Nghị Đức, Bắc Ruộng, Huy Khiêm, Đồng Kho và thôn 6 xã Gia An.

Để chuẩn bị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, thực hiện Chỉ thị 240 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chỉ thị 237 của Thường vụ Tỉnh ủy về tiến hành đại hội chi - đảng bộ các xã, các cơ quan. Thường vụ Huyện ủy Đức Linh đã họp bàn công tác triển khai⁽²⁾, phân công 10 đồng chí lãnh đạo và cán

(1) Khi hình thành tỉnh Thuận Hải, cả tỉnh có 7 huyện và thị xã: Đức Linh, Hàm Tân, Hàm Thuận, Bắc Bình, Ninh Hải, An Sơn và thị xã Phan Thiết. Đến tháng 12/1977 thành lập thêm huyện Phú Quý.

(2) Từ các đại hội sau, không trình bày cụ thể các bước đại hội.

bộ về các chi bộ địa phương và các đảng bộ cơ quan để chỉ đạo đại hội cơ sở. Đồng thời Huyện ủy cũng triển khai công tác chuẩn bị đại hội cấp huyện. Ban tổ chức đại hội huyện được thành lập có 14 đồng chí, được chia thành 4 tiểu ban: tiểu ban nội dung, tiểu ban nhân sự, tiểu ban đời sống và tiểu ban trang trí, khánh tiết.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đức Linh lần thứ I (vòng 1) đã diễn ra tại Hội trường Huyện ủy từ ngày 10 đến ngày 14/10/1976 và Đại hội vòng 2 diễn ra từ ngày 25 đến ngày 31/5/1977. Có 75/80 đại biểu chính thức được triệu tập về dự đại hội. Trong đó, có 3 đại biểu Tỉnh ủy giới thiệu là đồng chí Lê Khắc Thành - Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Trung Hậu - Trưởng ty Giáo dục và đồng chí Nguyễn Văn Thắng - Phó ty Giao thông. Ngoài ra, có 4 đại biểu dự khuyết và 8 đại biểu là khách mời (có 5 gia đình liệt sĩ). Tổng số đại biểu dự Đại hội Đảng bộ huyện (vòng 1) là 87 người. Đại hội đã nghe và thảo luận báo cáo chính trị tổng kết tình hình nhiệm vụ, báo cáo dự thảo đề án công tác đến cuối năm 1977, bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa I, bầu cử đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh và thảo luận góp ý kiến dự thảo Điều lệ Đảng trình Đại hội toàn quốc lần thứ IV.

Sau 5 ngày làm việc, Đại hội đã nhất trí cao với báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về tổng kết tình hình và nhiệm vụ của huyện trong quá trình kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và từ ngày giải phóng đến nay. Đại hội ra Nghị quyết về nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ 2 năm 1976-1977 là tập trung đẩy mạnh sản xuất, từng bước ổn định đời sống nhân dân. Xây dựng và củng cố bộ máy hoạt động của chính quyền, đoàn thể và lực lượng vũ trang nhân dân từ huyện đến cơ sở vững mạnh, nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đề ra. Đồng thời, đại hội thảo luận và nhất trí cao với dự thảo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) về Điều lệ Đảng sửa đổi.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa I gồm 20 đồng chí. Trong đó, 18 đồng chí là ủy viên chính thức và 2 đồng chí là ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện ủy có 7 đồng chí. Trong đại hội vòng 2, đại hội bầu bổ sung 9 đồng chí vào Ban Chấp hành Huyện ủy khóa I, đưa tổng số ủy viên Ban Chấp hành lên 29 đồng chí (27 chính thức và 2 dự khuyết). Ban Thường vụ có 7 đồng chí:

1- Đồng chí Ngô Thanh Bình, Bí thư Huyện ủy;

- 2- Đồng chí Trần Tuấn Anh, Phó bí thư;
- 3- Đồng chí Trần Ái Nhân, Ủy viên Thường vụ
- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện;
- 4- Đồng chí Nguyễn Quang Tường, Ủy viên
Thường vụ;
- 5- Đồng chí Phạm Xuân Trinh, Ủy viên Thường vụ;
- 6- Đồng chí Nguyễn Tuấn Dục, Ủy viên
Thường vụ;
- 7- Đồng chí Ngô Việt Hùng, Ủy viên
Thường vụ.

Đại hội cũng bầu Ban kiểm tra Huyện ủy gồm 3 đồng chí và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận Hải lần thứ nhất (nay là đại hội lần thứ 4 của Đảng bộ Bình Thuận) có 22 đại biểu chính thức và 2 đại biểu dự khuyết.

Ngày 2/6/1978, đồng chí Nguyễn Thanh An, công tác ở Nông trường Nam Sơn được bổ sung vào Ban Chấp hành Huyện ủy. Ngày 22/8/1978, Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải quyết định điều động đồng chí Lê Khắc Thành, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy về làm Bí thư, thay đồng chí Ngô Thanh Bình đi học trường Nguyễn Ái Quốc.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thuận Hải lần thứ nhất được tổ chức vào ngày 10/11/1976, và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng được tiến hành từ ngày 14 đến 20/12/1976 tại thủ đô Hà Nội. Đại hội Đảng lần thứ IV đã đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa là "... Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội...". Đại hội cũng quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam" thành "Đảng Cộng sản Việt Nam". Sau Đại hội Đảng toàn quốc, ngày 22/02/1977, Đại hội vòng hai Đảng bộ tỉnh đề ra Nghị quyết nhiệm vụ Đảng bộ trong 3 năm (1977 - 1979).

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận Hải lần thứ I, Đại hội vòng 2 Đảng bộ huyện nhất trí và ra nghị quyết về đánh giá tình hình trong huyện từ ngày giải phóng đến nay, đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của Đảng bộ trong 2 năm 1977 - 1978 là: "Tập trung nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, đoàn kết nhất trí phát huy hết mọi khả năng lao động vốn có để khôi phục và phát triển kinh tế nông - lâm - công nghiệp, lấy thủy lợi làm biện pháp hàng đầu, kết hợp nghề nuôi cá nước ngọt, đẩy mạnh khai hoang phục hóa, mở rộng diện tích, tăng nhanh

tổng sản lượng lương thực, đi đôi cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, tăng cường và củng cố các tổ-đội sản xuất để làm cơ sở cho những năm sau; đồng thời xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng bộ mạnh về chính trị, vững về tư tưởng, chặt chẽ về tổ chức; rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, năng lực tổ chức và quản lý kinh tế, quản lý chuyên môn của cán bộ. Đảng viên phải phát huy trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, thực hành tự phê bình và phê bình, nắm vững quan điểm đấu tranh giai cấp và đường lối chính sách của Đảng trong giai đoạn mới; tăng cường xây dựng hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp, xây dựng các đoàn thể vững mạnh. Đồng thời phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, không ngừng đề cao cảnh giác cách mạng, xây dựng quốc phòng của toàn dân, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội...".⁽¹⁾

(1) Trang 9 và 11, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đức Linh lần thứ nhất.

Mục tiêu phấn đấu trong 2 năm 1977-1978 là: Tăng diện tích gieo trồng 28.000 ha, tổng sản lượng lương thực đạt 70.000 tấn, khai hoang 12.000 ha, tiếp nhận 50.000 người đến xây dựng vùng kinh tế mới, trồng 500 ha rừng và cây ăn trái ở các đồi Lồ Ô, đồi Giang; xây dựng đồi 23/3 (đồi Bảo Đại) để kỷ niệm ngày giải phóng hoàn toàn huyện Đức Linh - làm cơ sở xây dựng cung văn hóa sau này. Mở rộng vùng chuyên canh mía 2.000 ha. Về chăn nuôi: phấn đấu phát triển đàn trâu đạt 6.500 con, bò 500 con, heo 28.000 con. Tận dụng các ao đầm nuôi cá nước ngọt và khai thác có hiệu quả sản lượng cá ở hồ Biển Lạc. Phát triển sản xuất công cụ phục vụ cho yêu cầu sản xuất nông nghiệp- lâm nghiệp- thủy lợi- giao thông, đảm bảo vật liệu xây dựng phục vụ sản xuất và xây dựng cơ bản. Xây dựng bờ vùng, bờ thửa, các trục đường giao thông liên thôn, liên xã; sửa chữa và làm mới con đường từ Tà Pao đi các xã miền núi. Hoàn thành thanh toán nạn mù chữ cho nhân dân. Xây dựng mạng lưới thông tin liên lạc bằng điện thoại cho 14 xã. Xây dựng phong trào văn nghệ quần chúng (mỗi xã 1 đội văn nghệ nghiệp dư và huyện 1 đội văn nghệ nghiệp dư). Phấn đấu 100% xã có trạm y tế. Căn bản hoàn thành quan hệ sản xuất, đưa 80% nông dân vào hợp tác lao

động. Đồng thời tập trung chỉ đạo hợp tác xã Mê Pu làm điểm rút kinh nghiệm, tổ chức xây dựng hợp tác xã thủ công nghiệp, hoàn chỉnh hợp tác xã mua bán ở các xã. Huyện hình thành một khung trường đào tạo cán bộ cho các ban, ngành, các địa phương⁽¹⁾. Ngoài ra, nghị quyết cũng đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của năm 1977.

Đại hội Đảng các cấp đã xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ xây dựng đất nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đối với Đức Linh, cũng như các địa phương khác ở miền Nam, tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa.

Sau khi thành lập tỉnh Thuận Hải, ranh giới của huyện Đức Linh có sự thay đổi. Là một huyện nằm ở phía Tây Nam tỉnh, phía Đông giáp huyện Hàm Thuận, nam giáp huyện Hàm Tân, Tây giáp huyện Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) và phía Bắc giáp huyện Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng). Diện tích tự nhiên toàn huyện rộng 264.182 ha, trong đó rừng chiếm 167.460 ha, đất khả năng khai hoang sản xuất 57.658 ha, đất thổ cư 3.515 ha, còn lại diện tích hồ,

(1) Trang 9 và 11, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đức Linh lần thứ nhất.

ao, đầm, sông suối, đất xây dựng công cộng và đường sá. Địa hình có 3 vùng, vùng núi, vùng đồi thấp và vùng đồng bằng. Huyện Đức Linh là một vùng chuyên canh về cây lương thực, chăn nuôi, cây công nghiệp, cá nước ngọt và lâm nghiệp của tỉnh Thuận Hải.

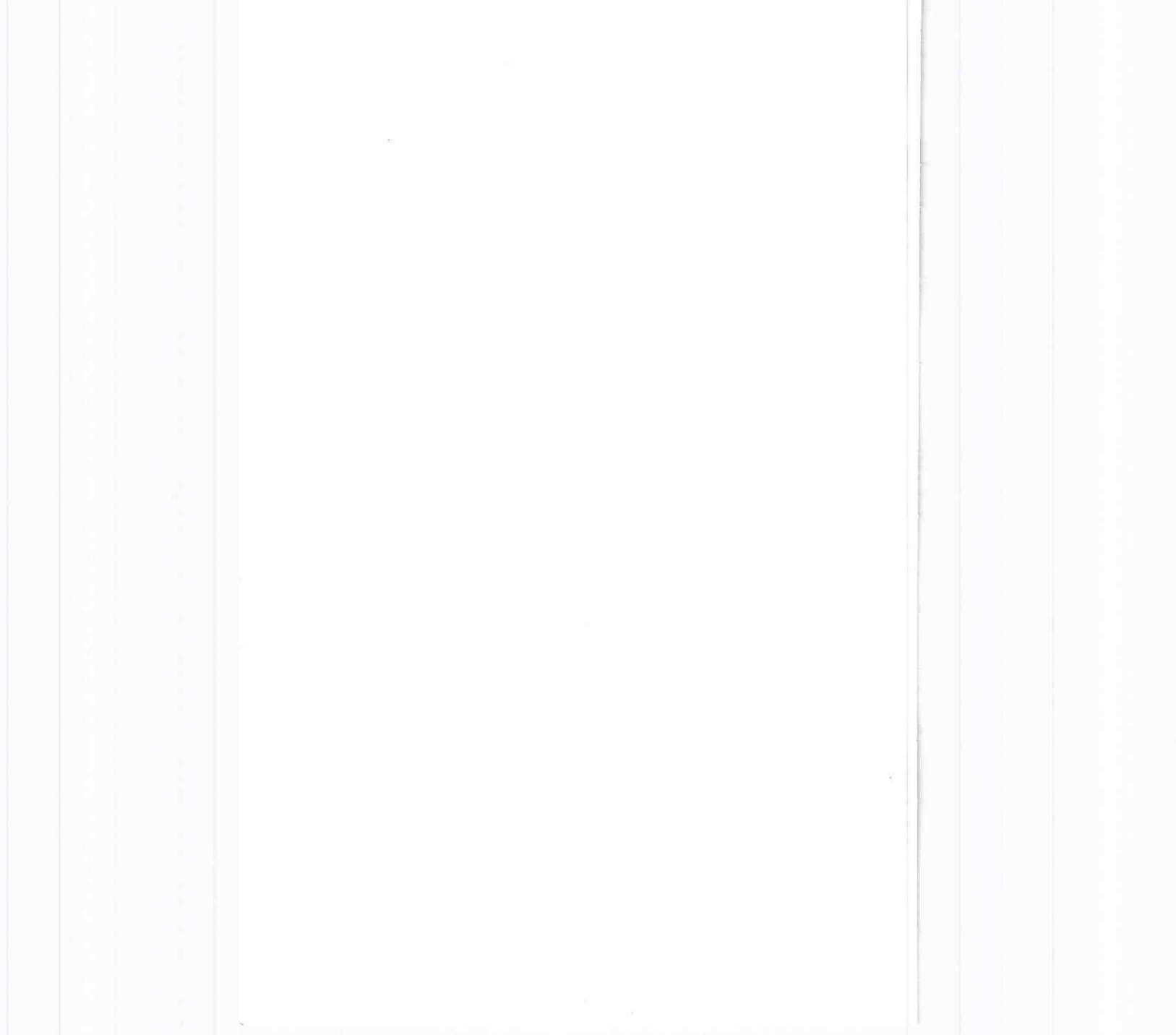
Dân số của huyện đến tháng 10/1978 có 120 ngàn người (có 40 ngàn người là nhân dân đi kinh tế mới) và có các dân tộc Kinh, K'Ho, Châu Ro, Chăm, Nùng, Tày, Hoa, Raglai,... Mật độ dân số trung bình 44 người/km². Song sự phân bố dân cư không đồng đều, tập trung đông nhất là dọc ven sông La Ngà, còn khu vực miền núi, dân cư thưa thớt. Huyện Đức Linh có các tôn giáo khác nhau như Phật giáo, Thiên chúa giáo, Tin lành, Cao đài.

Khí hậu ở Đức Linh ảnh hưởng khí hậu gió mùa. Mỗi năm có hai mùa mưa, nắng. Lượng mưa cao nhất tập trung vào từ tháng 7 đến tháng 9, nên ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, tác động đến sinh hoạt của nhân dân.

Với đặc điểm, tình hình như trên, Đảng bộ và nhân dân trong huyện phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ I đề ra đã đạt được kết quả bước đầu:



*Đồng chí Nguyễn Nhân (Tố)
Bí thư Huyện ủy đầu 1980 - 4/1983.*



Về công tác xây dựng Đảng, đến cuối năm 1976, toàn Đảng bộ có 417 đảng viên (so với cuối năm 1975, tăng 244 đồng chí), đảng viên chính thức 395 và dự bị 22 đồng chí (có 346 đồng chí nam và 71 đồng chí nữ), trong đó có 108 đồng chí là đảng viên người dân tộc. Đến cuối năm 1978, số lượng đảng viên tăng lên 621 đồng chí (có 35 đồng chí dự bị, 87 nữ, đảng viên dân tộc ít người có 135 đồng chí, vùng tôn giáo có 7 đồng chí). Năm 1976, toàn Đảng bộ có 17 chi, đảng bộ xã và 15 chi bộ cơ quan (thành lập đảng ủy khối chính quyền gồm 8 chi bộ). Năm 1977, giải thể đảng ủy khối chính quyền. Đến cuối năm 1978, tăng 4 chi bộ xã và 5 chi bộ cơ quan.

Công tác xây dựng Đảng về mặt tư tưởng đã có nhiều tiến bộ. Trong năm 1976, đảng viên được học tập Nghị quyết 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) về "Nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới"; Chỉ thị 235 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về thực hiện nghị quyết Bộ Chính trị về vấn đề ruộng đất ở miền Nam. Đến năm 1977, đảng viên tiếp tục học tập Nghị quyết Đại hội IV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và huyện lần thứ nhất, học tập Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1978, đảng viên học tập các Chỉ thị

192, 237, Thông trị 22, 44 của Trung ương và Nghị quyết 5, Chỉ thị 33 của Thường vụ Tỉnh ủy về rà soát chất lượng đảng viên và xây dựng Đảng, chuẩn bị phát thẻ đảng viên. Qua các đợt học tập, nhận thức của đảng viên nâng lên, quan điểm lập trường được xác định rõ hơn, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Công tác xây dựng Đảng về mặt tổ chức cán bộ, đến tháng 12/1976 toàn huyện có 782 cán bộ, công nhân viên (từ chiến khu chuyển về có 150 đồng chí; miền Bắc tăng cường 69 đồng chí, bộ đội biệt phái 16 đồng chí, tuyển dụng 30 đồng chí và tuyển dụng công chức của chế độ cũ là 129 đồng chí⁽¹⁾). Cán bộ có trình độ khoa học kỹ thuật, đại học 14 người; trung cấp 118 và 324 người có trình độ sơ cấp. Cán

(1) Theo báo cáo tổng kết ngày 25/12/1976 của Huyện ủy (không tính lực lượng vũ trang), các cơ quan dân chính Đảng trong huyện gồm có:

- Huyện ủy có 31 người, ủy ban huyện 34, khối mặt trận, đoàn thể 20, nông trường Nam Sơn 56 người.

- Phòng giáo dục 12 người, phòng lâm nghiệp 10, ngân hàng nhà nước 28, các trường cấp I có 289, các trường cấp II có 42, trường bổ túc 46, phòng thương nghiệp 12, phòng vật tư 11, phòng lương thực 36, bệnh viện 41, phòng y tế 23, bưu điện 32, phòng thông tin 19, phòng nông nghiệp 22 và phòng tài chính 19 người.

bộ lãnh đạo 73 đồng chí, cán bộ người dân tộc 53 đồng chí và cán bộ là phụ nữ 282 đồng chí. Qua các đợt sắp xếp biên chế, đã đưa một số cán bộ, nhân viên không đủ tiêu chuẩn chính trị ra khỏi các cơ quan, đơn vị. Đến năm 1977, để nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, ngoài việc mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, quản lý tại địa phương, huyện còn cử nhiều cán bộ đi dự học các lớp ngắn ngày tại tỉnh và trung ương. Từ năm 1976 đến năm 1978, nhiều cán bộ chuyển công tác, một số nghỉ chính sách, v.v... nên cán bộ, công nhân viên đến cuối năm (1978) có 765 người⁽¹⁾. Do vậy, nhiệm vụ của Đảng bộ phải đào tạo số cán bộ, nhân viên mới trưởng thành cả về chính trị và nghiệp vụ là một nhiệm vụ rất nặng nề. Mặt khác, cán bộ ở miền Bắc tăng cường và quân đội chuyển ngành khá đông, nhưng nhiều người chưa yên tâm công tác lâu dài.

(1) Theo Báo cáo số 23, ngày 20/12/1978 của Huyện ủy: Đến cuối năm 1978, cán bộ lãnh đạo, quản lý có 54 đồng chí, cán sự 91 đồng chí; cán bộ có trình độ đại học 18 đồng chí, trung cấp chuyên nghiệp 57 đồng chí; cán bộ tham gia kháng chiến tại địa phương có 146 đồng chí, cán bộ tăng cường 163 đồng chí, quân đội chuyển sang 76 đồng chí, nhân viên mới tuyển dụng sau giải phóng 380 người. Văn hóa cấp I có 380 người, cấp II có 262 và cấp III có 114. Tuổi đời 30 trở xuống chiếm 60% và 50 trở lên chiếm 6%.

Công tác xây dựng chính quyền, từ năm 1976, khi trực thuộc tỉnh Thuận Hải, Ủy ban Nhân dân huyện do đồng chí Trần Tuấn Anh làm Chủ tịch và đồng chí Đoàn Văn Sĩ làm Phó Chủ tịch, đồng chí Hoàng Long làm Ủy viên Thư ký. Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp, tại phiên họp thứ nhất Hội đồng nhân dân huyện (khóa I) ngày 18/7/1977, Hội đồng nhân dân huyện đã bầu Ủy ban Nhân dân huyện gồm 11 ủy viên và bầu đồng chí Trần Ái Nhân làm Chủ tịch, đồng chí Trần Tuấn Anh và Trương Đình Đại làm Phó Chủ tịch, đồng chí Đào Minh Phú làm Ủy viên Thư ký. Chủ tịch Hội đồng Nhân dân huyện lúc này do đồng chí Chủ tịch Ủy ban Nhân dân kiêm nhiệm. Hội đồng Nhân dân có 5 bộ phận, phụ trách theo dõi theo 5 khối: kinh tế, an ninh, quân sự, văn hóa - xã hội và giáo dục.

Từ sau ngày bầu cử Hội đồng Nhân dân huyện (khóa I) năm 1977, Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân huyện đã đi vào hoạt động nền nếp hơn, thực hiện chức năng quản lý kinh tế, lãnh đạo chuyên môn và phân công bố trí cán bộ cụ thể cho từng ngành phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Tuy nhiên, cán bộ các phòng, ban cấp huyện còn thiếu và yếu về quản lý kinh tế cũng như chuyên môn.

Trước tình hình đó, năm 1978, Huyện ủy chủ trương củng cố chính quyền các cấp theo hướng không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động bằng nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh quốc phòng trong mọi tình huống đã có nhiều tiến bộ.

Đến cuối năm 1975, ta cơ bản hoàn thành việc xây dựng chính quyền cấp xã. Ngoài tăng cường 15 cán bộ huyện về cho 15 xã, Ủy ban Nhân dân các xã đã có 112 cán bộ (13 nữ) và 60 ban thôn có 294 người (18 nữ). Tuy nhiên, bộ máy chính quyền thôn, xã thời gian đầu rất phức tạp, một số phần tử xấu chui vào làm sai chính sách của Đảng, Nhà nước, gây mất lòng tin của nhân dân. Trong đợt thực hiện Chỉ thị 05 của Tỉnh ủy, phát động quyền làm chủ của nhân dân, chính quyền xã, thôn được củng cố một bước, đã loại 24 người trong ủy ban các xã và 43 người trong chính quyền thôn không đủ phẩm chất chính trị và bổ sung 29 người vào ủy ban xã, 91 người vào cán bộ thôn. Đồng thời, các ban xã đội, an ninh, văn hóa, thông tin, giáo dục, ban nông nghiệp và ban y tế - xã hội cũng được củng cố lại. Đến cuối năm 1976, Ủy ban Nhân dân 17 xã có 109 cán bộ (10 nữ), 61 ban chính quyền thôn có 293 cán

bộ (20 nữ). Đến năm 1978, thực hiện Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, công tác rà soát đội ngũ cán bộ, nhân viên sắp xếp lại tương đối chặt chẽ, đi đôi với cải tiến lề lối làm việc, nên Ủy ban Nhân dân từ huyện đến cơ sở hoạt động khá hơn.

Sau ngày giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy và hướng dẫn của đoàn thể tỉnh, các đoàn thể chính trị của huyện từng bước được xây dựng, tổ chức hoạt động có hiệu quả.

Nông hội là tổ chức quần chúng của giai cấp nông dân, có vai trò nòng cốt trong sản xuất nông nghiệp. Từ ngày 12/5/1976, tỉnh Thuận Hải thành lập Ban Nông nghiệp tỉnh, Nông hội chịu sự lãnh đạo của Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy. Đến tháng 11/1978, tổ chức Hội Nông dân tách khỏi Ban Nông nghiệp thành một đơn vị độc lập, nhưng đến năm 1984, tái nhập vào Ban Nông nghiệp tỉnh. Từ tháng 8/1987, theo chủ trương của Trung ương, tái thành lập Hội Nông dân các cấp.

Do tổ chức Hội Nông dân như trên, năm 1976, đồng chí Ngô Đức Hạ làm Trưởng phòng Nông nghiệp huyện, kiêm thư ký Hội Nông dân huyện Đức Linh. Đến tháng 6/1978, Huyện ủy chỉ định Ban

Chấp hành nông hội huyện, do đồng chí Nguyễn Cán làm Chủ tịch hội. Đối với các xã Bắc sông đã có tổ chức nông hội từ trước năm 1975 và các xã mới giải phóng sau năm 1975 tiến hành thành lập hội. Đến cuối năm 1976, toàn huyện có 13 ban chấp hành nông hội xã, 52 ban chấp hành nông hội thôn với số lượng hội viên lên 4.060 người, tăng 1.619 hội viên so với cuối năm 1975. Đến năm 1978, thực hiện Chỉ thị 03 của Trung ương và Chỉ thị 26 của Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh phát động quần chúng nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, học tập chính sách cải tạo nông nghiệp, Hội Nông dân các xã đã tiến hành đại hội, bầu 14 ban chấp hành. Toàn huyện có 12.940 hội viên nông dân, trong đó, có 11.088 hội viên đã vào hợp tác xã nông nghiệp.

Hội Phụ nữ là một tổ chức quần chúng có thành tích đóng góp to lớn trong hai cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Năm 1976, Ban Chấp hành Hội phụ nữ huyện được thành lập, đồng chí Nguyễn Thị Tư Hòa được phân công làm Hội trưởng. Sau đó đồng chí Hòa đi học, đồng chí Huỳnh Thị Tám được cử làm Hội trưởng thay đồng chí Hoà. Năm 1977, đồng chí Huỳnh Thị Tám được điều động về tỉnh,

đồng chí Nguyễn Thị Hương được phân công thay thế. Các xã đã thành lập ban chấp hành ở 62 thôn, với 8.281 hội viên sinh hoạt trong 779 tổ (so với năm 1975 tăng 3.938 hội viên). Đến năm 1978, củng cố lại tổ chức hội, toàn huyện có 13.119 hội viên (toàn huyện có 18.669 phụ nữ), trong đó có hơn 1.206 hội viên là người dân tộc. Bước đầu Hội đã phát động cuộc vận động giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ và gia đình khó khăn, neo đơn; góp phần xây dựng nhà trẻ và tham gia vận động được 3.018 cháu trong tuổi mẫu giáo đến trường, đạt 86%.

Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện do đồng chí Lâm Hòa Kháng làm Bí thư. Khi đồng chí Lâm Hòa Kháng đi học trường Đoàn ở Hà Nội, đồng chí Trần Tiến Thành thay làm Bí thư. Năm 1976, Đoàn đã xây dựng được hệ thống tổ chức cơ sở chi đoàn trong khối cơ quan Nhà nước, xã đoàn, chi đoàn các xã và 22 chi đoàn các thôn. Số lượng đoàn viên trong toàn huyện có 273 đồng chí, so với cuối năm 1975 tăng 115 đồng chí. Năm 1977, tổ chức đoàn ở các cơ quan, các địa phương được củng cố. Đoàn viên toàn huyện có 736 đồng chí (45 đoàn viên là người dân tộc), trong đó đoàn viên các xã có 462 đồng chí. Qua các phong trào

hoạt động của thanh niên, đến năm 1978, phát triển được 468 đoàn viên và nâng tổng số đoàn viên toàn huyện lên 1.116 đồng chí .

Về tổ chức Hội Thanh niên Việt Nam, năm 1976, toàn huyện có 5 ban chấp hành xã, 54 ban chấp hành thôn, với 1.684 hội viên trong tổng số 9.366 thanh niên trong toàn huyện. Đến năm 1978, hội viên thanh niên Việt Nam trong huyện có 6.591 người⁽¹⁾.

Bước vào đầu năm 1976, Đoàn đã tập trung vận động thanh niên đi đầu thực hiện phong trào tham gia vào việc giải quyết các vấn đề xã hội và khai hoang, phục hóa. Đến năm 1977, hoạt động của đoàn đã trở thành một phong trào mạnh mẽ hơn như phong trào "Tuổi trẻ trên mặt trận sản xuất", phong trào thi đua "ba nhất". Thanh niên trong huyện là lực lượng đi đầu trong việc tham gia xây dựng công trình thủy lợi Trà Tân, công trình trạm bơm điện Võ Xu, đây là hai công trình lớn của tỉnh. Đến năm 1978, phong trào thanh niên đã từng bước đi vào

(1) Ngày 26/3/1976, Đoàn Thanh niên cả nước vinh dự được mang tên Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976) quyết định đổi tên Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh thành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

chiều sâu. Ngoài việc học tập Nghị quyết 25 của Trung ương Đoàn, thanh niên trong huyện hăng hái tham gia các phong trào "thanh niên Thuận Hải mở hội nghị bàn việc xây dựng chủ nghĩa xã hội", "đất nước và tuổi trẻ", "phong trào 3 xung kích làm chủ tập thể" do Tỉnh đoàn phát động. Thanh niên còn tham gia "Đại hội xã viên trẻ trên mặt trận sản xuất nông nghiệp", "thanh niên tham gia 4 mũi tiến công", tham gia quản lý hợp tác xã, đội sản xuất, xây dựng 3 đội chuyên là đội làm giống, đội thủy lợi, đội cày. Trên mặt trận bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, đoàn đã thật sự là lực lượng xung kích để vận động hàng ngàn thanh niên viết đơn tình nguyện tham gia nghĩa vụ quân sự; năm 1976, năm đầu tiên thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự, huyện nhà đã đưa hàng trăm thanh niên nhập ngũ, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tỉnh giao.

Từ những phong trào nêu trên, có thể khẳng định Đoàn thanh niên đã thật sự là lực lượng xung kích làm chủ tập thể trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Xây dựng và giáo dục Đội Thiếu niên Tiền phong là một nhiệm vụ hết sức quan trọng của tổ chức đoàn các cấp. Từ đầu năm 1976, đoàn đã phối



Nghề thủ công - mỹ nghệ ở Đức Linh

hợp với các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các địa phương để xây dựng tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh ở 6 xã Trà Tân, Võ Đất, Nam Chính, Võ Xu, Sùng Nhơn và Mê Pu được 10 chi đội, với 994 đội viên (có 540 em nữ). Đến cuối năm, toàn huyện đã xây dựng được 16 liên chi đội, 64 chi đội, 162 phân đội và đội viên tăng lên 1.815 em trong tổng số 9.747 em thiếu niên trong toàn huyện. Năm 1977, tổ chức thiếu niên toàn huyện đã có 18 liên chi đội, 84 chi đội, 266 phân đội, với tổng số 2.775 đội viên. Từ năm 1977, cán bộ huyện đoàn được cử về làm cán bộ phụ trách đội các xã, các trường học. Đến năm 1978, số lượng đội viên Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong toàn huyện đã tăng lên 4.521 em. Đây là lực lượng nòng cốt cho phát triển đoàn và nguồn cán bộ tương lai của đất nước.

Tuy năm 1976 chưa thành lập tổ chức công đoàn cấp huyện nhưng các cơ quan, đơn vị đã hình thành tổ chức công đoàn cơ sở với 77 đoàn viên, trong đó kết nạp mới 32 đoàn viên, còn lại đảng viên và đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, công chức chuyển sang sinh hoạt công đoàn. Đến 15/4/1982, tỉnh quyết định thành lập công đoàn huyện, Huyện

ủy cử đồng chí Nguyễn Thọ làm Chủ tịch lâm thời, từ đó, làm đầu mối lãnh đạo hoạt động công đoàn trên địa bàn huyện.

Nhìn chung, tổ chức và hoạt động của các đoàn thể quần chúng trong huyện đã từng bước đi vào nề nếp, thể hiện được chức năng lãnh đạo phong trào, giáo dục hội viên, đoàn viên làm nòng cốt trong các mặt công tác của Đảng. Chuyển dần nội dung sinh hoạt hội, đoàn thể vào việc vận động đoàn viên, hội viên tích cực đi đầu trong xây dựng kinh tế, động viên được một lực lượng lớn lao động đi đầu trong lao động sản xuất. Hạn chế của các đoàn thể quần chúng trong huyện lúc bấy giờ là công tác xây dựng và phát triển đoàn viên, hội viên chưa theo kịp với phong trào chung. Tổ chức các đoàn thể chưa khép kín, việc phát triển hội viên trong vùng kinh tế mới, vùng có đạo còn chậm.

Về sản xuất nông nghiệp được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, huyện đã tập trung sức kéo cho khâu làm đất ở mảng Bắc sông và trong toàn huyện. Cùng với đất khai hoang, phục hóa và đất sản xuất cũ, tính đến ngày 10/10/1976 toàn huyện gieo trồng hơn 16.435 ha, thu hoạch tính ra lúa đạt 60.000 tấn (lúa 37.469 tấn). Đến năm 1977, Huyện ủy chỉ đạo

triển khai sản xuất sớm, nên sức kéo tập trung cho sản xuất và khai hoang phục hóa, đưa tổng diện tích gieo trồng 21.014 ha (lúa tăng 2.403 ha, màu tăng 1.956 ha). Nhưng năm 1978, diện tích gieo trồng chỉ đạt 19.823 ha.

Chăn nuôi vừa phục vụ nhu cầu xã hội về thực phẩm, còn phục vụ sức kéo, phân bón cho sản xuất. Năm 1976, tuy có chú ý phát triển chăn nuôi các loại gia cầm, gia súc nhưng phân bố không đều ở các địa phương trong huyện. Để khắc phục tình trạng này, huyện điều 430 con trâu chuyển sang Bắc sông giúp phần cày đất ở đây. Đồng thời, trong năm chăn nuôi đạt 3.827 con trâu, 394 con bò, 9.415 con heo và gần 50 ngàn gia cầm. So với kế hoạch của tỉnh giao, chăn nuôi của huyện mới đạt 45%. Để khắc phục những hạn chế trong ngành chăn nuôi, bước vào năm 1977 huyện chỉ đạo lãnh đạo các cấp có kế hoạch phát triển chăn nuôi các loại nên đến cuối năm, đàn trâu có 4.417 con, bò 361 con và heo đạt 13.895 con. Đến năm 1978, đàn bò tăng lên 378 con, trâu giảm còn 4.399 con, đàn heo tăng lên 16.591 con và gia cầm đạt 87.622 con. Đàn trâu giảm là do một số chuyển ra ngoài địa phương trong huyện. Cũng trong năm, huyện thành lập 2 trại nuôi heo tập thể ở Võ Xu và xây dựng một trạm heo- cá

ở Lạc Tánh, nhưng kết quả chưa cao do lương thực chế biến phục vụ cho chăn nuôi tập thể và quốc doanh chưa hình thành kịp thời. Mặt khác, tuy đã có 70 cán bộ thú y ở các xã, nhưng nhiệm vụ phòng và bảo vệ cho đàn gia súc, gia cầm chưa đạt.

Về lâm nghiệp, năm 1976, trong đợt phát động phong trào trồng cây nhớ ơn Bác, nhân dân, cán bộ trong huyện đã trồng hơn 10.000 cây ăn trái các loại. Bên cạnh đó, tháng 10/1976, huyện tổ chức mở rộng mạng lưới kiểm lâm nhân dân để quản lý và bảo vệ rừng. Đi đôi với bảo vệ, trong năm 1976 đã khai thác 22.240 m³ gỗ mới, sử dụng thêm 1.538m³ gỗ khai thác phục vụ cho việc xây dựng cơ sở vật chất tại huyện. Đến năm 1977, việc tổ chức quản lý lâm nghiệp của huyện đã đi vào nền nếp. Huyện thành lập 7 tổ kiểm tra lâm nghiệp bố trí theo từng khu vực và 9 tổ khai thác lâm sản trực thuộc lâm trường huyện. Khi tỉnh thành lập lâm trường ở Đức Linh và một vườn ươm cây tại Gia An rộng 2 ha để gây giống cây mật nưa và phượng vĩ, huyện tập trung khai thác các lâm sản như tre, mây, dầu rái, chai và củi. Đồng thời cấp phép cho nhân dân khai thác gỗ để đầu tư vào nuôi rừng và nộp cho ngân sách theo kế hoạch. Trong năm, vừa trồng rừng và lập tổ kiểm lâm, ta còn thành lập các đội phòng

cháy - chống cháy ở các xã để góp phần vào việc bảo vệ rừng.

Về thủy sản, từ năm 1976 đến đầu năm 1977, huyện chỉ đạo khoán cho nhân dân việc khai thác cá nước ngọt ở sông, ao, hồ Biển Lạc và ở các xã Sùng Nhơn, Mê Pu, Nghị Đức. Nhưng do đặc điểm địa hình cũng như lưu lượng nước các mùa khác nhau, nên kết quả không nhiều. Mặt khác, huyện chưa có kế hoạch thực hiện hàng năm, nên việc thực hiện, kiểm tra khó khăn.

Công tác thủy lợi là một nhiệm vụ rất quan trọng của địa phương. Ngay từ đầu năm 1976, huyện đã triển khai xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ ở các xã Lạc Tánh, Võ Xu, Mê Pu. Phòng Nông nghiệp huyện dự kiến xây dựng một công trình thủy lợi dài 25km nối liền các cánh đồng các xã trong huyện. Đến tháng 6/1976, các xã ở Bắc sông đã hoàn thành bờ vùng, bờ thửa trên các cánh đồng dài 20,5km và mỗi bờ vùng rộng từ 1 đến 5m, cao từ 0,5m đến 1m phục vụ việc đi lại, phân chia các vùng ruộng để giữ nước, một số bờ vùng, bờ thửa tạo thành mương tưới tiêu. Việc đắp bờ vùng, bờ thửa là một việc làm mới đối với nhân dân, nhưng nó tạo nhiều thuận lợi cho nhân dân trong sinh hoạt và sản xuất. Còn tại xã Gia

An, ta đang tiến hành xây dựng trạm bơm nước để phục vụ tưới tiêu cho 100 ha ruộng đất 2 vụ. Đến năm 1977, công tác thủy lợi đã trở thành nhiệm vụ cấp bách. Ngoài việc các xã huy động trên 203.620 ngày công để đắp 15 bờ vùng, 24 bờ khoanh, đào 3 mương tưới, làm 3 bờ xe nước (loại 9 bánh), xây dựng 3 đập kiên cố và lắp đặt 13 máy bơm tưới tiêu, phục vụ chống hạn cho 763 ha đất sản xuất. Tháng 5/1977, huyện tập trung chỉ đạo xây dựng công trình thủy lợi Trà Tân, là công trình trọng điểm của huyện và của tỉnh. Do địa hình phức tạp, khó khăn khi thi công công trình thủy lợi Trà Tân, nên ngày 13/11/1977, Huyện ủy ra Chỉ thị số 16, giao cho lực lượng thanh niên đảm nhận thi công 2 tuyến kênh Đông Tây dẫn nước đi qua rừng, phấn đấu hoàn thành kịp phục vụ nước tưới cho vụ đông xuân năm 1978. Sang năm 1978, Huyện ủy triển khai thi công trạm bơm Võ Xu, công trình trọng điểm của huyện.

Có thể nói, công tác thủy lợi là một "mặt trận", đã huy động nhân dân trong độ tuổi lao động mà nòng cốt là lực lượng thanh niên tham gia rộng khắp các vùng trong huyện. Với trách nhiệm cao, sau gần 3 năm lao động, các cánh đồng sản xuất nông

nghiệp trên địa bàn huyện đã cơ bản hình thành hệ thống giao thông nội đồng thuận lợi cho việc đi lại, giữ nước phục vụ việc tưới tiêu và qua đó cũng tạo cho bộ mặt nông thôn nhiều đổi thay. Song, mặt tồn tại là các bờ vùng, bờ thửa mới đắp xong bị mưa lụt năm 1978 nên bị hư hại nhiều. Công tác thủy lợi chưa đi đôi với việc cải tạo đồng ruộng. Công trình thủy lợi Trà Tân hoàn thành, nhưng không có tác dụng dẫn nước như thiết kế, ảnh hưởng đến kế hoạch phục vụ sản xuất.

Công tác cải tạo và xây dựng hợp tác xã nông nghiệp là một nhiệm vụ rất quan trọng trong xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Trong 3 năm triển khai vận động đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, như Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV; Chỉ thị 15, 28, 29 của Ban Bí thư; Chỉ thị 43 của Bộ Chính trị và các thông tư của Chính phủ và Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Đảng bộ tỉnh, Chỉ thị 17 của Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải. Qua đó, xây dựng con đường làm ăn tập thể nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của nông dân lao động, thúc đẩy sản xuất trong

nông - lâm - ngư nghiệp, phân công lại lao động và tăng năng suất lao động. Từng bước cải thiện đời sống nhân dân, xây dựng nông thôn mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Làm cho nông nghiệp trở thành cơ sở, thuận lợi để từng bước phát triển công nghiệp, chăn nuôi phục vụ đời sống nhân dân.

Trong quá trình thực hiện công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa gắn với xây dựng hợp tác xã nông nghiệp nhằm thực hiện đồng thời 3 cuộc cách mạng ở nông thôn (Cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng Văn hoá tư tưởng, cách mạng khoa học kỹ thuật), trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt. Đồng thời, gắn cải tạo xây dựng nông nghiệp với công nghiệp và thương nghiệp nhằm thay đổi quan hệ sản xuất cũ và thực hiện thủy lợi hóa, từng bước cơ giới hóa; gắn sản xuất với lưu thông phân phối, tổ chức lại đời sống nhân dân và gắn kinh tế với quốc phòng. Về mặt tổ chức, huyện chủ trương đào tạo đội ngũ cán bộ cho các hợp tác xã, đã đưa nhiều người về tỉnh học tập⁽¹⁾. Ngoài ra, huyện đào tạo, bồi

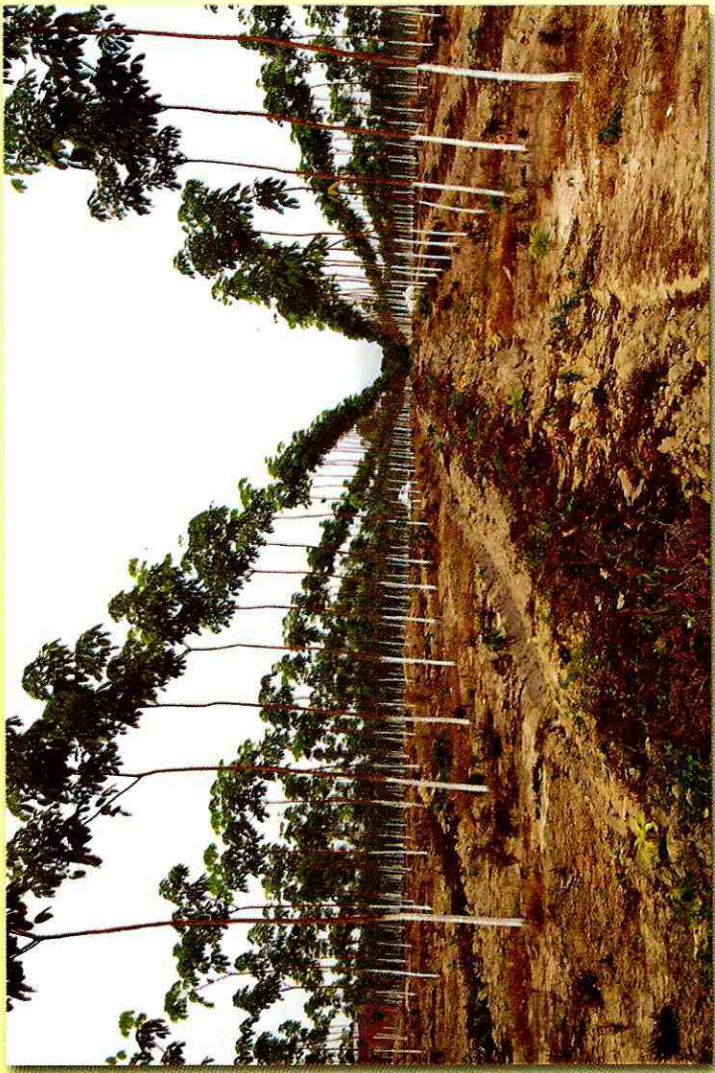
(1) Từ 1977 - 1978, huyện đã cử 140 người là chủ nhiệm và phó chủ nhiệm hợp tác xã; 25 kế toán và 11 cán bộ định mức trong các hợp tác xã nông nghiệp về Trường Đảng tỉnh dự các lớp đào tạo chuyên môn.

dưỡng cho 600 người là cán bộ ban quản trị, đội trưởng, đội phó, thư ký và kiểm soát viên hợp tác xã. Sau khi đào tạo, bồi dưỡng ở tỉnh, huyện, số cán bộ được chuyển về công tác tại các hợp tác xã và xã, làm nòng cốt cho phong trào ở địa phương.

Thực hiện chủ trương xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, đến tháng 6/1978, huyện Đức Linh đã đưa 97,6% hộ nông dân vào làm ăn tập thể trong 7 hợp tác xã nông nghiệp và 409 đội hợp tác lao động. Hai hợp tác xã Mê Pu và Sùng Nhơn có quy mô từ 900 đến 1.100 ha đất, với 16.000 đến 18.000 lao động. Có 5 hợp tác xã có quy mô từ 300 đến 450 ha đất, với 500 đến 800 lao động. Có 409 đội lao động hợp tác, có từ 30 đến 40 ha đất, với 60 đến 70 lao động. Đạt được kết quả này là do từ sau ngày giải phóng, huyện đã tiếp tục duy trì, củng cố đội hợp tác lao động ở các xã Bắc sông có từ thời chiến tranh⁽¹⁾ và năm 1976, huyện thành lập các tổ đoàn kết và vận động công ở 7 xã Nam sông. Nhân dân phấn khởi vào

(1) Từ năm 1965 - 1971, trong vùng giải phóng ta vận động phong trào vận động công trong sản xuất nông nghiệp. Năm 1971, 5 xã Bắc sông huyện tổ chức 11 tổ hợp tác vận động công. Năm 1975 đưa 5 xã thành đội hợp tác lao động và lấy xã Mê Pu xây dựng hợp tác xã thí điểm của huyện và đến năm 1977 là hợp tác xã thí điểm của tỉnh.

làm ăn tập thể là một phần do sự lãnh đạo của huyện, một phần dân thấy được quyền lợi của họ. Như 7 xã Nam sông, đến tháng 7/1976 thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng, ta thu hồi 2.425 ha ruộng vắng chủ chia cho 3.014 hộ (17.504 khẩu), trong đó có 810 hộ không có ruộng cấy và 2.243 hộ thiếu ruộng đất. Nên nhân dân phấn khởi tin tưởng vào chủ trương của Đảng. Mặt khác, việc đưa dân vào làm ăn tập thể, ta tiến hành từng bước vận động, tổ chức cho nhân dân học tập đường lối, chính sách làm ăn tập thể của Đảng, nông dân làm đơn tự nguyện xin vào đội hợp tác lao động. Các bước tiến hành thận trọng, huyện tổ chức làm thí điểm mỗi xã 1 thôn, sau đó triển khai diện rộng. Như lúc đầu ở Nam sông huyện chọn xã Võ Xu thực hiện trước, kết quả đã có 97% hộ xin vào tổ chức đội hợp tác lao động, sau đó tiếp tục thực hiện ở 6 xã còn lại. Ngoài ra, trong 3 năm (1977 - 1979), huyện tiếp nhận 25.000 dân ở các địa phương đến xây dựng kinh tế mới và bổ sung vào các tổ, đội hợp tác lao động ở các xã họ đến sinh sống. Cùng với việc đưa dân vào làm ăn tập thể, trong toàn huyện đã tập thể hóa tư liệu sản xuất được 89% ruộng đất, 70% trâu bò, nông cụ với tinh thần tự nguyện của nhân dân.



Vườn cao su.

Chính nhờ có phong trào làm ăn tập thể sớm, nhân dân Đức Linh tạo ra sức mạnh mới, khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh khai hoang, phục hóa, xây dựng vùng kinh tế mới, làm thủy lợi, xây dựng các trường học, trạm y tế, nhà kho, sân phơi, trụ sở xã, đường giao thông nông thôn.v.v.. đã làm bộ mặt xã hội ở nông thôn thay đổi so với trước chiến tranh. Hợp tác xã thời gian này làm ăn có hiệu quả, thu nhập của xã viên tăng lên, đời sống nhân dân được cải thiện. Cũng qua làm ăn tập thể, các tổ chức chính trị, xã hội ở địa phương phát triển và an ninh trật tự được bảo đảm.

Đi đôi với xây dựng hợp tác xã ở Đức Linh, các nông - lâm trường quốc doanh của tỉnh cũng thành lập trên địa bàn huyện nhằm khai thác tiềm năng của địa phương vào phục vụ đời sống nhân dân và phát triển xã hội. So với các địa phương trong tỉnh, có thể nói Đức Linh đã căn bản hoàn thành việc cải tạo quan hệ sản xuất cũ, bước đầu thiết lập quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Tại Đại hội tổng kết thi đua sản xuất giỏi lần thứ nhất năm 1976 của tỉnh Thuận Hải, huyện Đức Linh được tuyên dương thành tích là đơn vị có thành tích tương đối toàn diện. Trong đó, việc sản xuất vụ đông xuân là công

việc mới của nông dân trước đây chưa làm, đã đưa diện tích sản xuất tăng lên và đạt năng suất trung bình 27 tạ/ha.

Trong phong trào xây dựng hợp tác xã, Mê Pu là một xã điển hình của huyện và của tỉnh. Ở đây có phong trào xây dựng hợp tác lao động từ thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng đã có kinh nghiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ xây dựng hợp tác xã trong nông nghiệp. Huyện tăng cường cán bộ cho xã và các đội hợp tác lao động. Thực hiện chủ trương của huyện, năm 1976, xã Mê Pu tiến hành quy hoạch lại đồng ruộng, bố trí lại dân cư cho phù hợp với yêu cầu đề ra. Trong thời gian thực hiện đã chuyển 700 nhà vào ở trong vùng quy hoạch để chuyển 150 ha đất thổ cư sang đất sản xuất. Song song với việc quy hoạch, xã tổ chức cho nhân dân học tập các chỉ thị, nghị quyết của trên về xây dựng hợp tác xã nông nghiệp để bà con thống nhất tư tưởng. Sau đợt học tập, hơn 80% số hộ đã tự viết đơn xin vào hợp tác xã. Khi hợp tác xã nông nghiệp hình thành, tiến hành đại hội xã viên bầu chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và ban quản trị. Trong đại hội, xã viên thảo luận và thông qua nghị

quyết, kế hoạch sản xuất. Với cách làm dân chủ, tạo khí thế phấn khởi cho xã viên, từ đó phát huy quyền làm chủ tập thể cho nhân dân. Đúc rút những kinh nghiệm từ xã Mê Pu, sau hai tháng, 5 xã ở Bắc sông đã chuyển 2.542 gia đình lên làm nhà ở chân đồi và chuyển 650 ha đất thổ cư vào diện tích canh tác⁽¹⁾. Năm 1978, toàn huyện có 7 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó, xã Mê Pu và Nghị Đức có quy mô hợp tác xã toàn xã.

Trong phong trào xây dựng con đường làm ăn tập thể trong nông nghiệp và xây dựng đời sống mới, Đức Linh được tỉnh đánh giá là một ngọn cờ đầu của tỉnh Thuận Hải, được nhiều đồng chí lãnh đạo ở Trung ương về thăm, động viên, chỉ đạo, như các đồng chí Tố Hữu, Vũ Oanh, Hà Xuân Trường, v.v...

Ngành công nghiệp và thủ công nghiệp Đức Linh so với các địa phương khác trong tỉnh sau khi tiếp quản không có gì đáng kể, chủ yếu một số máy xát gạo, máy cưa chế biến gỗ, máy ép mía, lò gạch ngói, một số lò rèn, nhưng nhiều cơ sở bị hư hỏng, hoặc không sản xuất. Huyện khôi phục lại một số ngành nghề trong tiểu thủ công nghiệp và công

(1) 5 hợp tác xã ở Bắc sông gồm: Sùng Nhơn, Nghị Đức, Mê Pu, Huy Khiêm và Bắc Ruộng.

nghiệp. Cuối năm 1976, huyện thành lập một trạm cơ khí, lúc đầu có 11 công nhân, đến năm 1978 có 35 người (9 cán bộ kỹ thuật). Trạm cơ khí đã sản xuất các loại công cụ như: cuốc, liềm gặt lúa và sửa chữa các loại xe, máy cày phục vụ lưu thông và sản xuất⁽¹⁾. Trong thời gian này, Liên Xô giúp huyện hình thành một trạm máy kéo để xúc tiến việc cày đất cho sản xuất nông nghiệp cũng như vận chuyển trên đồng ruộng. Từ năm 1977, huyện phát triển sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ cho nhu cầu xây dựng ở địa phương.

Về các ngành kinh tế phục vụ cho sản xuất và đời sống của nhân dân cũng có bước củng cố và phát triển. Đầu năm 1976, công tác thu mua lương thực cho Nhà nước được đặt ra. Nguồn lương thực trong huyện chủ yếu là lúa, khoai, mì. Ngoài phần thu thuế lương thực theo quy định, huyện tổ chức thu mua trong nhân dân và các đơn vị, cơ quan tự túc sản xuất. Toàn huyện thành lập 12 trạm thu mua ở các xã hoặc theo khu vực. Ngoài 3 kho được thành lập trước đây, chứa được 600 tấn lương thực, huyện thành lập thêm 27 kho, chứa được 4.500 tấn. Năm

(1) Đến tháng 3/1993, giải thể trạm cơ khí huyện, nhà xưởng giao cho Trung tâm dạy nghề huyện.

1978, do tình hình thời tiết không thuận lợi, nhiều diện tích sản xuất mất trắng, huyện triển khai trồng thêm cây cao lương, một loại cây chịu hạn có kết quả tốt, nên thu mua lương thực đạt kết quả khá, phục vụ cho nhiều nơi trong tỉnh. Năm 1976, thu mua hơn 1 triệu kg lúa và hơn 200 ngàn kg nông sản. Đến năm 1977, đã huy động hơn 8.110 tấn lương thực (quy thóc) vào kho nhà nước.

Trong phân phối lưu thông, từ năm 1976, huyện tập trung cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, quản lý thị trường, chuyển dần một số tiểu thương sang sản xuất, phân loại ngành nghề có kế hoạch đưa vào làm ăn tập thể. Trong 3 năm (1977 - 1979), huyện thành lập trạm thu mua nông sản, thực phẩm; 02 cửa hàng điện máy, nông sản, hải sản và 01 cửa hàng trung tâm của huyện; thành lập 3 cửa hàng khu vực và 11 hợp tác xã mua bán. Còn 2 xã miền núi do Phòng Thương nghiệp huyện trực tiếp tổ chức thực hiện bán hàng cho nhân dân. Chức năng của cửa hàng mua bán huyện ngoài nhận hàng phân phối của tỉnh chuyển về, vừa phân phối cho các hợp tác xã mua bán, vừa thu mua các hàng nông sản, lâm sản chuyển cho tỉnh và phục vụ cho nhân dân địa phương. Cùng với phân phối bảo đảm 6 mặt

hàng cho cán bộ, nhân viên và 4 mặt hàng cho xã viên các hợp tác xã nông nghiệp tiểu thủ công nghiệp⁽¹⁾. Công tác quản lý thị trường được triển khai nhằm thực hiện mục tiêu "thị trường có tổ chức" để quản lý giá cả, điều tiết tiêu dùng xã hội. Tuy nhiên hàng hóa của thương nghiệp tỉnh chuyển về chậm cũng ảnh hưởng đến phân phối lưu thông ở địa phương. Để giải quyết những yêu cầu trước mắt huyện đã tập trung chỉ đạo việc cung cấp sản phẩm nông sản như mì lát, bo bo, lúa mì thay gạo góp phần khắc phục khó khăn trong thời gian trước mắt.

Đầu năm 1976, ngân hàng đã tập trung đầu tư vốn cho sản xuất nông nghiệp. Ngoài việc cho vay theo định mức, ngân hàng còn cho các hợp tác xã, các cơ sở kinh doanh vay dài hạn và ngắn hạn. Có thể nói, ngành ngân hàng đã cố gắng trong hoạt động tiền tệ, tín dụng, quản lý nguồn vốn, tập trung đầu tư cho sản xuất. Ngoài ra, ngân hàng còn huy động thêm tiền tiết kiệm trong nhân dân, cán bộ nhà nước để phục vụ vốn đầu tư cho sản xuất, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp.

(1) Từ 1976 - 1977, công nhân viên chức được mua cung cấp 6 mặt hàng theo tiêu chuẩn; từ năm 1979 trở đi mua 9 mặt hàng.

Ngành giao thông - vận tải và bưu điện đã từng bước khôi phục, đi vào hoạt động. Các tuyến đường sau năm 1975, như đường 33 (nay là 766), cầu cống hư hỏng, mùa nắng thì bụi, mùa mưa đi lại khó khăn, Huyện uỷ đã lãnh đạo tập trung sửa chữa đưa vào sử dụng đảm bảo phục vụ vận chuyển hàng hóa và hành khách trong và ngoài huyện. Nhưng đến năm 1978, khoảng 20 km đường xuống cấp, 4 cầu tạm bị hư. Đoạn đường từ xã Đoàn kết đến Nghị Đức và từ xã Võ Xu đi Gia An bị trở ngại giao thông trong 4 tháng mùa mưa. Do vốn ít, sửa chữa chắp vá nên hàng năm đều phải triển khai sửa đường, sửa cầu. Còn phương tiện vận chuyển hành khách, năm 1976, có 4 chiếc xe từ Đức Linh đi Sài Gòn, Hàm Tân và Phan Thiết. Đến năm 1977, huyện đã quản lý được phương tiện vận tải tư nhân nên đã có 19 chiếc xe ca đưa vào chở khách, 33 xe lam chuyên chở hành khách trong và ngoài huyện và 25 xe vận tải hàng hoá. Để tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa, hành khách, huyện mở thêm 1 bến xe ở Võ Xu. Tuy vậy, ngành giao thông - vận tải vẫn không theo kịp yêu cầu phục vụ cho sản xuất và đi lại của nhân dân.

Năm 1976, hoạt động của bưu điện đã được củng cố các bộ phận chuyên môn. Toàn huyện có 6 tổ

khai bưu tại huyện và 5 xã Võ Đất, Mê Pu, Gia An, Nghị Đức, Nam Sơn. Xây dựng hệ thống điện thoại hữu tuyến phục vụ liên lạc cho các đơn vị cấp huyện và 5 xã Võ Đất, Võ Xu, Nam Chính, Gia An, Mê Pu, với tổng số 33 máy; 2 máy vô tuyến nhằm liên lạc với tỉnh và huyện Hàm Tân. Năm 1977, bưu điện được chỉnh đốn lại, lập 1 trạm chính và 6 trạm khu vực, đặt 6 tổng đài khu vực và toàn huyện đã có 65 máy, trong đó có 11 xã được lắp máy, hoàn thành hệ thống dây cáp trần nối các xã đồng bằng phục vụ cho thông tin liên lạc thuận lợi hơn, không phải dùng loại dây chuyển tải nhỏ như trước. Năm 1978, ta tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống liên lạc các xã ở Bắc sông và liên lạc về tỉnh. Ngoài ra, bưu điện còn chuyển đi, nhận về, phát hành thư từ, báo chí phục vụ cho sự chỉ đạo và sinh hoạt của nhân dân. Có thể nói bưu chính viễn thông trong huyện đã có nhiều cố gắng để thực hiện nhiệm vụ của mình. Song, mạng lưới hữu tuyến còn hẹp, 4 xã chưa có điện thoại làm hạn chế trong việc chỉ đạo của huyện.

Được sự chỉ đạo của tỉnh, đến quý I năm 1976, huyện Đức Linh đã tiếp nhận nhân dân huyện Hàm Tân đến định cư ở Tà Pao và Đồng Kho, gồm 461 hộ, 2.857 khẩu và 463 hộ, 2.779 khẩu của Phan Thiết đến hai xã Huy Khiêm và Đoàn Kết. Huyện

chuẩn bị tiếp nhận thêm 25.000 người đến sinh sống. Đi đôi với sắp xếp cho nhân dân mới đến, trên địa bàn huyện cũng có kế hoạch định cư cho hơn 6.100 người đồng bào dân tộc miền núi ở La Ngâu, Măng Tố ổn định cuộc sống và sản xuất. Đến năm 1977, huyện cơ bản ổn định quy hoạch khu dân cư ở 5 xã Bắc sông, đã bố trí lại 2.524 hộ sống phân tán trên đất sản xuất trước đây.

Tiếp tục sắp xếp khu dân cư xã Võ Xu để quy hoạch toàn xã. Năm 1978, huyện tiếp tục nhận 20.000 người dân các nơi đến Đức Linh xây dựng vùng kinh tế mới. Như nhân dân từ Chợ Lớn (Thành phố Hồ Chí Minh) bố trí ở Gia An; nhân dân từ tỉnh Long An và huyện Phú Quý (Bình Thuận) lập thành xã Đức Phú (tên ghép Đức Linh và Phú Quý). Việc di dân xây dựng kinh tế mới kết hợp với khai hoang, phục hóa và quy hoạch khu dân cư, từ năm 1976-1977 mới triển khai từng bước, nên các hoạt động chưa đồng bộ và khai hoang còn tùy thuộc từng địa bàn. Trước tình hình đó, thực hiện Chỉ thị 08 của Thường vụ Tỉnh ủy, Thường vụ Huyện ủy Đức Linh ra Chỉ thị số 02 ngày 4/2/1978 mở chiến dịch khai hoang ở Đức Linh, mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp, tăng nhu cầu lương thực trong huyện

và tỉnh cũng như xây dựng vùng kinh tế mới. Chiến dịch khai hoang thực hiện từ ngày 12/2 đến 10/4/1978 kết thúc. 5 xã Bắc sông có nhiệm vụ khai hoang diện tích đất mới cho tỉnh. Ngoài ra, các xã trong huyện chủ động tổ chức khai hoang mở rộng đất sản xuất cho địa phương mình. Diện tích khai hoang được căn cứ vào số lượng dân cư về địa phương để định mức diện tích khai hoang mới⁽¹⁾. Huyện thành lập một ban chỉ đạo khai hoang chung và mỗi xã hình thành một tiểu đoàn và mỗi ban chỉ huy tiểu đoàn xã có 7 đồng chí, bao gồm cấp ủy, ủy ban, xã đội, công an và đại diện các đoàn thể⁽²⁾. Đợt ra quân với khí thế "Ra quân một lúc, kết thúc một ngày". Kết quả sau gần 2 tháng lao động, 5 xã Bắc sông đã khai hoang cho tỉnh được gần 700 ha, các xã mở rộng thêm 1.992 ha và làm mới 1.260 căn nhà cho nhân dân. Để thực hiện nhiệm vụ này, huyện đã

(1) Xã Sùng Nhơn có 2.600 dân, kế hoạch khai hoang cho tỉnh là 140 ha và tự khai hoang cho địa phương 459 ha, làm 189 nhà mới cho dân. Riêng các xã Đồng Kho, Võ Xu khai hoang mở rộng đất và làm nhà cho địa phương. Vùng khai hoang được xác định từ cổng thôn 2 Mê Pu đến rừng thôn 4 xã Nghị Đức và bao hai bên phía Đông và Tây đường lộ 2.

(2) Chiến dịch khai hoang đợt này có các công việc: cất, phát, đốt và dọn. Mỗi nhà cất mới có chiều dài 6m và chiều rộng 5m.

huy động tổng lực lực lượng lao động tham gia⁽¹⁾. Đây là đợt khai hoang có quy mô nhất và huy động lực lượng lao động cũng như chi phí cho lao động lớn nhất của tỉnh và huyện.

Về công tác thông tin văn hoá, từ đầu năm 1976, Phòng Thông tin - Văn hóa huyện đã thành lập tổ in ấn, tổ truyền thanh - triển lãm và tổ tin tức - báo chí. Các xã đều hình thành ban thông tin - văn hóa và 54 thôn có cán bộ chuyên trách. Toàn huyện có 45 tổ phát loa tay và 15 đội văn nghệ làm nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước. Đến năm 1977, huyện tiếp tục củng cố mạng lưới thông tin từ huyện về cơ sở, đưa hoạt động của ngành và trọng tâm tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, phục vụ cho việc chỉ đạo các mặt công tác ở địa phương. Các hoạt động chủ yếu với các hình thức: thông tin cổ động, tổ chức hội diễn văn nghệ, hội thao, bóng đá, bóng chuyền, chiếu phim, triển lãm và truyền thanh cơ sở. Năm 1978,

(1) - Bình quân chi phí 1 ha 550đ (rừng loại 1 là 500đ/ha, hoặc là 550đ và loại 3 là 600đ) và mỗi căn nhà 350đ.

- Về đánh giá ưu - khuyết chiến dịch khai hoang ở huyện, đề nghị góp ý kiến thêm. Riêng tỉnh có bản đánh giá và có kỷ luật cán bộ.

xây dựng Đài Truyền thanh huyện cùng với mạng lưới thông tin lưu động các xã đã tuyên truyền hoạt động 2.164 lần, riêng Đài Truyền thanh huyện phát sóng trong năm 2.145 giờ. Cũng từ năm 1977 trở đi, Phòng Thông tin - Văn hóa huyện ra bản tin và một số tập thơ, "tờ rơi" tài liệu tuyên truyền, áp phích. Đồng thời, mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thông tin - văn hóa. Bên cạnh đó, mở cửa hàng sách tại Võ Đất và thư viện huyện, phòng đọc sách ở một số xã phục vụ cho bạn đọc tại địa phương.

Công tác giáo dục cũng được đẩy mạnh cả số trường và số lượng học sinh. Năm học 1975 - 1976, toàn huyện có 22 trường, với 3 cấp học và mẫu giáo⁽¹⁾. Đến năm 1977 và 1978, huyện mở thêm trường cấp II, cấp III vừa làm vừa học (ở Trà Tân) và trường cấp II ở Bắc sông. Năm học 1976 - 1977, mẫu giáo có 47 lớp, với 1.920 cháu theo học; cấp I (năm học 1976 - 1977) có 14.391 em và năm học

(1) Năm học đầu tiên sau giải phóng (1975- 1976), cấp I, có 19 trường (6 trường vùng giải phóng Bắc sông trước đây), cấp II có 2 trường ở thị trấn Võ Đất và trường cấp II+ III ở Võ Đất (riêng cấp III chỉ có 2 lớp, còn cấp II có 15 lớp và cấp I có 226 lớp). Về học sinh cấp I có 10.312 em (4.584 nữ), cấp II có 757 em và cấp III có 102 em.

1977- 1978 tổ chức thi tốt nghiệp cấp I đạt 96%, cấp II đạt 96,5% và có nhiều em lên lớp thẳng.

Bên cạnh các cấp học phổ thông, hệ thống bổ túc văn hóa và bình dân học vụ học viên đi học khá đông. Cuối năm 1976 đã xóa nạn mù chữ ở 6/15 xã, với 5.193/6.025 người theo học⁽¹⁾. Đến năm 1977, Trường Bổ túc văn hóa cán bộ huyện (ở Võ Đất) được mở thường xuyên, có trên 4.000 người đến lớp và lúc cao điểm có 6.400 người tham gia học tập. Phong trào học bổ túc văn hóa và bình dân học vụ phát triển khá, có số học sinh đạt tốt nghiệp khá cao.

Để có thành tích trên, huyện vừa đầu tư cơ sở vật chất, vừa tăng số lượng giáo viên⁽²⁾. Năm học 1976 - 1977, đội ngũ giáo viên thực dạy, cấp I đã có 275, cấp II có 41, giáo viên mẫu giáo 54. Về giáo viên dạy bổ túc văn hóa và bình dân học vụ có 16 giáo viên chuyên trách và 318 giáo viên nghiệp dư. Năm học 1977 - 1978, giáo viên cấp I có 313, cấp II có 54 và mẫu giáo có 42 giáo viên. Tuy vậy, ngành giáo dục huyện còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật

(1) Các xã đã thanh toán nạn mù chữ là: Huy Khiêm, Sùng Nhơn, Nghị Đức, Võ Đất, Mê Pu và Gia An.

(2) Giáo viên cấp I có 223 người, cấp II có 20 và cấp III có 6 người. Trong đó, giáo viên mới đào tạo 159 người, giáo viên cũ lưu dụng là 84 người và miễn Bắc tăng cường 112 người.

chất, trường lớp làm thêm phần nhiều còn tạm bợ. Đội ngũ giáo viên tuy có được tăng cường, nhưng vẫn chưa đủ sức đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục.

Tổ chức mạng lưới y tế toàn huyện đã hoàn chỉnh từ năm 1976. Y tế tuyến huyện có 1 bệnh viện và 3 bệnh xá theo vùng, với 79 cán bộ, nhân viên. Tuyến xã có 13 trạm xá, có 120 cán bộ công nhân viên. Các cơ quan khối đảng, chính quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang đều có y tá phục vụ. Có thể nói sự quan tâm của huyện đối với công tác phòng bệnh, chữa bệnh cho nhân dân được chú ý đúng mức trong hoàn cảnh đang gặp nhiều khó khăn. Từ mạng lưới y tế đều khắp các tuyến huyện - xã - thôn, Phòng Y tế huyện đã phát động nhân dân tham gia phòng chống bệnh, nhất là sốt rét. Với các biện pháp phun thuốc diệt muỗi, kêu gọi nhân dân ngủ màn tránh muỗi và giải quyết ao tù, nước đọng để tránh muỗi sinh sản, ăn ở vệ sinh. Cùng với phòng chống sốt rét, công tác phòng dịch bệnh theo mùa cũng được đề ra. Bên cạnh đó, việc khám, điều trị bệnh hàng năm cũng khoảng 6 đến 7 ngàn người⁽¹⁾. Đi đôi với

(1) Năm 1976, tiếp nhận khám 5.098 lượt người; năm 1977 có 6.479 người và năm 1978 là 9.557 người.



Đồng chí Lê Hải Anh. (Lê Kim Hoàng)
Bí thư Huyện ủy từ 4/1983 - 9/1986.

khám và điều trị bệnh, các tủ thuốc được mở ra nhiều nơi phục vụ cho nhân dân. Ngoài các tủ thuốc quốc doanh, huyện còn cho các tủ thuốc dân lập phục vụ ở các xã. Đồng thời, thuốc nhận ở trên về không đủ, ngành dược của huyện đã bào chế thuốc các chủng loại tân dược, đông dược phục vụ phòng - chữa bệnh cho nhân dân. Việc bảo vệ bà mẹ trẻ em cũng được ngành y tế huyện quan tâm. Ngoài việc chú ý khám- chữa bệnh cho các cháu, phòng y tế huyện phối hợp với các đoàn thể phát động phong trào chăm sóc, bảo vệ thiếu nhi nhân các ngày Quốc tế 1/6. Theo dõi sinh đẻ của chị em và tuyên truyền nuôi dạy con tốt, từ đó tỷ lệ trẻ em tử vong giảm.

Thực hiện chủ trương của Đảng, sau khi huyện thành lập ban chỉ đạo thực hiện các chính sách thương binh. Trong năm 1976, huyện đã triển khai cho các xã Võ Đất, Võ Xu, Sùng Nhơn, Trà Tân xây dựng nghĩa trang liệt sĩ để quy tập các mộ liệt sĩ. Đồng thời, tháng 10/1976, huyện tổ chức 1 tháng điều tra xác minh mộ của cán bộ, chiến sĩ hy sinh tại Võ Xu, sau đó rút kinh nghiệm triển khai ở 5 xã Bắc sông. Năm 1976 đã tu sửa 441 mộ liệt sĩ. Năm 1977, điều tra xác minh 1.190 mộ, đã xác định được 389 liệt sĩ, tu sửa 530 mộ và đưa vào nghĩa trang 104 liệt sĩ và năm 1978 xác định được 606 liệt sĩ, tu bổ 676

mộ liệt sĩ. Ngoài ra, huyện còn giải quyết làm thủ tục, xác định loại thương binh cho hàng trăm người. Song song với công tác liệt sĩ, thương binh, công tác trợ cấp xã hội cho số cán bộ về hưu, gia đình khó khăn và cho đi học 14 cháu là con em liệt sĩ, mồ côi không nơi nương tựa. Đồng thời, đến năm 1978, thành lập 4 ban chấp hành chi hội chữ thập đỏ. Nhìn chung, công tác thương binh- xã hội đã có nhiều cố gắng giải quyết chính sách xã hội cho gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình chính sách và hỗ trợ cho gia đình khó khăn, rách, đói. Khó khăn hiện nay là việc điều tra, xác minh và quy tập liệt sĩ ở các nơi trong huyện là một việc làm lâu dài.

Trong công tác an ninh - quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương luôn là nhiệm vụ hàng đầu. Sau ngày giải phóng, lực lượng vũ trang huyện đã được củng cố, nhưng lực lượng dân quân, tự vệ cơ sở, công an thôn chưa hoàn thiện. Đến năm 1976, huyện tiếp tục chỉ đạo xây dựng 15 ban chỉ huy xã đội có 49 cán bộ (có 1 nữ), 56 ban chỉ huy thôn đội với 145 cán bộ và 3 xã miền núi ta thành lập du kích xã với 71 đội viên được phân thành 1 trung đội và 4 tiểu đội. Du kích thôn có 382 người chia thành 56 tiểu đội và dân

quân có 450 người (148 nữ). Tuy nhiên, lực lượng dân quân, du kích xã, thôn trong xây dựng mới chú ý đến số lượng, năm 1977 huyện chủ trương đi sâu vào xây dựng chất lượng. Sau bầu cử Hội đồng Nhân dân các xã đã củng cố lại ban chỉ huy xã đội và lực lượng thường trực xã. Do đó, toàn huyện có 35 cán bộ xã đội, 116 cán bộ thôn đội, lực lượng du kích có 583 (145 nữ) và 503 người tham gia dân quân. 8 cơ quan huyện đã thành lập đội tự vệ có 79 đồng chí (18 nữ). Đến năm 1978, lực lượng vũ trang so với năm 1977 tăng lên 16% và lực lượng bán vũ trang tăng 18,25%. Lực lượng vũ trang và bán vũ trang trong huyện được trang bị về kiến thức quốc phòng, học tập chính trị cũng như chuyên môn nghiệp vụ của mình. Về Ban Chỉ huy quân sự huyện, từ năm 1976 đồng chí Trần Việt Tân làm Huyện đội trưởng, đồng chí Trần Ái Nhân làm Chính trị viên, đồng chí Ngô Việt Hùng làm Chính trị viên phó và đồng chí Lê Xuân Nhị làm Huyện đội phó. Đến tháng 5/1977, Ban Chỉ huy Huyện đội có sự thay đổi, đồng chí Nguyễn Tử Trọng làm Huyện đội trưởng, đồng chí Ngô Việt Hùng làm Chính trị viên và đồng chí Nguyễn Tấn Hoàng làm Chính trị viên phó.

Công an huyện được hình thành, do đồng chí Phạm Xuân Trinh, Ủy viên Thường vụ Huyện ủy phụ trách. Công an huyện có các bộ phận chuyên môn, cùng một số đồn, trạm để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự trong huyện. 15 xã đã hình thành 15 ban an ninh, với 41 cán bộ và 83 cán bộ an ninh thôn. Đến năm 1977, thực hiện chủ trương chỉnh đốn lại lực lượng, chọn lọc những người có phẩm chất, trách nhiệm nên phần nhiều ban an ninh xã, thôn số lượng giảm, chỉ còn 33 cán bộ công an xã, 114 công an thôn và đội sản xuất. Công tác an ninh cũng được chú ý hơn. Năm 1976, huyện xây dựng xã Mê Pu lá cờ đầu về phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, đến năm 1978 đã có thêm 7 xã có phong trào khá, 5 xã trung bình và 2 xã phong trào còn yếu kém.

Năm 1976, là năm tuyển quân thực hiện nghĩa vụ quân sự đầu tiên sau giải phóng. Huyện tuyên truyền, phát động nhân dân học tập các quy định, nghĩa vụ quân sự của thanh niên. Trong tổng số 4.741 thanh niên (1.444 nữ) trong toàn huyện đã có 4.162 người đi đăng ký, 343 (49 nữ) thanh niên đã trúng tuyển và phát lệnh điều động đi nghĩa vụ 323 (34 nữ) thanh niên lên đường làm nghĩa vụ quân sự, thời hạn 5 năm. Trong số đó có 266 người được giao

về tỉnh bổ sung vào xây dựng lực lượng bộ đội tỉnh. Thực hiện nghĩa vụ quân sự đã trở thành nhiệm vụ hàng năm. Năm 1977 có 1.444 thanh niên đăng ký khám tuyển, có 952 đủ tiêu chuẩn sức khỏe, hoãn chính sách 263 người, còn 611 người thực hiện nghĩa vụ vượt chỉ tiêu tỉnh giao (chỉ tiêu 500) và được tuyên dương đơn vị giao quân khá của tỉnh. Năm 1978 có 2.582 thanh niên đăng ký, 1.557 khám tuyển và 592 (có 90 nữ) trúng tuyển, nhưng so với chỉ tiêu tỉnh giao mới đạt 69,64%.

Tình hình quốc tế những năm 1977, 1978, 1979 không thuận lợi cho việc khắc phục hậu quả chiến tranh và xây dựng đất nước. Bọn phản động bên ngoài về lôi kéo, xây dựng tay sai trong nước; một số ngụy quân, ngụy quyền trước đây ngoan cố chưa chịu cải tạo đã tuyên truyền, tung tin về Đảng phục quốc, Đảng Dân quân phục quốc, Đảng Mặt trận cứu nguy dân tộc, Tiểu đoàn 1/30 biệt lập Võ Đất, v.v... được thành lập, kích động, lôi kéo thanh niên chạy ra rừng chống phá cách mạng. Từ năm 1978, lợi dụng chiến tranh biên giới Tây Nam, một số phần tử phản động đội lốt tôn giáo, số ngụy quân, ngụy quyền không chịu cải tạo ngoan cố nổi lên chống phá cách mạng. Bọn FULRO giáp ranh với tỉnh bạn về móc nối số phản động ở miền núi trong

huyện. Bọn phản động viết tờ rơi nhân danh các tổ chức "Mặt trận ly khai", "Mặt trận phục quốc", v.v... lôi kéo quần chúng địa phương. Trước tình hình đó, thực hiện Chỉ thị 04 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết quân sự địa phương. Tháng 2/1976, huyện thành lập ban chỉ huy truy quét, huy động lực lượng vũ trang huyện, dân quân, du kích các xã tham gia đã mở các đợt cao điểm truy quét bên ngoài và phát động quần chúng tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Ta huy động các lực lượng vũ trang và phát động nhân dân tham gia tấn công truy quét 3 đợt bên ngoài (đợt 1 từ 15/2 đến 20/3; đợt 2 từ 25/3 đến 30/3 và đợt 3 từ 1/5 đến 30/6/1976), trấn áp bên trong, bắt giữ một số tên cầm đầu và triệt phá 11 tổ chức phản động, điển hình như nhóm Đoàn Vàng. Tỉnh mở tòa án đặc biệt tại xã Gia An xét xử và tử hình tên Lê Văn Phúc, một cán bộ đặc công đơn vị 200C (Quân khu VI), trong kháng chiến chống Mỹ đầu hàng giặc, làm tay sai chống phá cách mạng.

Như vậy, sau 3 năm thực hiện nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, cải tạo và bước đầu xây dựng quan hệ sản xuất mới, vừa sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ và nhân dân Đức Linh đã

đạt được những thành tựu đáng kể. Đảng bộ huyện củng cố, phát huy hiệu lực của bộ máy chính quyền, đoàn thể nhằm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động trong sản xuất, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng, làm trong sạch Đảng, trong sạch bộ máy, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, cải tiến chế độ làm việc, thực hiện các nguyên tắc của Đảng. Thực lực của Đảng được củng cố, tăng cường hơn trước về nhiều mặt.

Trong sản xuất, huyện tập trung lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, làm nghĩa vụ lương thực và thực phẩm cho tỉnh, vừa trang trải cho địa phương, nhất là cho đồng bào kinh tế mới. Đồng thời, tổ chức phục hóa, khai hoang, mở rộng diện tích đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ do tỉnh đề ra. Mặt khác, công tác thủy lợi và các biện pháp kỹ thuật, thâm canh phục vụ cho sản xuất nông nghiệp đạt khá.

Cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong nông - công - thương nghiệp đã hoàn thành một bước cơ bản. Trong nông nghiệp đã sớm đưa nông dân vào làm ăn tập thể, kể cả đồng bào kinh tế mới. Đầu năm 1978, toàn huyện đã hoàn thành bước đầu về xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp, tạo cơ sở vững chắc cho việc hoàn thành hợp tác xã vào tháng

6/1979. Cải tạo công thương nghiệp đi đôi với tổ chức hợp tác xã mua bán và thiết lập các đơn vị sản xuất kinh doanh trong nông - công - thương nghiệp, giao thông - vận tải đã phục vụ sản xuất và đời sống cho nhân dân. Từ đó nhanh chóng hình thành thành phần kinh tế tập thể và quốc doanh và đang chiếm ưu thế nền kinh tế địa phương.

Về văn hóa - xã hội được quan tâm, từng bước góp phần xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa khá rõ nét.

Bên cạnh những thành quả đạt được ban đầu, mặt tồn tại trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ huyện còn một số khuyết điểm tồn tại, đó là: Trong sản xuất mới chú ý tập trung cho sản xuất nông nghiệp, giữa trồng trọt và chăn nuôi còn mất cân đối. Chưa chú ý đến sản xuất, chế biến các loại cây màu và các ngành nghề khác như lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Các ngành phục vụ sản xuất và đời sống như xây dựng cơ bản, giao thông, phân phối, v.v... hoạt động còn nhiều hạn chế. Nhân dân đến xây dựng kinh tế mới chiếm một lực lượng lớn lao động của huyện, một số chưa bám đất sản xuất nên đời sống gặp nhiều khó khăn, nhưng huyện chưa có biện pháp chỉ đạo kịp thời. Các thế mạnh

của địa phương về đất đai, lao động, tài nguyên
chậm được phát huy để xây dựng huyện mạnh về
kinh tế và quốc phòng.

B. ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HUYỆN LẦN THỨ HAI (1979 - 1983):

Để chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận
Hải lần thứ II (nay là lần thứ V của Đảng bộ tỉnh
Bình Thuận), tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần
thứ V vào đầu năm 1982. Sau một thời gian thực
hiện Chỉ thị 29 ngày 30/9/1978 của Ban Thường vụ
Tỉnh ủy và Chỉ thị 55 ngày 14/10/1978 của Ban Bí
thư Trung ương Đảng về tổ chức đại hội Đảng các
cấp, Đảng bộ huyện Đức Linh đã triển khai cho các
cơ sở đảng tiến hành đại hội chi- đảng bộ và chuẩn
bị nội dung, tổ chức cho đại hội đảng bộ huyện.

Sau gần một năm chuẩn bị và thu thập hơn 500
ý kiến đóng góp bản dự thảo kiểm điểm thực hiện
Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ nhất và
phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ II (1979- 1980),
cùng với 100% các cơ sở đã tiến hành xong đại hội.
Từ ngày 8 đến ngày 12/8/1979, Đại hội đại biểu
Đảng bộ huyện Đức Linh lần thứ II đã khai mạc
tại Hội trường Huyện uỷ (xã Võ Xu). Qua 5 ngày
làm việc, đại hội thảo luận:

- Báo cáo kiểm điểm đánh giá nhiệm kỳ I và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ II;
- Báo cáo công tác xây dựng Đảng;
- Bầu cử ban chấp hành khóa II;
- Bầu đại biểu đi dự Đại hội đại biểu tỉnh lần thứ II.

Về Ban Chấp hành nhiệm kỳ II, đại hội đã bầu 29 ủy viên, trong đó có 2 ủy viên dự khuyết và Ban Thường vụ Huyện ủy có 9 đồng chí:

- 1- Đồng chí Lê Khắc Thành, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư;
- 2- Đồng chí Trần Tuấn Anh, Phó Bí thư Thường trực;
- 3- Đồng chí Trần Ái Nhân, Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện;
- 4- Đồng chí Nguyễn Quang Tường, Ủy viên Thường vụ ;
- 5- Đồng chí Nguyễn Tuấn Dục, Ủy viên Thường vụ;
- 6- Đồng chí Nguyễn Thanh Đồng, Ủy viên Thường vụ;
- 7- Đồng chí Phạm Xuân Trinh, Ủy viên Thường vụ;

8- Đồng chí Ngô Đức Hạ, Ủy viên Thường vụ;

9- Đồng chí Nguyễn Thanh An, Ủy viên Thường vụ.

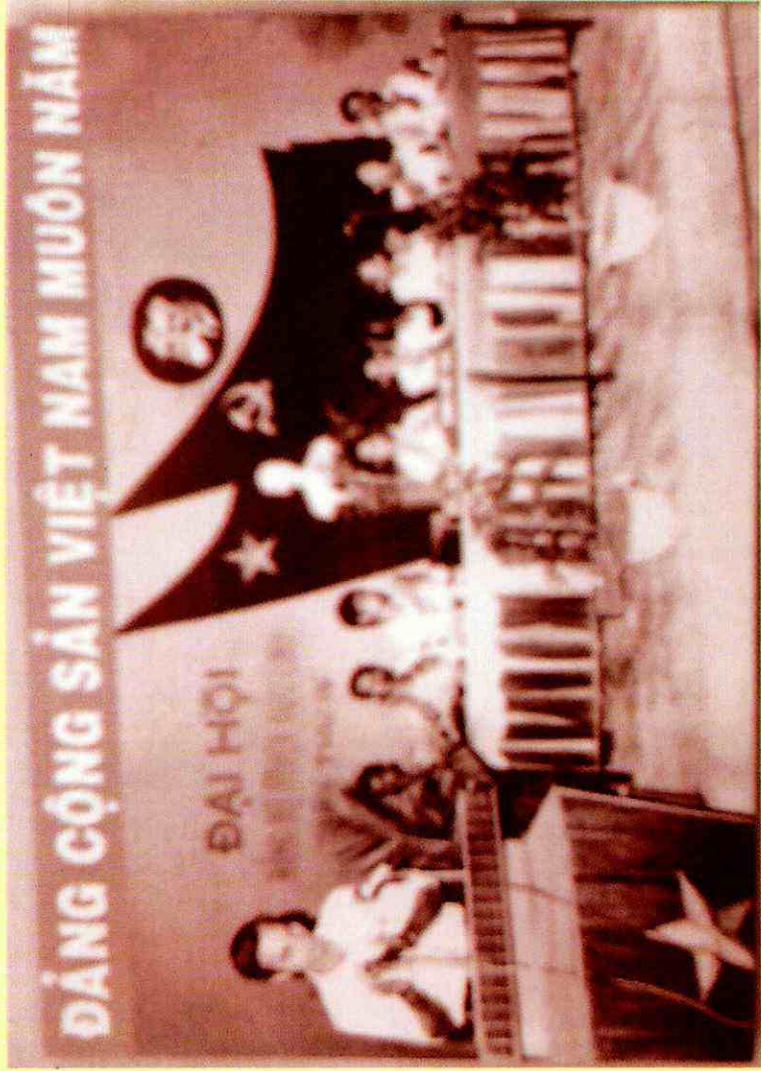
Đại hội ra nghị quyết về đánh giá tình hình nhiệm kỳ I và phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của Đảng bộ trong thời gian tới (1979 - 1980). Nhiệm vụ chủ yếu của thời gian tới Đảng bộ huyện phải thực hiện là đẩy mạnh sản xuất, xây dựng đời sống; hoàn thành việc cải tạo quan hệ sản xuất cũ và xây dựng nền sản xuất mới xã hội chủ nghĩa; tăng cường an ninh quốc phòng; ra sức xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nhằm đủ sức lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới. Nghị quyết cũng nêu ra các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 1979⁽¹⁾, đến năm 1981, 1982 Ban Chấp hành Đảng bộ ra nghị quyết bổ sung nhiệm vụ trong từng năm.

(1) Các chỉ tiêu phấn đấu trong 2 năm 1979 - 1980: Lương thực đạt 64.000 tấn. Huy động lương thực cho Nhà nước 11.000 tấn. Diện tích canh tác 17.096 ha. diện tích gieo trồng 26.200 ha và khai hoang 600 ha. Trồng rừng 170 ha. Tổng đàn gia súc 33.200 con. Tổng giá trị xuất khẩu 2 triệu đồng.

- Các năm 1981, 1982, Ban Chấp hành Đảng bộ họp tổng kết và ra nghị quyết hàng năm, do đó Đại hội II Đảng bộ huyện chỉ đề ra nghị quyết 1 năm như trình bày ở trên.

Qua hơn 3 năm (1979 - 1982), thực hiện phương hướng, mục tiêu của nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ lần thứ II, công tác xây dựng Đảng thực hiện các Chỉ thị 83, 72 và 55 của Trung ương và các chỉ thị của Tỉnh ủy, Huyện ủy. Trong đó, năm 1980, công tác xây dựng Đảng được xác định tập trung vào làm cho nội bộ Đảng trong sạch vững mạnh, củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, năng lực lãnh đạo của các cơ quan Đảng, phát triển đảng viên theo Chỉ thị 83 của Trung ương, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ huyện đề ra. Đây cũng là nhiệm vụ xuyên suốt của công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ II. Ngoài ra, còn thực hiện phát triển đảng viên nhân các đợt kỷ niệm 3/2, 19/5, 2/9, qua đó, đã nâng cao số lượng và chất lượng đảng viên.

Đại hội II của Đảng bộ huyện xác định, Đức Linh là một huyện có cơ cấu: nông - lâm - công nghiệp. Trên cơ sở đó xác định nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, trọng tâm là phát triển kinh tế. Vì vậy, cấp ủy Đảng đã tăng cường sự lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, bảo đảm lương thực đủ ăn và làm nghĩa vụ cho trên; tăng cường cải tạo quan hệ sản xuất XHCN trên tất cả các lĩnh vực; cải tiến phân phối lưu thông, từng



Đại hội Đảng bộ huyện Đức Linh lần thứ IV.



bước ổn định tình hình giá cả, mở mang các ngành nghề tiểu - thủ công nghiệp; đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa, giáo dục, bảo đảm công tác an ninh- quốc phòng và khai thác tốt các tiềm năng về tài nguyên của huyện đạt được kết quả.

Công tác tư tưởng cũng là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình vận động cách mạng, nhất là trong việc đề ra chủ trương, biện pháp thực hiện trong tình hình mới. Thực hiện Nghị quyết 36, Thông tri 126 của Trung ương về rèn luyện phẩm chất cộng sản cho đảng viên. Đảng bộ lãnh đạo công tác tư tưởng, tổ chức học tập nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cho cán bộ, đảng viên. Từ nhận thức của cán bộ, đảng viên tuyên truyền ra quần chúng càng được đẩy mạnh. Ngoài ra, Đảng bộ huyện còn cử cán bộ, đảng viên đi bồi dưỡng, đào tạo lý luận ở các trường Đảng tỉnh và khu vực⁽¹⁾.

Công tác xây dựng Đảng được Đảng bộ huyện quan tâm. Đến tháng 11/1982, toàn Đảng bộ có 748 đảng viên (85 đồng chí nữ và 50 đồng chí dự bị),

(1) Di dự lập cao cấp (Trường Nguyễn Ái Quốc) 2 đồng chí; trung cấp 5 đồng chí; sơ cấp 6 đồng chí và cơ sở 687 đồng chí.

sinh hoạt trong 47 cơ sở Đảng⁽¹⁾, đã có 647 đồng chí được nhận thẻ Đảng.

Về phát triển Đảng được 93 đảng viên (13 nữ). Công tác phát triển đảng viên mới hàng năm đều tăng, nhất là năm 1982 tăng gấp 2 lần năm 1980 và 1981⁽²⁾.

Qua 3 năm tiến hành cuộc vận động chính trị nhằm xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh từ năm 1980 đến năm 1982 đã đạt được kết quả cơ bản, làm chuyển biến sâu sắc trong từng ngành, từng địa phương và đơn vị⁽³⁾. Nhiều cơ sở Đảng từ yếu kém đã được củng cố. Nhiều đảng viên có sai lầm,

(1) Số đảng viên được kết nạp trong chống Mỹ 357 đồng chí; tăng cường từ quân đội và phía Bắc vào 40 đồng chí và mới phát triển sau năm 1975 là 159 đồng chí. Trong đó, khu vực nông thôn có 17 cơ sở Đảng, có 380 đảng viên; khu vực miền núi 2 cơ sở với 70 đảng viên và khu vực nhà nước có 28 cơ sở với 298 đảng viên.

(2) Năm 1980 kết nạp 20 đồng chí và 1981 kết nạp 23 đồng chí.

(3) Năm 1980, chi bộ xã Đoàn kết được phát thẻ đảng; năm 1981 có thêm 29 cơ sở và số còn lại phát thẻ vào năm 1982. Đến tháng 5/1982, phân loại đảng viên có 728 đồng chí đủ tư cách và 25 đồng chí chưa đủ tư cách: loại 1 có 287 đồng chí, loại 2 có 144 đồng chí, loại 3 có 181 đồng chí, loại 4 có 23 đồng chí, loại 5 có 16 đồng chí và loại 6 do xét không kỹ đã phát thẻ 9 đồng chí.

khuyết điểm đã khắc phục phần đầu tốt. Những kết quả trong công tác xây dựng đảng đã góp phần đáp ứng tốt nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Về củng cố và xây dựng chính quyền có bước chuyển biến đáng kể. Ngày 13/5/1979, tiến hành cuộc bầu cử hội đồng nhân dân 2 cấp huyện, xã. Nhân dân trong huyện đã nô nức đi bầu cử, thực hiện quyền công dân của mình. Qua đó củng cố một bước chính quyền huyện, đồng thời đã tập trung quan tâm lãnh đạo và củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền các xã Trà Tân và Nam Chính. Đầu năm 1980, thực hiện Chỉ thị 33 và Quyết định 139 của Hội đồng Chính phủ, cấp huyện thành lập 15 ban và cấp xã, 5 ban chuyên môn và ngày 01/4/1980, các ban chuyên môn của huyện và các xã bắt đầu đi vào hoạt động theo cơ chế mới. Sau củng cố, huyện phân loại có 3 xã (Mê Pu, Nghị Đức, Đồng Kho) hoạt động khá; 7 xã loại trung bình (La Dạ, Trà Tân, Sùng Nhơn, Võ Xu, Lạc Tánh, Huy Khiêm và La Ngâu); còn 6 xã yếu kém (Đức Tài, Đức Hạnh, Nam Chính, Suối Kiết, Gia An và Bắc Ruộng). Khó khăn lúc này là thiếu cán bộ, hoạt động của Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân chưa đều và các xã chưa hình thành đầy đủ 5 ban

chuyên môn. Riêng huyện đã được tỉnh xét duyệt để quyết định hình thành, nhưng cán bộ các ban vẫn chưa đủ số lượng theo yêu cầu⁽¹⁾.

Công tác xây dựng tổ chức và hoạt động của mặt trận và các đoàn thể cũng được Đảng bộ huyện quan tâm lãnh đạo.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Đức Linh tổ chức Đại hội lần thứ nhất vào ngày 9/7/1978, bầu Ủy ban Mặt trận huyện có 38 vị, trong đó bộ phận thường trực có 6 vị, do đồng chí Trần Tuấn Anh làm Chủ tịch. Đến tháng 10/1979, huyện điều động đồng chí Nguyễn Cán về giữ chức vụ Phó Chủ tịch Thường trực. Đối với các xã Mê Pu, Võ Xu, Nam Chính, Võ Đất, sau đại hội mặt trận huyện đã tiến hành đại hội cơ sở. Riêng mặt trận hai xã Trà Tân, Sùng Nhơn đến năm 1981 mới tiến hành đại hội. Đầu năm 1983, 05 xã Võ Xu, Sùng Nhơn, Đức Tài, Đức Hạnh, Mê Pu đã tiến hành đại hội mặt trận lần thứ hai. Còn 2 xã Trà Tân, Nam Chính chưa đại hội, do chờ quyết định chia xã. Mặt trận xã sau đại hội, số lượng ủy viên ban chấp hành nơi nhiều có 17 vị,

(1) Theo điều tra dân số năm 1979, toàn huyện có 113.992 người. (Theo sổ tay ghi chép của ông Trương Đại; dân số toàn huyện đến tháng 5/1977 là 72.916 người).

nơi ít 13 vị và đồng chí Thường trực Đảng ủy kiêm Chủ tịch Mặt trận, như xã Sùng Nhơn, Mê Pu; các xã Võ Xu, Nam Chính, Đức Tài, Đức Hạnh do đảng viên làm chủ tịch, riêng Trà Tân do một quần chúng tốt làm chủ tịch. Công tác mặt trận trong thời gian qua đã hình thành tổ chức từ huyện đến cơ sở, nhưng hoạt động chưa đều, cán bộ chưa được bồi dưỡng về chuyên môn và nhiều nơi còn kiêm nhiệm.

Đến năm 1977 huyện chủ trương củng cố lại tổ chức, tiến hành Đại hội Hội Nông dân tập thể huyện⁽¹⁾, bầu Ban Chấp hành có 19 đồng chí, chuyên trách có 7 đồng chí, do đồng chí Lê Văn Mong phụ trách. Từ năm 1977 đến năm 1979, các xã đều thành lập ban chấp hành hội nông dân cơ sở và ban chấp hành hội phân theo khu vực hợp tác xã và tập đoàn sản xuất. Toàn huyện có 11.982 hội viên (2.516 nữ). Cũng trong năm 1979, thực hiện Chỉ thị 116/CT của Trung ương Đảng và Nghị quyết 31 Tỉnh ủy về củng cố các hợp tác xã nông nghiệp, thành lập hội đồng kiểm soát thay cho ban kiểm soát trong ban quản lý

(1) Từ năm 1960 đến năm 1978, tổ chức Hội nông dân mang tên "Hội Nông dân giải phóng", gọi tắt là Nông hội. Từ năm 1979, thực hiện Chỉ thị 78 của Trung ương thành lập Hội Liên hiệp nông dân tập thể Việt Nam.

hợp tác xã và thay cả ban chấp hành Hội trước đây, trực tiếp chỉ đạo đến các tổ, đội sản xuất. Ngày 25/3/1980, Hội nghị Đại biểu Nông dân tập thể huyện đã khai mạc. Kết quả hội nghị đại biểu đã bầu Hội đồng Nông dân tập thể huyện, có 28 ủy viên, có 6 đồng chí thường trực. Đến năm 1983, Hội đồng Nông dân tập thể huyện còn 10 ủy viên và xã có 7 hội đồng và hội viên có 15.688 người (307 người dân tộc). Nhưng hội viên từ 14.162 trong năm 1979 tăng lên 26.397 trong năm 1980, nay lại giảm xuống còn hơn 15.000. Có thể nói, phong trào nông dân có vai trò nòng cốt trong việc thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng, Nhà nước và xây dựng con đường làm ăn tập thể trong nông nghiệp. Toàn huyện đã có 27 hợp tác xã và 29 tập đoàn sản xuất với 15.688 xã viên, đã huy động 80% nông dân vào làm ăn tập thể. Tài sản hợp tác xã ngày được xây dựng và phát triển hơn, có sân kho, hội trường, máy móc phục vụ sản xuất và bước đầu thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng đạt kết quả⁽¹⁾.

(1) Chỉ thị số 100 ngày 18/1/1981 của Ban Bí thư Trung ương về cải tiến công tác khoán, mở rộng "khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động" trong hợp tác xã nông nghiệp. Xã viên thực hiện 3 khâu trong sản xuất là gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch; hợp tác xã thực hiện 2 khâu thủy lợi và cày đất.

Trong phong trào xây dựng con đường làm ăn tập thể đã thể hiện 3 nguyên tắc: tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ và thực hiện hài hòa 3 lợi ích: Nhà nước, tập thể và cá nhân được quan tâm

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 20 của Trung ương hội về phát động phong trào phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mặt khác, tổ chức hội phụ nữ huyện cũng liên tục được kiện toàn, củng cố. Ban Chấp hành huyện hội có 11 người, do đồng chí Lê Thị Hồng Thính làm Hội trưởng. Toàn huyện, 7 xã có ban chấp hành và 33 ban cán sự hợp tác xã. Tổng số hội viên đến năm 1983 có 9.607 người. Hội Phụ nữ huyện đã tích cực tham gia quản lý kinh tế - xã hội, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xây dựng người phụ nữ mới. Phụ nữ còn gương mẫu, đầu tàu trong sản xuất và quản lý hợp tác xã, tập đoàn sản xuất. Tuy nhiên, phụ nữ tham gia công tác cấp ủy còn ít và vai trò vị trí đầu ngành trong huyện chưa nhiều; ý chí phấn đấu của một số chị em chưa cao. Cá biệt, có hội viên xin ra khỏi Đảng, xin nghỉ việc và đề nghị miễn công tác.

Huyện ủy trực tiếp lãnh đạo tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Về tổ chức, Ban Chấp

hành Huyện đoàn có 13 đồng chí (2 thường trực cơ quan, còn 11 đồng chí phụ trách cơ sở), do đồng chí Trương Khắc Bảo làm Bí thư. Toàn huyện có 1.025 đoàn viên, sinh hoạt trong 8 xã đoàn, 26 chi đoàn cơ sở và 92 chi đoàn trực thuộc chi đoàn cơ sở. Đoàn và thanh niên là lực lượng nòng cốt trong phong trào sản xuất nông nghiệp. Thanh niên còn tham gia nghĩa vụ quân sự, tham gia bảo vệ an ninh trật tự địa phương và góp phần vào xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Trong đó, phong trào thanh niên xung phong nhập ngũ và tình nguyện sang chiến đấu, giúp nhân dân Campuchia anh em thoát khỏi nạn diệt chủng Pôn-pốt và phong trào thanh niên tham gia xây dựng các công trình thủy lợi là nổi bật nhất. Hạn chế trong công tác Đoàn là việc phát triển đoàn viên, hội viên thanh niên còn chậm, một số thanh niên còn ngại gian khổ; cá biệt có thanh niên còn trốn tránh nghĩa vụ quân sự.

Về nhiệm vụ kinh tế là đẩy mạnh sản xuất và tiếp tục củng cố hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và từng bước kiện toàn quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp trên địa bàn huyện. Từ năm 1980 đến năm 1983, huyện chủ trương củng cố phong trào hợp tác hóa, thanh toán tiền hóa giá trâu bò, phát triển các ngành nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

Từ năm 1982, thực hiện khoán sản phẩm trong nông nghiệp, năng suất lúa từ 20 tạ/ha/vụ tăng lên 28 đến 30 tạ/ha/vụ, có một số hợp tác xã đạt trên 60 tạ/ha/vụ, đã làm cho nông dân phấn khởi. Sản lượng lương thực năm 1979 là 10.802 tấn, tăng lên 46.731 tấn trong năm 1982. Các ngành nghề khác được phát triển phục vụ tốt cho sản xuất và đời sống nhân dân. Mặc dù thời tiết năm 1982 bị hạn, 1983 bị lụt, nhưng thu nhập tăng, làm cho xã viên phấn khởi, tin tưởng vào vai trò lãnh đạo của Đảng.

Về chăn nuôi gia súc, gia cầm được quan tâm lãnh đạo nên tổng đàn gia súc, gia cầm tăng lên đáng kể, nhất là đàn heo từ 6.100 con năm 1979 lên 7.600 con năm 1983, vừa tạo ra lượng phân bón hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp, vừa tăng thu nhập cho xã viên.

Công tác thủy lợi, huyện tập trung thi công hoàn thành công trình trạm bơm Võ Xu đưa vào phục vụ tưới tiêu cho các xã từ Võ Xu đến Đức Tài. Ngoài ra còn sửa lại các công trình thủy lợi nhỏ, nạo vét kênh mương ở các xã Gia An, Lạc Tánh, Nam Chính phục vụ cho sản xuất.

Ngành lâm nghiệp được tăng cường cán bộ để tham mưu cho Ủy ban Nhân dân huyện quản lý, bảo

vệ và phát triển vốn rừng trên địa bàn huyện; phát động phong trào trồng cây gây rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

Tiểu thủ công nghiệp huyện phát triển, nhưng đến đầu năm 1983, Hợp tác xã bột giấy còn tồn sản phẩm, nên hoạt động cầm chừng. Các đơn vị quốc doanh của tỉnh hoạt động tự sản, tự tiêu. Trong khi đó, sản xuất thủ công gia đình khá phong phú, huyện chưa khuyến khích và tổ chức thu mua vì chưa có thị trường ổn định.

Công tác xây dựng vùng kinh tế mới đến cuối năm 1980 đã có 6.250 hộ, với 34.915 khẩu từ các nơi đến định canh, định cư, trong đó đồng bào ở Thái Bình có 1.383 hộ, với 7.361 khẩu. Ngoài ra, còn một số nhân dân đến ngoài kế hoạch 557 hộ, với 2.797 khẩu. Huyện đã triển khai thực hiện các bước ổn định nơi ăn ở, tạo việc làm để ổn định đời sống và sản xuất cho nhân dân mới đến. Do còn nhiều khó khăn trong cuộc sống ở vùng đất mới, nên đã có 1.570 hộ, với 7.400 khẩu đã tự động chuyển đi nơi khác.

Để xây dựng Đức Linh thành một vùng kinh tế nông nghiệp phát triển và ổn định đời sống xã hội, năm 1980, huyện đã tiến hành quy hoạch, giải quyết một bước ranh giới các xã Đức Tài, Đức Hạnh, Nam

Chính, Võ Xu, Gia An, Lạc Tánh, Đồng Kho; phân bổ lại đất đai cho hợp lý đối với các xã Đức Tài, Nam Chính, Đức Hạnh, Xí nghiệp đường, Hợp tác xã Tân Hà, Hợp tác xã giấy. Đồng thời, giải quyết việc tranh chấp ở vùng kinh tế mới Hàm Tân lên Bắc Ruộng, Nghị Đức, Mê Pu và Huy Khiêm. Mặt khác, huyện cũng xác định giải quyết đất cho Trường Giáo dục lao động, Trại Cải tạo tỉnh nằm trong địa phận xã Lạc Tánh và đất xây dựng khối liên cơ quan Huyện ủy và Ủy ban Nhân dân huyện tại xã Võ Xu.

Các công tác phục vụ sản xuất và đời sống cho nhân dân như giao thông, bưu điện, ngân hàng, phân phối lưu thông cũng được đẩy mạnh.

Trong giao thông, huyện huy động quỹ lao động xã hội hàng năm để sửa chữa đường. Trong năm 1983, huyện huy động hơn 10.000 ngày công cho công việc này. Ngay từ năm 1980, khó khăn về nhiên liệu đã xảy ra. Để khắc phục tình trạng này, huyện đã cải tiến 7 xe ô tô từ chạy xăng, dầu sang chạy than và phát triển các phương tiện vận chuyển thô sơ như xe ngựa, xe bò để vận chuyển hàng hóa, phục vụ sản xuất và vận chuyển hành khách phục vụ đời sống nhân dân. Nhưng khó khăn trong giao thông là đoạn đường từ Võ Xu đi Gia An, Lạc Tánh; Suối

Kiết và Đồng Kho đi Huy Khiêm hư hỏng nặng nên ảnh hưởng đến việc vận chuyển lương thực còn trong kho, trong nhân dân. Trong vụ mùa 1983, lương thực còn tồn đọng 2.000 tấn và vụ hè thu gần 500 tấn. Việc vận chuyển mỗi tháng đạt khoảng 45 tấn, nên việc ứ đọng lương thực tại kho càng tăng lên. Từ tình hình trên, với sự giúp đỡ của tỉnh và sự nỗ lực của huyện đã khắc phục khó khăn, tập trung chỉ đạo giải phóng kịp thời tình trạng ứ đọng lương thực trong thời gian ngắn.

Mạng lưới thông tin liên lạc trong huyện phát triển khá. Huyện đã xây dựng 6 tổng đài, 106 cửa, mắc 90 máy điện thoại cho cơ quan và 13 xã; xây dựng đường dây hữu tuyến dài 124 km, kết hợp với liên lạc vô tuyến phục vụ cho chỉ đạo, cũng như trao đổi của nhân dân nhanh chóng. Khó khăn của bưu điện là việc giao thông mùa mưa lên miền núi khó khăn, nên việc chuyển bưu còn chậm, thậm chí 1 tháng mới chuyển đi 1 lần.

Về phân phối lưu thông, ngành thương nghiệp đã thu mua các hàng hóa nông sản và thực phẩm cũng như lâm sản ở địa phương. Mặt khác, nhận các hàng nhu yếu phẩm của trên về bán phân phối cho các đối tượng. Bên cạnh đó, việc nhận hàng của trên về

chậm, số lượng ít và cửa hàng điện máy là bán các sản phẩm công nghiệp như phụ tùng xe đạp, v.v... nhiều lúc không có hàng, nên ảnh hưởng đến phân phối cho cán bộ, công nhân viên.

Công tác huy động lương thực hàng năm thực hiện khá tốt. Năm 1980 được tỉnh tăng cường thêm cán bộ nên việc triển khai nhanh, gọn trong khoán thu mua. Trong thu mua lương thực ta thực hiện 2 giá, giá chỉ đạo và giá thỏa thuận. Như vụ mùa năm 1980, kế hoạch thu mua 250 tấn, thực hiện đạt 320 tấn. Hay vụ mùa 1983, huy động đạt 100% kế hoạch đề ra. Tuy nhiên khó khăn trong việc vận chuyển lương thực nên hư hao còn nhiều.

Về xuất khẩu được đề ra từ năm 1978, nhưng khó khăn về mặt hàng, chủng loại chưa nhiều, chủ yếu là lâm sản. Để tăng chủng loại xuất khẩu, huyện thành lập trạm thu mua xuất khẩu với nhiệm vụ thu mua các mặt hàng xuất khẩu có giá trị, như cà phê, tiêu, điều; các mặt hàng lâm sản và làm nhiệm vụ đối lưu hàng hóa với nông dân. Đồng thời, huyện cũng chỉ đạo trồng thầu dầu, ký hợp đồng thu mua gừng, sả và phát triển các loại đồ thủ công như mây, tre, nứa, lá, nên các chủng loại hàng hoá xuất khẩu của huyện ngày một phong phú hơn.

Hoạt động tài chính, ngân hàng: Các khoản thu từ mua bán hàng hóa thương nghiệp, lương thực, thu các khoản thuế, thu tiền gửi tiết kiệm, v.v... đạt còn thấp. Trong khi đó, chi trả lương, trả công lao động, chi cho phục vụ xã hội và chi hành chính sự nghiệp nhu cầu lớn hơn. Đến năm 1983, thực hiện pháp lệnh thuế công thương nghiệp, thuế nông nghiệp. Trong thuế công thương nghiệp đánh giá lại mức thu và xóa bỏ những hộ đã bỏ kinh doanh và một số hộ mở tài khoản; số buôn bán nhỏ ghi thu ngoài bộ thuế. Riêng thuế nông nghiệp, ta tiến hành đánh giá lại hạng đất và kê khai số diện tích đất do các cơ quan sản xuất tự túc để thu thuế chính xác hơn. Về phần chi trong tài chính thường thấp hơn phần thu. Như năm 1980, thu là 1.729.918đ, chi 877.437đ, bảo đảm theo kế hoạch.

Công tác thương binh - xã hội luôn được huyện quan tâm. Hàng năm giải quyết một bước các chương trình, chính sách và chăm lo cho gia đình liệt sĩ. Xã Võ Xu là nơi huyện chọn làm điểm phát động phong trào "Người công dân gương mẫu", "Gia đình cách mạng gương mẫu" để khơi dậy lòng yêu nước và trách nhiệm của nhân dân với người có công với cách mạng, tạo phong trào lan rộng trong nhân dân.

Tuy nhiên việc giải quyết các nhu cầu lương thực và hàng hoá cho các đối tượng chính sách xã hội chưa được giải quyết kịp thời

Ngành giáo dục huyện đã đi vào nền nếp cả bậc học mẫu giáo, phổ thông và bổ túc. Công tác bổ túc văn hóa và xóa nạn mù chữ trong hoàn cảnh có khó khăn nhưng huyện vẫn tiếp tục chỉ đạo thực hiện. Từ năm 1980, huyện mở trường bổ túc văn hóa tập trung, dạy chương trình cấp I và cấp II. Từ năm 1982, Phòng Giáo dục đã kết hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức sinh hoạt hè cho các em học sinh theo phương pháp lao động gắn với học tập. Cũng từ năm học 1981, huyện tổ chức bồi dưỡng chính trị cho giáo viên trong dịp hè nhằm nâng cao nhận thức, quan điểm, lập trường cách mạng cho thầy, cô. Chuẩn bị năm học 1983 - 1984, ngay từ hè 1983, huyện tổ chức học tập chính trị cho 329 giáo viên, đạt 90% tổng số giáo viên trong huyện tham dự. Năm 1983, huyện mở thêm lớp bổ túc văn hóa cấp II tại chức ban đêm, tạo điều kiện cho nhiều cán bộ theo học. Tiếp tục thực hiện nghị quyết cải cách giáo dục phối hợp với phong trào thi đua 2 tốt (dạy tốt - học tốt) nên chất lượng học tập nâng lên, giáo viên giảng dạy có trách nhiệm hơn.

Khó khăn của ngành giáo dục là tỷ lệ học sinh đến trường tăng, trong khi cơ sở vật chất phát triển không kịp. Đội ngũ giáo viên còn thiếu. Lượng dầu đèn phục vụ cho học bổ túc văn hóa ban đêm nhiều nơi không đủ cung cấp.

Về công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được tập trung chỉ đạo thường xuyên nên phong trào vệ sinh phòng dịch, khám chữa bệnh phát triển. Các phong trào phát triển khá như: xây dựng hố xí 2 ngăn, sử dụng giếng nước và nhà tắm hợp vệ sinh phát triển rộng khắp các xã trong huyện. Đây là phong trào phát triển khá mạnh, đều khắp. Công tác khám chữa bệnh được quan tâm thực hiện thường xuyên; phong trào sinh đẻ có kế hoạch và các biện pháp ngừa tránh thai được phát động trong từng hộ gia đình xã viên.

Công tác bảo vệ và chăm sóc bà mẹ trẻ em phát triển tốt ở một số xã như Mê Pu, Võ Xu, Đức Tài... Năm 1980, huyện xây dựng nhà trẻ liên cơ quan giải quyết khó khăn cho cán bộ, công nhân viên yên tâm làm việc. Các nhà trẻ của một số hợp tác xã trong thời gian này gặp nhiều khó khăn, như không có cháu đến gửi phải đóng cửa, cô nuôi dạy trẻ chuyển công tác khác.

Công tác Thông tin - Văn hóa, Thể thao tiếp tục được duy trì và phát triển như phát hành bản tin, tập tin và các hoạt động lưu diễn văn nghệ quần chúng ở địa phương. Từ năm 1980, ngoài việc dùng loa tay để làm nhiệm vụ tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Đài Truyền thanh huyện còn tiếp âm Đài Phát thanh tỉnh và Trung ương nên chương trình phong phú, lượng thông tin nhiều hơn. Trạm truyền thanh cơ sở ở xã Mê Pu, Sùng Nhơn xây dựng chương trình tiếp âm đài trung ương, chương trình truyền thanh của địa phương để phát phục vụ cho nhân dân trong xã. Phong trào thể dục, thể thao vẫn duy trì, song không sôi động như những năm 1977- 1978. Các loại hình thể thao như bóng chuyền, bóng đá và phát triển thêm bóng bàn nhưng phong trào không sôi nổi như những năm trước đây.

Công tác an ninh - quốc phòng được giữ vững trong tình hình chung có nhiều khó khăn. Một số sĩ quan chế độ cũ tập hợp thanh niên bất mãn ra rừng để chống phá cách mạng. Một số người Hoa tìm cách vượt biên. Hoạt động của bọn phản động đội lốt tôn giáo nổi lên ở khu kinh tế mới Đức Tân. Tết Canh Thân (1980), chúng rải truyền đơn ở Sùng

Nhơn. Các tên phản động thường trốn trong các vùng núi. Sau đợt truy quét vào Núi Ông và Suối Kiết, ta còn tổ chức truy quét thường xuyên ở vùng đồi Đa Kai và duy trì lực lượng bám sát các vùng Núi Ông, Bà Tá, Suối Kiết và đồi 300 (Đa Kai) nên tình hình an ninh chính trị được duy trì khá tốt.. Về quân sự, từ tháng 02/1979 đến năm 1981 đồng chí Lê Văn Minh làm Huyện đội trưởng, đồng chí Phan Anh làm Chính trị viên. Tháng 12/1979, trên điều đồng chí Nguyễn Thanh Đồng thay đồng chí Phan Anh và từ tháng 02/1982, Tỉnh đội điều đồng chí Lê Văn Minh về Trường Quân sự tỉnh. Từ năm 1982 đến tháng 4/1983, Ban Chỉ huy Quân sự huyện do đồng chí Nguyễn Thanh Đồng làm Huyện đội trưởng, kiêm Chính trị viên Huyện đội; đồng chí Trần Ngọc Hoàng làm Chính trị viên phó và đồng chí Hồ Đức Hiền làm Huyện đội phó. Ban Chỉ huy quân sự huyện đã có nhiều cố gắng bám sát nhiệm vụ nên hàng năm thực hiện đạt kết quả khá tốt.

Công tác tuyển quân các năm đều đạt trên kế hoạch chỉ tiêu của tỉnh giao. Năm 1980, tuyển 129 thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự, đến các năm sau vẫn đạt mức từ 124 đến 130 thanh niên. Từ

1983, chất lượng tuyển quân có tăng hơn cả về sức khỏe và văn hóa. Công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt chỉ tiêu cả về chất lượng và số lượng trên giao.

Sau hơn 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện đã cơ bản hoàn thành xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trên quê hương. Con đường làm ăn tập thể đã đưa đại bộ phận nhân dân trong huyện vào hợp tác xã - một hình thức sản xuất xã hội chủ nghĩa. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể đã đi vào nền nếp, có chất lượng hơn. Công tác an ninh- quốc phòng được củng cố. Thanh niên nhập ngũ tình nguyện đi chiến đấu giúp bạn ở Campuchia đã trở thành phong trào sôi nổi của tuổi trẻ. Từ những kết quả đạt được tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển của huyện nhà trong những năm tiếp theo.

Chương III

CHIA TÁCH HUYỆN, ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN ĐỨC LINH TIẾP TỤC XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1983 - 1986)

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy về việc tiến hành Đại hội các cấp, tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, từ 27 đến 29/1/1983, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Linh lần thứ III đã trọng thể khai mạc tại Hội trường Huyện ủy (xã Võ Xu), có 151 đại biểu đại diện cho đảng viên toàn Đảng bộ về dự Đại hội. Đại hội thảo luận Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ lần thứ II và đề ra phương hướng nhiệm kỳ III (1983-1986), bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới và bầu đoàn

đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khóa III có 29 ủy viên (25 chính thức và 4 ủy viên dự khuyết). Ngày 21/4/1983, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quyết định số 119/QĐ-TU chuẩn y Ban Thường vụ có 9 đồng chí:

1- Đồng chí Nguyễn Nhẫn, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy⁽¹⁾;

2- Đồng chí Nguyễn Quang Tường, Phó Bí thư;

3- Đồng chí Nguyễn Tuấn Dục, Ủy viên Thường vụ Huyện ủy;

4- Đồng chí Huỳnh Quang Hòa, Ủy viên Thường vụ Huyện ủy;

5- Đồng chí Phạm Xuân Trinh, Ủy viên Thường vụ Huyện ủy;

6- Đồng chí Nguyễn Thanh Đồng, Ủy viên Thường vụ Huyện ủy;

7- Đồng chí Trương Đình Phốc, Ủy viên Thường vụ Huyện ủy;

(1) Sau Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II, đồng chí Lê Khắc Thành chuyển về tỉnh làm Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy và tỉnh điều đồng chí Nguyễn Nhẫn, Tỉnh ủy viên, Bí thư huyện Hàm Thuận về làm Bí thư huyện Đức Linh.

8- Đồng chí Đặng Cao Nhung, Ủy viên Thường vụ Huyện ủy;

9- Đồng chí Lê Hy, Ủy viên Thường vụ Huyện ủy.

Thực hiện Quyết định số 204 ngày 30/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc chia tách huyện Đức Linh thành 2 huyện Đức Linh và Tánh Linh, đến ngày 1/5/1983 huyện Đức Linh mới được thành lập gồm 7 xã (Trà Tân, Đức Hạnh, Đức Tài, Nam Chính, Võ Xu, Mê Pu và Sùng Nhơn). Đến năm 2000, toàn huyện có 11 xã gồm: Trà Tân, Tân Hà (tách từ Trà Tân), Đức Hạnh, Đức Tài, Võ Xu, Đức Chính (tách từ Nam Chính), Nam Chính, Vũ Hòa (tách từ Võ Xu), Mê Pu, Sùng Nhơn và Đa Kai (tách từ Sùng Nhơn). Ranh giới huyện: phía Đông và phía Nam giáp huyện Tánh Linh, phía Tây giáp tỉnh Đồng Nai, phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng. Ngày 25/4/1983, Tỉnh ủy Thuận Hải quyết định chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đức Linh lâm thời có 15 ủy viên (13 chính thức, 2 dự khuyết) và Ban Thường vụ Huyện ủy có 5 đồng chí gồm:

1- Đồng chí Lê Kim Hoàng (Hải Anh), được điều động từ Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy về, chỉ định làm Bí thư;



*Đồng chí Nguyễn Quang Tường.
Bí thư Huyện ủy từ 9/1986 - đầu năm 1993.*

1911

1911

1911

2- Đồng chí Nguyễn Quang Tường, Phó Bí thư;

3- Đồng chí Huỳnh Quang Hòa, Ủy viên Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện;

4- Đồng chí Nguyễn Tuấn Dục, Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban cải tạo nông nghiệp huyện;

5- Đồng chí Phạm Xuân Trinh, Ủy viên Thường vụ, Trưởng Công an⁽¹⁾.

Đại hội lần thứ III của Đảng bộ huyện đã xác định nhiệm vụ kinh tế - xã hội là tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, bảo đảm đủ ăn, có dự trữ và làm nghĩa vụ ngày càng nhiều cho Nhà nước; phấn đấu tự túc những vấn đề chủ yếu trong cuộc sống bằng đẩy mạnh xuất nhập khẩu hàng hóa, chú trọng phân bổ lại lao động hợp lý cho lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nhằm khai thác hết tiềm năng 3 thế mạnh của huyện về nông- lâm và tiểu thủ công nghiệp.

(1) Khi chia tách huyện, các đồng chí: Nguyễn Nhân, Nguyễn Thanh Đồng, Trương Đình Phố, Đặng Cao Nhung, Lê Hy (trong Ban Thường vụ Huyện ủy); các đồng chí Trần Khánh Linh, Trương Khắc Bảo, Cáp Xuân Tấn, Cao Tá Khanh, Dương Đình Châm, Hồ Ca (Ủy viên Ban Chấp hành chính thức); các đồng chí Trần Trung Kiên, Ngô Kiên (Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành) chuyển về huyện Tánh Linh.

Trong 3 năm (1983-1986), Huyện ủy đã tập trung lãnh đạo triển khai thực hiện nghị quyết đại hội, tuy có một số chỉ tiêu chưa đạt nhưng nhìn chung kinh tế-xã hội huyện nhà có phát triển nhiều mặt.

Về sản xuất nông- lâm nghiệp của huyện so với năm cuối của nhiệm kỳ II (1982), tổng sản phẩm đều tăng. Sản lượng lương thực năm 1982 chỉ đạt 21.798 tấn, đến năm 1985 là 30.456 tấn, chăn nuôi tăng 64%, sản phẩm tiểu thủ công nghiệp tăng 120%. Diện tích sản xuất lúa và cây công nghiệp như tiêu, điều xuất khẩu đã tăng. Trong đó lúa cao sản chiếm 530 ha. Diện tích lúa trồng 2 vụ tăng 42%. Nhờ có đầu tư thủy lợi và cải tạo đồng ruộng nên có 600 ha ruộng 1 vụ lên 2 vụ và 20 ha ruộng 2 vụ tăng lên 3 vụ. Về diện tích lâm nghiệp trong 3 năm qua đã giao được 17.684 ha rừng cho hợp tác xã và nông trường sản xuất kinh doanh. Trong đó, đã trồng 82 ha cao su và điều, tăng gấp 4 lần so với 3 năm trước. Lao động trong lâm nghiệp và tiểu thủ công nghiệp cũng được phân bổ lại hợp lý hơn. Như lao động trong thủ công nghiệp năm 1982 chỉ chiếm 1,2% tổng số lao động toàn huyện, đến năm 1985 đã tăng lên 2,5%. Năm 1983 chưa bố trí lao động trong lâm nghiệp, nhưng đến năm 1985 đã có 0,25% lao

động tham gia trong sản xuất, khai thác lâm nghiệp. Mặt yếu của ngành nông- lâm nghiệp là phát triển diện tích trồng màu thấp và tỷ lệ màu trong tổng sản phẩm chỉ chiếm 24%. Phát triển cây công nghiệp chưa tập trung, trong đó cây điều diện tích nhiều nhưng hiệu quả kinh tế thấp. Công trình thủy lợi Võ Xu đưa vào phục vụ sản xuất chậm.

Ngành tiểu thủ công nghiệp đã sản xuất bằng nguyên liệu tại chỗ, như gạch, ngói, vôi, công cụ cầm tay phục vụ sản xuất. Từng bước sản xuất bao bì và hàng mỹ nghệ xuất khẩu. Các loại sản phẩm đường kết tinh, đá chẻ, gỗ xẻ đều tăng. Tuy nhiên lãng phí nguyên liệu trong sản xuất còn nhiều. Việc tổ chức sắp xếp lại cơ cấu sản xuất chậm và các cơ sở quốc doanh hiện có hoạt động còn yếu. Sản phẩm tiêu dùng tại chỗ chưa có gì đáng kể, phải nhập từ nơi khác.

Giao thông vận tải được tỉnh và huyện đầu tư, huy động 296 nghìn ngày công cho việc tu sửa, làm mới cầu đường, khắc phục ách tắc giao thông của những năm trước. Tiếp tục mở đường vào vùng kinh tế Rô Mô. Thành lập Công ty ô tô huyện, từng bước đi vào hoạt động phục vụ lưu thông trong huyện. Tuy nhiên, trong điều kiện xăng dầu khó khăn,

ngoài việc sử dụng than củi làm nhiên liệu chạy xe, nhân dân còn dùng xe đạp giải quyết một phần đáng kể vào việc lưu thông nội đồng, nội địa. Tuy vậy, mạng lưới lưu thông và hệ thống đường sá vẫn chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống.

Về phân phối lưu thông, huyện chỉ đạo các ngành lương thực, thương nghiệp, tài chính, sắp xếp lại bộ máy, đưa thêm lương thực vào kinh doanh đạt được một số kết quả bước đầu. Huy động lương thực từ mức 4,8 nghìn tấn năm 1983 tăng lên 5,9 nghìn tấn năm 1985. Đặc biệt, năm 1984, huy động được 7 nghìn tấn lương thực. Bình quân một lao động nông nghiệp làm nghĩa vụ cho Nhà nước từ 180 kg năm 1983 lên 200 kg năm 1985⁽¹⁾. Huyện liên tục vượt mức kế hoạch làm nghĩa vụ lương thực cho Nhà nước. Thu mua nông sản so với năm 1982, năm 1985 đạt khá. Khi thực hiện Nghị quyết 8 Trung ương về cải tiến giá - lương - tiền thì tình hình thị trường có biến động, nhưng huyện vẫn cố gắng bình ổn giá cả trong một thời gian khá dài. Sau đó, vận dụng khung giá trung ương và tỉnh quy định để ổn định tình hình giá cả, lương thực, nông sản, v.v... ở địa phương.

(1) Bình quân lương thực đầu người năm 1983 là 344 kg, tăng lên 410 kg năm 1985.

Thu ngân sách tăng khá, năm 1985, tăng 2,2 lần so với năm 1982. Bảo đảm nhu cầu chi thiết yếu trong huyện. Trong đó, chi cho kiến thiết, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế tăng hơn. Từng bước quản lý đưa nguồn chi đúng yêu cầu của địa phương. Quản lý thu chi tiền mặt có tiến bộ. Hợp tác xã tín dụng bắt đầu hình thành và hoạt động phục vụ cho sản xuất. Đây là bước phát triển mới của mạng lưới tín dụng xã hội chủ nghĩa.

Xuất nhập khẩu của huyện trong 3 năm tăng so với các năm trước. Hàng hoá nhiều chủng loại, đủ tiêu chuẩn tham gia xuất khẩu để có ngoại tệ nhập khẩu hàng hoá thiết yếu phục vụ cho nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân trong huyện.

Việc cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa: Tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, hoàn thành cơ bản cải tạo công thương nghiệp và các ngành nghề khác. Tập thể hóa tư liệu sản xuất trong hợp tác xã nông nghiệp đã được giải quyết cơ bản. Công tác quản lý đi vào chiều sâu và có bước chuyển biến đáng kể. Một số hợp tác xã, như Mê Pu phát triển toàn diện, xây dựng cơ cấu mô hình nông- công- thương- tín. Đồng thời, quy hoạch đất đai, phân bổ lao động theo kế hoạch để phát triển kinh tế tập thể và kinh tế quốc doanh. Trong công thương

nghiệp đã chú ý chỉ đạo sắp xếp lại tiểu thương, lực lượng quốc doanh và hợp tác xã mua bán⁽¹⁾. Tuy nhiên, trong cải tạo quan hệ sản xuất và công thương nghiệp cũng còn khó khăn. Trong sử dụng quản lý tư liệu sản xuất tập thể còn yếu, định mức kinh tế kỹ thuật chưa sát, đúng. Vai trò làm chủ tập thể của xã viên chưa cao.

Từ ngày 11 đến 13/7/1985, Ban chấp hành Đảng bộ huyện họp để nghiên cứu quán triệt, bàn biện pháp thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết 12 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thuận Hải về giá - lương - tiền, nhằm xóa bỏ cơ chế kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp chuyển sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Hội nghị đã thảo luận và đánh giá tình hình của huyện từ năm 1984 đến tháng 5/1985, đánh giá một số mô hình về giao chỉ tiêu kế hoạch một số cơ sở sản xuất công- thương nghiệp, hạch toán giá thành. Năm 1983, huyện thực hiện mô hình liên kết kinh tế nông - lâm - thương nghiệp, lấy Hợp tác xã Mê Pu 1 làm điểm, sau đó nhân rộng ra các xã trong huyện. Hội nghị cũng

(1) Ba năm sắp xếp 214 hộ kinh doanh thương nghiệp, 112 hộ làm ngành nghề tư nhân, bố trí lại chợ ở vùng nông thôn.

đánh giá tình hình của huyện khi thực hiện nghị quyết về giá- lương- tiền sẽ gặp trở ngại, khó khăn do kinh tế bao cấp, bộ máy còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng yêu cầu đề ra. Từ nhận định tình hình trên, huyện chuẩn bị các bước thực hiện chính sách giá- lương- tiền, trước mắt là bù giá vào lương. Muốn đạt yêu cầu này phải có hàng hóa sản phẩm. Ngoài các biện pháp đẩy mạnh sản xuất, chăn nuôi, sản xuất hàng hóa; kinh tế quốc doanh và tập thể phải chiếm lĩnh thị trường trong phân phối, lưu thông. Mặt khác, tài chính, ngân hàng phải chuẩn bị đầy đủ tiền mặt bằng thu và chi hợp lý. Phát huy vai trò của Ban trọng tài kinh tế trong chuyển đổi hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, v.v... Huyện quyết định thành lập Ban chỉ đạo bù giá vào lương do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện làm Trưởng ban.

Công tác xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa với những yêu cầu đầu tiên là xây dựng cơ sở vật chất, phương tiện với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Trong 3 năm, huyện đầu tư cho lĩnh vực hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế và xã hội (trong đó dân đóng góp 30%). Đáng chú ý, trường cấp III đã đi vào hoạt động ổn định, hướng nghiệp cho học sinh từng bước

được nâng lên. Đào tạo giáo viên tại chỗ bổ sung dạy tại địa phương được chú ý. Chất lượng dạy và học đạt khá và mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội được phát huy khá hơn. Số lượng học sinh thi chuyển cấp và tốt nghiệp ngày càng tăng lên. Mạng lưới y tế huyện và cơ sở được củng cố, chuyển biến bước đầu trong phục vụ nhân dân. Việc thực hiện công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình được chỉ đạo tích cực nên đạt kết quả khá. Hệ thống thông tin cơ sở được đầu tư nên hoạt động truyền thanh cơ sở phát huy tốt. Phong trào văn nghệ quần chúng ngày càng phát triển rộng rãi. Việc chăm lo đời sống cho người được hưởng chính sách, người có công với cách mạng đã trở thành phong trào rộng khắp trong huyện.

Tuy nhiên, trong xây dựng nền văn hóa mới, con người mới phát triển còn chậm. Giáo dục pháp luật trong nhân dân chưa rộng khắp. Nội dung tuyên truyền trên hệ thống truyền thông cơ sở chưa phong phú; phim ảnh, báo chí còn thiếu. Trong y tế chưa làm tốt công tác phòng bệnh và chữa bệnh theo yêu cầu của nhân dân; chưa sử dụng phương pháp Đông - Tây y kết hợp trong chữa bệnh để đạt hiệu quả cao. Cơ sở vật chất của ngành giáo dục thiếu và xuống cấp.

Việc xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân có bước phát triển mới. Thế trận chiến tranh nhân dân gắn kinh tế với quốc phòng từng bước rõ nét hơn. Việc bảo vệ trật tự an toàn xã hội, trấn áp bọn phản động làm kiên quyết hơn. Luôn chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang địa phương. Việc tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, luật nghĩa vụ quân sự thực hiện thường xuyên. Từ đó, số thanh niên vi phạm luật nghĩa vụ quân sự giảm. Chính sách hậu phương quân đội ngày một tiến bộ. Lực lượng dân quân, tự vệ tại cơ sở tăng từ 6,3% lên 7,63% so với dân số. Mạng lưới an ninh nhân dân ở cơ sở đã tổ chức tốt, góp phần bảo vệ sản xuất, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ tài sản và tính mạng của nhân dân. Mặt yếu là công tác quản lý hộ khẩu còn lỏng lẻo.

Từ tháng 5/1983 Cơ quan Quân sự huyện có thay đổi. Đồng chí Trần Ngọc Hoàng làm Huyện đội trưởng, đồng chí Nguyễn Tấn Dân làm Chính trị viên thay cho đồng chí Nguyễn Thanh Đồng chuyển về huyện Tánh Linh; bổ sung hai đồng chí Phạm Cao Lương và Trần Văn Tuyết làm Huyện đội phó. Đến năm 1987, đồng chí chí Lê Văn Lào và đồng

chí Trần Ngọc Thành được bổ nhiệm làm Huyện đội phó thay cho đồng chí Phạm Cao Lương và đồng chí Trần Văn Tuyết nghỉ hưu.

Công tác xây dựng hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Công tác nâng cao chất lượng đảng viên đã được đặc biệt chú ý. Việc thực hiện tự phê bình và phê bình trong Đảng được chỉ đạo chặt chẽ, qua đó đánh giá phẩm chất năng lực và phân loại đảng viên, phân công, giao nhiệm vụ cho từng đảng viên hợp lý hơn.

Năm 1983, sau chia huyện, Đảng bộ huyện Đức Linh có 465 đảng viên, trong đó loại A có 163 đồng chí (35,05%). Đến năm 1985 có 593 đảng viên, loại A có 293 (49,4%) đồng chí. Như vậy, chất lượng đảng viên loại A tăng rõ rệt, loại C và B giảm.

Kết nạp đảng viên mới trong 3 năm được 134 đồng chí. Riêng năm 1985 có 22/35 cơ sở Đảng kết nạp được 53 đồng chí. Số đảng viên mới kết nạp hầu hết là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, ở các xã. Đảng viên được kết nạp đều trưởng thành từ phong trào, có đạo đức và lối sống lành mạnh, có triển vọng phát triển, là những nhân tố tích cực tăng thêm sức mạnh cho Đảng bộ.

Việc xử lý kỷ luật đảng viên, ba năm đã thi hành kỷ luật 77 đồng chí⁽¹⁾. Những sai phạm hầu hết là do ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm, nhiều đồng chí vi phạm nguyên tắc về quản lý kinh tế, một số đồng chí không hoàn thành nhiệm vụ công tác được giao. Các vụ kỷ luật được xử lý nghiêm minh, đã có tác dụng tốt, góp phần tích cực xây dựng đội ngũ đảng viên ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Xây dựng Đảng ở cơ sở đã gắn liền với nâng cao chất lượng, hiệu quả của cơ chế: Đảng lãnh đạo nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý. Ở cơ sở đã củng cố chi ủy, chi bộ và đi sâu củng cố hội đồng nhân dân- ủy ban nhân dân và các đoàn thể quần chúng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Qua đánh giá năm 1985 so với năm 1983, cơ sở Đảng yếu kém không còn, loại khá và vững mạnh tăng, đã khẳng định trên thực tế sự trưởng thành nhanh chóng và vững chắc của đảng bộ, tạo tiền đề trực tiếp để vươn lên mạnh hơn trong những năm tiếp theo.

(1) Trong đó khai trừ khỏi Đảng 20, lưu Đảng 13, cách chức 3 và 31 đồng chí khác khiển trách và cảnh cáo.

Về công tác cán bộ, đã sắp xếp số hiện có, bố trí lại, đáp ứng được nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội. Đề bạt, bổ sung 122 cán bộ chủ chốt từ hợp tác xã, xã đến các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện, trong đó đa số là cán bộ trẻ, có phẩm chất và năng lực, nhiều đồng chí hăng hái học tập và làm việc tích cực, có khả năng phát triển. Việc nâng cao trình độ cho cán bộ, đảng viên về lý luận Mác - Lênin, 3 năm đào tạo 47 đồng chí (cao cấp 4, trung cấp 20, sơ cấp 23). Bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế 30 đồng chí (có 18 đồng chí quản lý chuyên ngành); 60% cán bộ hợp tác xã được bồi dưỡng quản lý kinh tế nông nghiệp và học bổ túc văn hóa cho 124 đồng chí (cấp II: 54, cấp III: 70). Đội ngũ cán bộ được đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng trong nhiệm kỳ Đại hội II nói chung đúng hướng, phát huy tác dụng tốt. Nhiều đồng chí trình độ văn hóa, lý luận, chuyên môn nghiệp vụ được nâng lên, tạo cơ sở nhận thức và làm việc theo yêu cầu nhiệm vụ mới. Cơ cấu đội ngũ cán bộ theo hướng trẻ hóa, bước đầu có tính kế thừa, liên tục.

Trong công tác xây dựng chính quyền, thông qua bầu cử Hội đồng Nhân dân hai cấp khóa III (1982-1985), các cấp ủy đã phân công nhiều đồng chí có phẩm chất và năng lực đảm đương nhiệm vụ chính

quyền, tăng cường bổ sung cả số lượng và chất lượng cho Hội đồng và Ủy ban Nhân dân huyện, xã. 21 phòng ban cấp huyện và các cơ quan chức năng của chính quyền cơ sở cũng được sắp xếp lại theo Nghị định 86 của Hội đồng Bộ trưởng và Chỉ thị 67 của Thường vụ Tỉnh ủy về tinh gọn bộ máy, đáp ứng nhiệm vụ mới. Đồng thời, tiếp nhận 8 cơ sở quốc doanh tỉnh phân cấp, đã tạo điều kiện nâng chất lượng hoạt động, hiệu lực quản lý của các cấp chính quyền. Việc cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng thành chương trình hành động cụ thể và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Quản lý kinh tế - xã hội ngày càng đi vào chiều sâu, lấy kế hoạch làm trung tâm gắn với hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Từng thời điểm đã tập trung giải quyết những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm. Sử dụng lực lượng tổng hợp phát động từng chiến dịch, tạo thành phong trào cách mạng của quần chúng, do đó đã góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của đại hội đề ra.

Tuy nhiên, các cơ quan hành chính và dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống chưa bám sát hoạt động của cơ sở. Năng lực quản lý, điều hành của bộ máy nói chung chưa đều, chưa đáp ứng yêu cầu của cơ chế quản lý mới. Vai trò, chức năng của Hội đồng Nhân dân các cấp tuy có khá hơn nhưng chưa đều,

quyền làm chủ của quần chúng chưa được phát huy đúng mức. Sử dụng các công cụ chuyên chính trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội chưa mạnh, đôi khi còn hữu khuynh trước những tiêu cực.

Xây dựng các đoàn thể quần chúng được Đảng bộ củng cố theo tinh thần Chỉ thị 53 của Trung ương, đã tăng cường bổ sung thêm lực lượng cốt cán, kết nạp thêm hàng ngàn hội viên, đoàn viên mới, đưa hoạt động đi vào những chủ đề công tác cụ thể, thiết thực, chất lượng hoạt động có tiến bộ, các phong trào cách mạng của quần chúng mở rộng, mạnh hơn trước.

Mặt trận Tổ quốc đã phát động các hội viên và các tổ chức thành viên tham gia mua công trái, gởi tiền tiết kiệm, huy động vốn tín dụng, xây dựng hội bảo thọ và triển khai công tác mặt trận xuống các địa bàn dân cư. Tuy vậy, nhiệm vụ phối kết hợp giữa các ngành và đoàn thể tập hợp và vận động quần chúng cùng thực hiện các mục tiêu công tác chưa thường xuyên.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có tiến bộ trong tập hợp và vận động lực lượng thanh niên thi hành luật nghĩa vụ quân sự, đảm nhận một số công trình như làm đường giao thông, thủy lợi, phát động phong trào trồng cây... Công tác ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất còn chậm, việc tập hợp,



Đại hội Đảng bộ huyện Đức Linh lần thứ V.

1870

1871

1872

1873

1874

1875

1876

1877

giáo dục thanh niên, thiếu niên, nhi đồng vào tổ chức đoàn, đội chưa mạnh. Vai trò xung kích của đoàn có lúc chưa thật sự nổi bật.

Hội Nông dân tập thể tích cực vận động nông dân vào hợp tác xã, giáo dục hội viên làm nông cốt trong lao động sản xuất tập thể và các mặt công tác khác, góp phần thực hiện chức năng giám sát, kiểm soát; tham gia chống tiêu cực trong quản lý và điều hành kinh tế tập thể. Tuy vậy, chưa làm tốt chức năng kiểm soát trong các hợp tác xã nông nghiệp. Hoạt động của tổ chức hội, nhất là ở chi hội và tiểu tổ không đều, chưa thường xuyên gắn chặt các tổ chức tập thể với sản xuất và đời sống cấp thiết của hội viên và nhân dân.

Hội Phụ nữ đã vận động con em thi hành luật nghĩa vụ quân sự, giáo dục hội viên thực hiện chính sách hậu phương quân đội, động viên các chiến sĩ đang làm nhiệm vụ ở biên giới và nước bạn. Hội đã chăm lo quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em, đồng thời tích cực lao động sản xuất trong các hợp tác xã và chăn nuôi gia đình. Phong trào nuôi con khỏe dạy con ngoan ở nhà trẻ, mẫu giáo và thực hiện sinh đẻ có tiến bộ.

Tổ chức Công đoàn từng bước củng cố, kiện toàn tổ chức công đoàn bộ phận và công đoàn cơ sở;

tích cực tham gia các cuộc vận động mua công trái, gởi tiền tiết kiệm và kế hoạch hóa gia đình. Mặt yếu là hoạt động của công đoàn từ huyện đến cơ sở chưa đều, còn mang tính hình thức, chưa phát động phong trào công nhân viên tham gia tổ chức sắp xếp lại lao động, thực hiện rộng rãi chế độ khoán trong sản xuất. Nội dung và hình thức hoạt động của công đoàn trong các tổ chức kinh tế tập thể, sự quan hệ giữa công nhân và nông dân tập thể trong quá trình hoàn thiện quan hệ sản xuất không rõ.

Hội Chữ thập đỏ tuy mới được thành lập nhưng đã phát triển thêm tổ chức và hội viên ở cơ sở. Lực lượng hội viên tham gia hoạt động ngày một nhiều hơn. Hội tham gia vận động, xây dựng mạng lưới y học dân tộc và sử dụng thuốc nam ở một số nơi, v.v... Mặt yếu là chưa tích cực vận động quần chúng tham gia tổ chức từ thiện ở cơ sở. Chưa phối hợp tốt với y tế vận động quần chúng trồng, sử dụng thuốc nam để trị bệnh; chưa phổ cập rộng rãi những kiến thức cần thiết về chuyên môn kỹ thuật y tế, cấp cứu, v.v... cho hội viên và quần chúng.

Như vậy, từ năm 1983 đến năm 1986, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ III, Đảng bộ và nhân dân Đức Linh đã nỗ lực, cải tạo quan hệ sản

xuất cũ, tạo được những thắng lợi bước đầu trong xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa. Công tác xây dựng Đảng được đẩy mạnh, hệ thống chính trị được củng cố, công tác phát triển Đảng được chú ý và chất lượng đảng viên được nâng cao. Tổ chức Đảng được củng cố và xây dựng đều khắp trong các ban, ngành, đoàn thể, cơ quan cấp huyện cũng như ở các địa phương. Kinh tế phát triển nhiều mặt; trong đó, việc thực hiện Chỉ thị 100 của Đảng về khoán sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp đạt kết quả khá cả về diện tích và sản phẩm. Trên cơ sở đó tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất mới trong nông, công, lâm nghiệp; xác định vai trò kinh tế tập thể và kinh tế quốc doanh là chủ đạo. Đi đôi với sản xuất, hoạt động phân phối lưu thông từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống. Hoạt động văn hóa xã hội, y tế, giáo dục tiếp tục khẳng định tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường học tập. Chất lượng dạy và học ngày một nâng cao. Trong y tế đã vận dụng Đông - Tây y kết hợp khám chữa bệnh cho nhân dân. Phong trào xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa được phát động và đi vào chiều sâu. Qua cải tạo xã hội chủ nghĩa, bộ mặt xã hội nông thôn ở Đức Linh có nhiều thay đổi,

trụ sở, trường học, đường giao thông nông thôn, trạm y tế, cửa hàng mua bán, v.v... được xây dựng khắp nơi trong huyện, phục vụ tích cực cho phát triển sản xuất và đời sống nhân dân. Công tác an ninh, quốc phòng được giữ vững, bước đầu thực hiện chủ trương quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân trong tình hình mới.

Bên cạnh những thành tựu bước đầu, cũng còn một số khó khăn, thách thức. Trong lĩnh vực kinh tế-xã hội, yêu cầu phát triển rất lớn, nhưng chưa khai thác tốt tiềm năng, lợi thế vùng. Đời sống nhân dân phát triển chưa đều, một số nơi còn gặp khó khăn. Việc giải quyết chính sách xã hội và công ăn việc làm chưa thường xuyên. Mặt trận phân phối lưu thông mất ổn định kéo dài. Quản lý thương nghiệp xã hội chủ nghĩa còn yếu. Đội ngũ cán bộ có trưởng thành, nhưng còn yếu và thiếu, trình độ chưa theo kịp với tình hình. Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động chưa tốt, v.v...

Qua hơn 10 năm (1975-1986) xây dựng và bảo vệ thành quả cách mạng, Đảng bộ Đức Linh và nhân dân đã hoàn thành một giai đoạn cách mạng là khắc phục hậu quả chiến tranh, cải tạo quan hệ sản xuất cũ và bước đầu xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa.

Chương IV:

GIAI ĐOẠN ĐẦU THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986 - 1991)

Sau hơn 10 năm thực hiện chính sách cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa, huyện Đức Linh đã đạt được những thành quả về hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục sản xuất, các chính sách xã hội và bộ mặt nông thôn đã có nhiều thay đổi, công tác an ninh, quốc phòng được giữ vững; công tác xây dựng Đảng, chính quyền có nhiều tiến bộ. Tuy nhiên, tình hình quốc tế đã có những biến chuyển phức tạp, các nước xã hội chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng và tan rã, tạo ra cho Đảng và nhân dân ta những khó khăn và thách thức mới trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội theo cách làm cũ không còn phù hợp. Để đưa

đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế- xã hội, Đảng ta mở Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) nhằm đề ra đường lối đổi mới kinh tế- xã hội. Đổi mới từ nhận thức, đổi mới tư duy đến đổi mới kinh tế, xã hội và hệ thống quản lý xã hội.

Trong bối cảnh đó, được sự chấp thuận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải, Đại hội đại biểu Đảng bộ Đức Linh lần thứ IV đã được tổ chức từ ngày 15 đến ngày 19/9/1986. Đại hội đã đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ III (1983-1986) và ra nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu nhiệm kỳ 1986-1989; thảo luận dự thảo báo cáo Đại hội V của tỉnh và Đại hội VI của Đảng. Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ IV cũng tiến hành bầu Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới có 33 ủy viên chính thức và 7 ủy viên dự khuyết. Cuộc họp Ban Chấp hành ngày 20/9/1986 đã bầu 9 đồng chí vào Ban Thường vụ, gồm:

- 1- Đồng chí Nguyễn Quang Tường, Bí thư;
- 2- Đồng chí Nguyễn Hữu Tập, Phó Bí thư;
- 3- Đồng chí Phạm Văn Thứ, Ủy viên Thường vụ;
- 4- Đồng chí Phạm Tấn Ngân, Ủy viên Thường vụ;

5- Đồng chí Nguyễn Văn Ba, Ủy viên Thường vụ;

6- Đồng chí Cao Minh Tân, Ủy viên Thường vụ;

7- Đồng chí Đào Minh Phú, Ủy viên Thường vụ;

8- Đồng chí Trần Ngọc Hoàng, Ủy viên Thường vụ;

9- Đồng chí Đặng Cao Nhung, Ủy viên Thường vụ.

Sau Đại hội Đảng bộ huyện, từ ngày 13 đến ngày 18/10/1986, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV để thảo luận dự thảo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Đến cuối năm, từ ngày 15 đến 18/12/1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã diễn ra ở Hà Nội. Đại hội đã đề ra 3 chương trình kinh tế lớn về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Do đó, Đảng bộ huyện tiếp thu đường lối đổi mới của Đảng, điều chỉnh các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Đến ngày 17/5/1988, thực hiện Chỉ thị 37 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chỉ thị 43, ngày 5/8/1988 của Tỉnh ủy Thuận Hải về việc tiến

hành đại hội đảng 2 cấp cơ sở và huyện, thị. Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đức Linh lần thứ V đã diễn ra từ ngày 21 đến ngày 23/3/1989, có 120 đại biểu chính thức của 39 cơ sở Đảng trong huyện về dự đại hội ⁽¹⁾. Đại hội kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IV, đề ra phương hướng nhiệm kỳ V (1989-1991). Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa V có 28 đồng chí chính thức và 1 ủy viên dự khuyết, Ban Thường vụ có 9 đồng chí:

1- Đồng chí Nguyễn Quang Tường, Tỉnh ủy viên, Bí thư;

2- Đồng chí Đoàn Văn Sáu, Phó Bí thư; Chủ tịch UBND huyện

3- Đồng chí Hoàng Long, Phó Bí thư thường trực, Chủ tịch HĐND huyện;

4- Đồng chí Đỗ Văn Sách, Ủy viên Thường vụ;

5- Đồng chí Cao Minh Tân, Ủy viên Thường vụ;

(1) Từ năm 1977 đến 1985, các kỳ đại hội Đảng bộ tỉnh, huyện cũng như các chi, đảng bộ cơ sở nhiệm kỳ 2 năm rưỡi 1 lần. Từ năm 1986, các nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ các cấp là 5 năm 1 lần. Song, do mới triển khai Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, nên các đảng bộ huyện và cơ sở nhiệm kỳ Đại hội như trước đây. Từ năm 1991 trở đi thực hiện nhiệm kỳ 5 năm.

6- Đồng chí Đặng Cao Nhung, Ủy viên Thường vụ;

7- Đồng chí Nguyễn Hữu Chính, Ủy viên Thường vụ;

8- Đồng chí Ngô Kiên, Ủy viên Thường vụ;

9- Đồng chí Nguyễn Thị Trung, Ủy viên Thường vụ.

Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IV và Đại hội lần thứ V đã có những bước thay đổi trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng cũng như xây dựng chính đốn Đảng.

Trong nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện đã thực hiện nhiều chủ trương lớn của Đảng, của Tỉnh ủy. Trong kinh tế, tập trung thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn để huy động hết khả năng của sản xuất phục vụ phát triển xã hội, ổn định cuộc sống của nhân dân. Để tháo gỡ cho việc sản xuất nông nghiệp phát triển, ngày 5/4/1988, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết 10 về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp⁽¹⁾. Nghị quyết

(1) Ngày 5/4/1988, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, và ngày 20/10/1988, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 05-NQ/TU thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng.

xác định hợp tác xã là đơn vị kinh tế tự chủ, hộ gia đình xã viên nhận khoán với hợp tác xã, xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp, hạch toán tự chủ trong sản xuất, từ đó nhân dân phấn khởi làm chủ trong sản xuất; có quyền sử dụng đất lâu dài và đầu tư canh tác, nộp thuế cho Nhà nước. Trong thực hiện Nghị quyết 10 đã nảy sinh vấn đề tranh chấp ruộng đất do sự phân chia, quản lý các vùng khác nhau, nên ngày 31/8/1988, Bộ Chính trị ra Chỉ thị 47 để giải quyết một số vấn đề cấp bách về ruộng đất. Cùng với sản xuất nông nghiệp, tháng 4/1987, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần 2 (khóa 6) đã bàn đến những vấn đề cấp bách trong phân phối lưu thông, giá cả, tiền lương, phấn đấu 4 giảm: giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm lạm phát và giảm khó khăn về đời sống. Đồng thời, từ bỏ chế độ hai giá, thực hiện một giá, thống nhất thị trường, bỏ "ngăn sông cấm chợ". Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương khóa VI quyết định chuyển hướng hoạt động của các đơn vị công nghiệp quốc doanh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đến ngày 15/7/1988, Bộ Chính trị Trung ương Đảng có nghị quyết về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở



Cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp.

Handwritten text, likely bleed-through from the reverse side of the page. The text is extremely faint and illegible.

sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Khuyến khích các thành phần kinh tế đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và mọi người làm giàu, tăng thu nhập một cách hợp pháp, chính đáng. Đây là những chủ trương, biện pháp để đưa nước ta từ "bao cấp" sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa trong sản xuất và lưu thông.

Để thực hiện tốt công cuộc đổi mới, trước Đại hội VI của Đảng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng khóa V đã ra Nghị quyết số 34 về sắp xếp, kiện toàn bộ máy của Đảng, tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Đảng và chính quyền trong điều hành kinh tế- xã hội và tinh giản các cơ quan không cần thiết, giảm biên chế gián tiếp, tăng cường cán bộ cho cơ sở.

Thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, của Tỉnh ủy trong thời kỳ đầu đổi mới đã đưa đến điều kiện phát triển của địa phương. Cho nên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ huyện trong hai nhiệm kỳ Đại hội lần 4 và 5 về kinh tế- xã hội, quốc phòng- an ninh, hoạt động của Nhà nước và các đoàn thể cũng như công tác xây dựng Đảng đạt một số kết quả tiến bộ.

Về kinh tế, thực hiện cơ chế quản lý mới và triển khai thực hiện các chính sách lưu thông vật tư hàng hóa, bước đầu tạo được động lực kinh tế, thúc đẩy sản xuất phát triển, đem lại một số kết quả rõ rệt. Đối với các hợp tác xã nông nghiệp, huyện thực hiện khoán hộ theo cơ chế Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, giao đất cho từng hộ xã viên thực hiện các khâu sản xuất, bước đầu nhân dân rất phấn khởi. Với nỗ lực của từng gia đình, triển khai sản xuất theo khả năng, từ đó các diện tích sản xuất thời "bao cấp" bị bỏ hoang nay được khai thác đưa vào sản xuất. Do đó, diện tích canh tác được mở rộng thêm 4.603 ha (trong đó, 693 ha đào, 952 ha lúa); đưa 178 ha lúa từ 1 vụ lên 2 vụ; 300 ha từ 2 vụ lên 3 vụ năm. Năng suất tăng từ 27 tạ/ha năm 1988 lên 30 tạ/ha năm 1990. Vụ đông xuân, hè thu năm 1991, một số địa phương đạt năng suất 15-50 tạ/ha. Vùng lúa chuyên canh cao sản sản lượng hàng năm đạt 5.000 tấn. Một số hộ nông dân thu hàng năm từ 5-10 tấn lúa, có hộ thu 20 tấn. Đi đôi với cây lúa, Huyện ủy chủ trương đẩy mạnh phát triển trồng cây màu, chủ yếu xen canh trên diện tích cây dài ngày chưa khép tán và đất phục hóa, sản lượng bình quân mỗi năm đạt 6.725 tấn. Mặc dù, 2 năm 1989, 1990 liên tục bị thiên tai, thiệt hại 2.300 tấn lương thực (qui thóc),

nhưng sản lượng lương thực bình quân mỗi năm 31.745 tấn, đạt 93,7% so với mục tiêu đại hội đề ra, tăng 2,7% so với thời kỳ 1986; năm 1988, bình quân lương thực 354kg/người. Giải quyết cơ bản nhu cầu tiêu dùng lương thực cho nhân dân và chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Cây thực phẩm, bao gồm rau và đậu các loại trước đây chủ yếu gia đình trồng để sử dụng và một số người trồng nhiều bán cho một số người buôn bán nên chưa hình thành sản phẩm phát triển. Từ khi chuyển đổi sang kinh tế hàng hóa, nhiều loại cây thực phẩm được chú ý phát triển phục vụ cho dân sinh. Các địa phương phát triển trồng cây thực phẩm khá, như ở các xã, thị trấn Đức Chính, Đức Tài, Đức Hạnh, Tân Hà, Trà Tân, sản lượng hàng năm đạt trên 10.000 tấn. Nhờ đó, đã cung cấp nguồn thực phẩm hàng hóa phong phú cho thị trường trong huyện. Cây công nghiệp tăng 1.103 ha, chủ yếu hộ gia đình hợp đồng đầu tư lập vườn theo định hướng của huyện, mở ra những vùng chuyên canh cây cao su, đào, tiêu và một số cây trồng mới, như mía, thuốc lá, dâu tằm. Giá trị tổng sản lượng đạt được trong 2 năm là 10,6 tỉ đồng. Trong đó, Công ty Cao su tỉnh thành lập ngày 6/8/1984 đến năm 1987, trồng được khoảng 600 ha.

Cũng từ sau khi thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển khá, chủ yếu chăn nuôi gia đình. Đàn heo năm 1985 là 8.059 con, đến năm 1990 tăng 12.392 con, đạt 102% chỉ tiêu đại hội đề ra; đàn trâu tăng 359 con (tăng 9%); đàn bò năm 1985 là 445 con, đến năm 1990 là 1.592 con. Một số hộ gia đình đã đầu tư vốn nuôi heo đàn, vịt đàn, có thu nhập khá.

Những chuyển biến tiến bộ trên, gắn liền với chuyển hướng tích cực trong cơ cấu đầu tư. Trên 60% vốn đầu tư của huyện đã tập trung vào kinh tế, cải tạo đồng ruộng, gia cố hệ thống đê bao và các công trình thủy lợi, làm giao thông nội đồng, xây dựng mới một số công trình thủy lợi: đập Chu Lu (Sùng Nhơn), đập K'Ho và đầu tư phát triển sản xuất, chăn nuôi của các hộ gia đình.

Tuy nhiên, trong nông nghiệp còn phát triển chậm, năng suất và sản lượng tăng không đáng kể, xác định các loại cây con chưa ổn định, định hướng lâu dài và chuyển đổi chậm; đầu tư chỉ đạo ứng dụng khoa học- kỹ thuật vào sản xuất chưa nhiều; cơ sở dịch vụ bảo vệ thực vật chưa tốt. Huyện chưa triển khai cụ thể để khuyến khích nông dân đầu tư phát triển sản xuất. Chưa chủ động các biện pháp

phòng ngừa, hạn chế thiệt hại do thiên tai và dịch bệnh hàng năm xảy ra. Các loại cây dài ngày có giá trị kinh tế, sản lượng đạt thấp.

Trong lâm nghiệp, đã trồng được 50 ha rừng tập trung một triệu cây phân tán, đạt 100% mục tiêu do Đại hội Đảng bộ huyện đề ra. Khai thác và tận dụng được 13.390m³ gỗ và 20.000 ste củi, nhưng kết quả về khai thác và trồng rừng của ngành lâm nghiệp đem lại còn thấp so với tiềm năng của huyện. Việc chế biến lâm sản và chăm sóc, bảo vệ rừng chưa tốt, rừng vẫn bị tàn phá nghiêm trọng.

Về tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp, thực hiện Nghị quyết 3 và Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị, Huyện ủy chủ trương củng cố, sắp xếp lại công nghiệp quốc doanh, khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh phát triển sản xuất hàng hóa. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp bước đầu phát triển. Giá trị sản lượng toàn ngành đạt 2,9 tỉ đồng, trong đó tiểu thủ công nghiệp ngoài quốc doanh chiếm 82,7%. Có một số mặt hàng chất lượng khá, cạnh tranh được thị trường ngoài huyện như gạch, ngói, mộc dân dụng. Một số gia đình đã bỏ vốn đầu tư từ 10 - 20 triệu đồng (tính theo thời giá hiện tại) để mua sắm máy móc, xây dựng cơ sở sản

xuất. Tuy vậy, tốc độ phát triển chậm. Công nghiệp quốc doanh hiệu quả đạt thấp, nhiều cơ sở thua lỗ lớn. Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp mở ra chưa nhiều, năng lực sản xuất nhỏ, thiếu các cơ sở chế biến nông sản.

Lưu thông vật tư hàng hóa, thị trường hàng hóa thời kỳ đổi mới trong huyện đa dạng và phong phú hơn. Số lượng hàng hóa lưu thông ước tính 21 tỉ 720 triệu đồng, trong đó ngoài quốc doanh chiếm 97%, kể cả mua và bán lẻ. Giá cả thị trường tương đối ổn định, nhất là giá lương thực, thực phẩm. Thương nghiệp quốc doanh được củng cố lại, làm chủ được một số mặt hàng thiết yếu, vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Trong cơ chế mới, hệ thống hợp tác xã mua bán từ huyện xuống cơ sở về cơ bản không còn hoạt động. Quản lý thị trường tự do chưa chặt chẽ, còn để tình trạng trốn lậu thuế và kinh doanh buôn bán hàng giả.

Thu tài chính là một trong những nhiệm vụ khó khăn phức tạp trong thời kỳ chuyển sang hạch toán trong sản xuất. Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo thường xuyên, bằng nhiều biện pháp tích cực. Từ đó, thu ngân sách đã bảo đảm chi lương và hoạt động của bộ máy, dành một phần ngân sách trợ cấp các đối tượng chính sách xã hội, đầu tư xây dựng cơ

bản. Tuy vậy, nguồn thu trong kinh tế quốc doanh và tập thể đạt thấp, nguồn thu ngoài quốc doanh thất thu còn lớn, nên ảnh hưởng đến thu - chi ngân sách địa phương.

Ngành ngân hàng từ khi chuyển sang kinh doanh đã huy động các nguồn, trong đó có tiền tiết kiệm của nhân dân để cho vay bước đầu tác động tích cực trong sản xuất và lưu thông. Do công tác quản lý tiền mặt còn buông lỏng nên chưa đáp ứng kịp thời cho sản xuất, lưu thông.

Về xây dựng cơ bản, đã tích cực huy động các nguồn vốn, đầu tư xây dựng cơ bản 4.322 triệu đồng, trong đó, đầu tư kiến thiết kinh tế 2.687 triệu và xây dựng các công trình phúc lợi xã hội; 90% công trình đã đưa vào sử dụng, tạo được bộ mặt mới từ trung tâm huyện đến cơ sở; tăng thêm năng lực mới, tạo điều kiện phát triển kinh tế. Trong đó, năm 1988, huyện triển khai kéo điện quốc gia từ Ngã ba Ông Đồn về huyện. Nhưng, điện lưới mới bắc theo trục giao thông chính về một số cơ quan huyện và các xã trên đường điện lưới đi qua. Tuy vậy, trong xây dựng cơ bản chưa phát huy hết hiệu quả sử dụng một số công trình. Chất lượng xây dựng một số công trình chưa bảo đảm kỹ thuật, xuống cấp nhanh.

Giao thông đường bộ từ xã Đa Kai đi xã Trà Tân hằng năm được củng cố và tu bổ thêm; một số địa phương như các xã Võ Xu, Đức Chính, Mê Pu làm đường giao thông các thôn đạt kết quả tốt. Phương tiện ô tô, máy kéo dùng vận chuyển hàng hóa, chuyên chở khách, kể cả các đơn vị quốc doanh và ngoài quốc doanh tương đối nhiều (ngoài quốc doanh chiếm 70%), đã tạo điều kiện thuận lợi phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Từ khi có chủ trương mở rộng sản xuất trong các ngành nghề, trong đó có phương tiện phục vụ giao thông, bên cạnh các phương tiện của hợp tác xã vận tải, công ty ô tô địa phương, nhiều gia đình bắt đầu mua sắm phương tiện này phục vụ gia đình và xã hội. Tuy vậy, vẫn còn tình trạng ách tắc giao thông, nhất là vào mùa mưa.

Ngành bưu điện bảo đảm được hệ thống thông tin liên lạc phục vụ yêu cầu lãnh đạo trên địa bàn huyện và các nhu cầu khác của nhân dân. Trong đó, điện thoại hữu tuyến đã đến các xã và các cơ sở công cộng. Hệ thống thông tin liên lạc từ huyện xuống một số cơ sở còn trở ngại cho công tác lãnh đạo ở địa phương.

Về đổi mới cơ chế quản lý, đã nhận thức rõ hơn chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế và quyền tự

chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, hoạt động theo cơ chế thị trường. Huyện đã củng cố sắp xếp còn lại 7/14 đơn vị kinh tế quốc doanh, củng cố 33 đơn vị kinh tế tập thể chuyển hướng đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp; có 8 đơn vị mở ra dịch vụ và điều hành sản xuất theo cơ chế mới, bước đầu phát huy hiệu quả. Kinh tế ngoài quốc doanh có chiều hướng phát triển khá. Kinh tế hộ gia đình bước đầu phát triển. Đây là những bước chuyển đổi có hướng phát triển. Tuy nhiên, quá trình quản lý và điều hành theo cơ chế mới còn thiếu kinh nghiệm, thiếu các biện pháp cụ thể về quản lý nền kinh tế hàng hóa, nhiều thành phần theo cơ chế thị trường. Nhận thức Nghị quyết 3 của Bộ Chính trị và Quyết định 217 của Hội đồng Bộ trưởng, Nghị quyết 6 của Tỉnh ủy về đổi mới cơ chế quản lý trên lĩnh vực quốc doanh chưa đầy đủ dẫn đến đề cao quá mức quyền tự chủ sản xuất kinh doanh theo khả năng của các đơn vị kinh tế quốc doanh. Từ đó, các cơ quan chuyên môn chưa giám sát đầy đủ các hoạt động kinh doanh, tài chính của các đơn vị kinh tế, nên còn phát sinh tiêu cực, thất thoát vốn và tài sản của Nhà nước, nhiều cơ sở thua lỗ kéo dài. Chưa kiên quyết xử lý dứt điểm nợ tồn đọng và thiếu sót trong các

đơn vị kinh tế quốc doanh. Việc quản lý các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh chưa chặt chẽ, sản phẩm hàng hóa bị thất thoát lớn, để thất thu thuế cho ngân sách.

Về xã hội, trong điều kiện nền kinh tế của huyện còn khó khăn, lại chưa có nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy về chính sách xã hội trong tình hình mới, ngoài việc thực hiện các chính sách trước đây trong công tác xã hội, Huyện ủy đã chủ động định hướng một số biện pháp cụ thể, như hỗ trợ thêm cho một số hộ chính sách gặp khó khăn. Đồng thời, huy động một số hội, đoàn thể quần chúng vào công tác đền ơn đáp nghĩa, mở rộng các loại hình hoạt động trong văn hóa. Do đó, về mặt hoạt động xã hội ở huyện có một số kết quả tốt.

Đời sống nhân dân trong huyện cơ bản đã có đủ lương thực, hàng hóa tiêu dùng. Nhà ở xây dựng kiên cố tăng 35%, trong đó, có một số hộ xây dựng dựng nhà kiên cố. Các phương tiện đi lại, tiện nghi sinh hoạt trong gia đình tăng đáng kể. Hàng hóa trên thị trường khá phong phú, mua bán thuận tiện hơn.

Thu nhập bình quân một hộ năm 1988 là 1,525 triệu đồng, đến năm 1990 tăng lên 2,259 triệu đồng, một số hộ có điều kiện trong sản xuất, kinh doanh



Đại hội Đảng bộ huyện Đức Linh lần thứ VI.

1900

1900

1900

1900

1900

1900

1900

1900

1900

1900

1900

1900

1900

1900

1900

1900

1900

1900

thu nhập khá hơn, từ 10 đến 15 triệu đồng. So với trước năm 1985, mức thu nhập của các hộ gia đình đã khá hơn. Từ đó, nhân dân có cuộc sống tương đối ổn định, một bộ phận dân cư được cải thiện rõ. Tuy vậy, trong huyện còn 3 đến 5% hộ nông dân thiếu, đói. Trong số hộ thiếu đói có một bộ phận nhân dân kinh tế mới Nam Chính, Tân Hà; các gia đình từ các nơi tự do đến sinh sống và số đông đồng bào dân tộc Mê Pu, Đức Hạnh, Trà Tân. Ngoài ra, cán bộ, công nhân viên khu vực hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang, đối tượng hưởng chính sách xã hội cũng gặp khó khăn.

Trong việc chăm lo sức khỏe của nhân dân, huyện đã đầu tư 400 triệu đồng xây dựng mới một số cơ sở y tế trong huyện. Chất lượng khám và điều trị bệnh có những mặt tiến bộ, một số ca phức tạp được xử lý thành công ở tuyến huyện nên giảm đáng kể việc chuyển lên tuyến trên. Đầu tư, tập trung đưa y tế vào hoạt động các chương trình; thực hiện 6 chương trình y tế quốc gia. Quản lý các cơ sở y tế tư nhân khám, chữa bệnh, buôn bán thuốc chữa bệnh từng bước ổn định. Tuy nhiên, việc thực hiện phong trào kế hoạch hoá gia đình còn nhiều hạn chế, tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên hàng năm còn cao (2,6%)

Về giáo dục, huyện đã đầu tư ngân sách và huy động nhân dân đóng góp trên 550 triệu đồng để chống các phòng học xuống cấp, xây dựng thêm phòng học, bổ sung trang thiết bị. Toàn huyện vẫn duy trì được số lượng học sinh vào học hàng năm, đạt tỉ lệ 4,5 người có một người đi học, đạt 90% mục tiêu do Đại hội Đảng bộ huyện đề ra. Chất lượng dạy và học có tiến bộ. Khó khăn là nhiều trường học đã xuống cấp, tỉ lệ học sinh trong độ tuổi đến lớp đạt thấp, tỷ lệ bỏ học hàng năm đến 10%.

Công tác chăm lo các gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình có công với cách mạng, đồng bào dân tộc và các đối tượng chính sách khác có những mặt tiến bộ hơn. Từ năm 1987 đến năm 1991, huyện xây dựng được 15 ngôi nhà tình nghĩa hỗ trợ các gia đình liệt sĩ, thương binh, trị giá 60 triệu đồng.

Văn hóa - thông tin, thể dục thể thao đạt được một số tiến bộ trong hoạt động thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Một số phong trào văn nghệ quần chúng, thể dục thể thao ở cơ sở phát triển khá. Đời sống văn hóa ở cơ sở trên một số mặt chuyển biến tiến bộ. Bên cạnh những mặt làm được, thì nội dung và hình thức thông tin

tuyên truyền hiệu quả đạt thấp. Cơ sở vật chất văn hóa trong huyện còn thiếu thốn. Quản lý văn hóa phẩm chưa chặt chẽ. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao ở cơ sở chưa phát triển rộng.

Về công tác quốc phòng và an ninh, huyện đã thường xuyên tổ chức giáo dục tư tưởng, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ, củng cố và xây dựng lực lượng công an và quân sự. Mặt khác, huyện xây dựng và chỉ đạo diễn tập phương án phòng thủ và chống bạo loạn trong tình hình mới. Thực hiện Chỉ thị 135 của Hội đồng Bộ trưởng, huyện đã triển khai nhiều cao điểm trấn áp tội phạm và tiêu cực xã hội ở địa phương thu được một số kết quả⁽¹⁾. Tình hình an ninh chính trị được giữ vững và ổn định. Chỉ tiêu giao quân hàng năm đạt khá; công tác hậu phương quân đội có mặt tiến bộ rõ rệt. Tuy nhiên, an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội phát sinh những diễn biến phức tạp, trong khi đó ta chưa thường xuyên trấn áp tội phạm.

(1) Trước tình hình trật tự, an toàn xã hội diễn biến phức tạp, để tăng cường công tác bảo vệ trật tự an toàn xã hội, ngày 14/5/1989, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ra Chỉ thị số 135/HĐBT về "Tăng cường công tác bảo vệ trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới".

Thực hiện Chỉ thị 55/BBT của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Nghị quyết 29/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đối với các cơ quan có từ 15 đến 20% cán bộ và các xã thành lập từ 1 đến 2 trung đội cơ động. Trong quá trình thực hiện, các cơ quan huyện, các xã đều tập hợp những công dân trong độ tuổi tham gia lực lượng dân quân tự vệ. Xã có dân cư nhiều, thành lập 2 trung đội, xã ít thành lập 1 trung đội làm nhiệm vụ bảo vệ địa phương. Tuy nhiên, lực lượng dân quân tự vệ trình độ chuyên môn còn yếu; chưa tập hợp được thực lực lực lượng dự bị động viên. Bên cạnh đó, còn một số ít cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang phẩm chất, lối sống chưa tốt, làm cho quần chúng thiếu tin tưởng. Phương án phòng thủ, chống bạo loạn chưa được củng cố, bổ sung thường xuyên và xây dựng kế hoạch cụ thể.

Các ngành trong khối nội chính đã có nhiều cố gắng tập trung giải quyết một số vụ tồn đọng, phát sinh tiêu cực trong các ngành, đơn vị kinh tế và ngoài xã hội, góp phần tích cực bảo vệ luật pháp ở địa phương.

Về hoạt động của các cơ quan Nhà nước, Hội đồng Nhân dân 2 cấp có những mặt tiến bộ về

tổ chức và hoạt động. Thực hiện Luật tổ chức HĐND và Ủy ban Nhân dân (1989), các kỳ họp hội đồng nhân dân đã đề ra được chương trình công tác và quyết định những nhiệm vụ chủ yếu ở địa phương⁽¹⁾.

Công tác điều hành và quản lý Nhà nước bằng pháp luật của Ủy ban Nhân dân hai cấp trên một số mặt có tiến bộ hơn. Đã tập trung chỉ đạo, đem lại những kết quả cụ thể trên lĩnh vực kinh tế - xã hội. Sự phân định ranh giới về quản lý hành chính và kinh tế từng bước thể hiện rõ nét trong cơ chế mới. Song, hoạt động của các cơ quan Nhà nước còn nhiều nhược điểm. Bộ máy công kênh, hiệu quả thấp, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm thực tiễn của một số cán bộ, viên chức Nhà nước còn hạn chế nhiều mặt. Một số chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Huyện ủy, chính quyền cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chậm. Luật pháp Nhà nước có nơi chưa được thực hiện nghiêm minh ở địa phương.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các hội, đoàn thể chính trị và các hội quần chúng đã có nhiều cố gắng

(1) Trước năm 1989, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp chủ trì các kỳ họp HĐND các cấp. Từ năm 1989, theo Luật Hội đồng Nhân dân sửa đổi, Hội đồng Nhân dân các cấp do Thường trực và các Ban Hội đồng điều hành các công tác Hội đồng.

kết hợp cùng Nhà nước triển khai một số nhiệm vụ cụ thể; củng cố tổ chức và phát triển hội viên ở cơ sở. Một số nội dung hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ bước đầu đem lại hiệu quả thiết thực. Hội Phụ nữ tham gia tích cực vào phong trào 3 chương trình kinh tế lớn của Đảng: lương thực, thực phẩm và hàng xuất khẩu đã có kết quả khá ở các địa phương. Riêng cây điều và cây tiêu có kết quả phục vụ cho xuất khẩu, cũng là loại cây chủ lực của tỉnh. Phong trào "Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình" được phát động, nhiều chị em hưởng ứng. Tiêu biểu trong huyện có chị em ở xã Nam Chính, Đức Chính tham gia các phong trào sôi nổi và có hiệu quả thiết thực. Hội Nông dân đẩy mạnh tuyên truyền các Nghị quyết 10, Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết 5 của Tỉnh ủy về pháp lệnh thuế nông nghiệp, về đổi mới quản lý kinh tế trong nông nghiệp được đông đảo hội viên hưởng ứng. Phong trào công nhân viên chức xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, của Chính phủ góp phần vào sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền địa phương ngày càng tốt hơn. Riêng Hội Cựu chiến binh huyện được thành lập vào tháng 3/1990, có 222

hội viên đều là sĩ quan, phần nhiều đã trải qua 2 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cứu nước.

Như vậy, từ năm 1986 đến năm 1991, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện đã thể hiện vai trò của mình trong xã hội, thông qua việc thực hiện 3 chức năng giáo dục chính trị tư tưởng, phối hợp thống nhất hành động và phản ánh tâm tư nguyện vọng của quần chúng với lãnh đạo Đảng. Tuy nhiên, các hội quần chúng nhân dân trong hoạt động còn lúng túng về nội dung, phương thức hoạt động và củng cố tổ chức phát triển hội viên ở cơ sở. Chậm đổi mới phong cách làm việc, nặng hành chính hóa, phương tiện và điều kiện làm việc còn thiếu và chưa ổn định; đội ngũ làm công tác đoàn thể chưa được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác dân vận.

Về công tác xây dựng Đảng, thực hiện nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV, thứ V đề ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước diễn biến phức tạp, tác động đến đội ngũ cán bộ đảng viên trong huyện. Để ổn định tình hình, huyện thực hiện các Nghị quyết 6,7,8 Ban Chấp hành Trung ương, các Nghị quyết của Tỉnh ủy, bước đầu đã quan tâm công tác xây dựng Đảng, nhiều mặt tiến bộ hơn trước, các hoạt động của các cơ quan tham mưu đã có nhiều cố

gắng. Đào tạo và phát triển đảng viên mới; thực hiện chính sách cán bộ có nhiều tiến bộ. Đến năm 1991, toàn huyện có 789 đảng viên: trong đó nữ 118 đồng chí (15%), khối xã 545 đồng chí (69%), khối cơ quan, đoàn thể 248 đồng chí (30,9%), sinh hoạt trong 39 cơ sở Đảng.

Trên lĩnh vực công tác tư tưởng, chú trọng bồi dưỡng những quan điểm, chủ trương của Đảng cho đảng viên và quần chúng cốt cán và một bộ phận quần chúng ở cơ sở, tạo được sự đồng tình, nhất trí với đường lối quan điểm của Đảng. Đồng thời, đã quan tâm hơn giáo dục, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống cho đội ngũ cán bộ, đảng viên thông qua các ngày kỷ niệm lớn và các đợt sinh hoạt củng cố, xây dựng Đảng. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên giữ được phẩm chất chính trị vững vàng, ít có những biểu hiện sai trái trước những biến động phức tạp của tình hình. Cuộc sống hiện tại mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng số đông cán bộ, đảng viên giữ được lối sống trong sạch, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ. Riêng năm 1990, kết quả phân loại đảng viên đủ tư cách đạt 94,3%. Tổ chức cơ sở Đảng mạnh và khá có 31/39 cơ sở và 59 quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

Về công tác tổ chức và cán bộ, đã củng cố và sắp xếp lại một số đơn vị kinh tế, phòng ban chuyên môn và tổ chức cơ sở Đảng. Điều chỉnh, thay đổi một số cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý theo yêu cầu trẻ hóa đội ngũ, trình độ văn hóa, lý luận chính trị, nghiệp vụ được nâng lên. Công tác cán bộ đã được cải tiến theo hướng dân chủ tập thể. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được chú ý hơn. Bồi dưỡng quần chúng ưu tú để kết nạp Đảng, đưa cán bộ đi học các trường Đảng trung cao cấp. Thực hiện chính sách đối với cán bộ có mặt tiến bộ hơn.

Việc kiểm tra, xem xét, xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm khuyết điểm được thực hiện kịp thời hơn trước, góp phần chống tiêu cực nội bộ, củng cố đội ngũ. Riêng trong nhiệm kỳ Đại hội lần thứ V của Đảng bộ đã xóa tên và xử lý kỷ luật 56 đồng chí, trong đó khiển trách 15, cảnh cáo 14, cách chức 5, khai trừ 5, xóa tên 17. Phong cách lãnh đạo và lề lối làm việc của các cấp ủy Đảng có những mặt chuyển biến tiến bộ, từng bước khắc phục được hiện tượng ôm đờm, bao biện làm thay như trước đây.

Tuy vậy, công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ lần thứ IV và V chuyển biến chậm, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa chuyển biến kịp theo yêu cầu

đổi mới và nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Kiến thức và năng lực tiếp thu những quan điểm, chủ trương lớn của Đảng vận dụng vào điều kiện cụ thể ở địa phương còn nhiều mặt hạn chế. Một số cơ sở Đảng yếu kéo dài, chậm được củng cố khắc phục. Mặc dù đã tiến hành qua nhiều đợt củng cố, từng bước làm trong sạch trong tổ chức Đảng, nhưng chất lượng đảng viên còn chuyển biến chậm; một số ít cán bộ, đảng viên lợi dụng chức quyền, lợi dụng đổi mới, làm giàu bất chính. Một số đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu và công tác, ít chịu học tập nghị quyết của Đảng, sinh hoạt (kể cả sinh hoạt chi bộ Đảng), tư tưởng bảo thủ, chủ quan không chịu đổi mới. Vẫn còn tình trạng mất đoàn kết nội bộ ở một vài tổ chức cơ sở Đảng. Một số cấp ủy Đảng địa phương còn bao biện làm thay công việc chính quyền. Một số cấp ủy Đảng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh có biểu hiện buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng, chậm được khắc phục. Công tác tư tưởng chưa được coi trọng, tiến hành thường xuyên, công tác tổ chức và cán bộ chưa chủ động quy hoạch đội ngũ cán bộ kế cận. Xử lý cán bộ vi phạm khuyết điểm còn một vài trường hợp chưa kịp thời. Thực hiện Nghị quyết 8B của Trung ương về công tác vận động quần chúng của Đảng trong tình hình mới còn chuyển biến chậm.

Nhìn lại trong giai đoạn đầu thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng (1986-1991), tình hình chính trị ở địa phương cơ bản giữ được sự ổn định. Về mặt xã hội không để xảy ra những diễn biến xấu, phức tạp trên các lĩnh vực về tranh chấp ruộng đất, tài sản, lĩnh vực tôn giáo. Sản xuất bước đầu phát triển, rõ nhất là trên lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lưu thông vật tư hàng hóa, thu hút khá lớn lực lượng lao động trong xã hội, tạo thêm việc làm ở nông thôn. Ngân sách tuy hạn hẹp nhưng đã đầu tư xây dựng được một số cơ sở vật chất: thủy lợi, đường giao thông; xây dựng một số cơ sở phúc lợi phục vụ sản xuất và đời sống. Đời sống nhân dân tương đối ổn định, một bộ phận được cải thiện rõ rệt. An ninh quốc phòng cơ bản được giữ vững. Xây dựng được phương án phòng thủ, chống bạo loạn và tổ chức diễn tập ở địa phương. Giao quân hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu trên giao. Công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, các đoàn thể nhân dân đạt được một số tiến bộ về xây dựng bộ máy và lề lối làm việc, nội bộ đoàn kết, đều tay hơn trước.

Những kết quả đạt được trong giai đoạn đầu đổi mới của huyện đã khẳng định Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đề ra và các nghị quyết triển khai của

Tỉnh ủy là đúng đắn. Các nghị quyết của Huyện ủy định hướng và giải pháp thực hiện là phù hợp tình hình thực tế ở địa phương. Trải qua các đợt củng cố xây dựng Đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên đã được nâng lên một bước, quan điểm chính trị vững vàng hơn. Các chính sách kinh tế- xã hội đã tạo được động lực kinh tế, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Tự lực và sáng tạo, vượt qua mọi khó khăn thử thách, vươn lên thực hiện nhiệm vụ, ổn định và phát triển kinh tế, ổn định chính trị, cải thiện đời sống nhân dân.

Những tồn tại, khuyết điểm và nguyên nhân trong chỉ đạo phát triển kinh tế là còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có ở địa phương. Xác định cây, con, định hướng và chuyển đổi chậm, ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất chưa nhiều, sản lượng các loại cây trồng đạt thấp. Kinh tế quốc doanh hiệu quả thấp, một số cơ sở thua lỗ kéo dài. Kinh tế tập thể về quản lý và điều hành sản xuất còn lúng túng khi chuyển sang cơ chế quản lý mới, khoán trắng cho hộ xã viên. Các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh năng lực sản xuất kinh doanh nhỏ, thiếu các cơ sở chế biến nông sản hàng hóa. Phát triển dân số hàng năm còn cao, nhất là tỷ lệ tăng



*Đồng chí Đoàn Văn Sáu
Bí thư Huyện ủy từ đầu 1993 - 10/2000.*

THE
MUSEUM OF
ART AND
ARCHITECTURE
OF THE
CITY OF
NEW YORK
AND
THE METROPOLITAN MUSEUM OF ART

1955
1956

dân số cơ học. Trật tự, kỷ cương xã hội còn nhiều diễn biến phức tạp. Đời sống gia đình diện chính sách, đồng bào dân tộc, cán bộ, nhân viên khu vực hành chính sự nghiệp lực lượng vũ trang còn khó khăn. Còn từ 3 đến 5% hộ thiếu đói. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể chuyển biến chậm. Mặc dù đã qua nhiều lần củng cố, năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước và công tác vận động, tập hợp quần chúng còn yếu.

Nguyên nhân của mặt tồn tại là do nhận thức, vận dụng tổ chức cơ chế quản lý mới còn nhiều hạn chế, chưa nhạy bén với tình hình và kịp thời nắm bắt những diễn biến phức tạp phát sinh trên lĩnh vực kinh tế - xã hội để có chủ trương lãnh đạo kịp thời; thiếu cơ chế chính sách tạo động lực mới trong sản xuất, lưu thông, tập trung khai thác tiềm năng ở địa phương. Hiệu quả quản lý Nhà nước bằng pháp luật chưa sâu, điều hành tổ chức thực hiện trên các lĩnh vực còn nhiều lúng túng. Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật chưa được phát huy đúng mức. Vai trò tham mưu của các ngành chuyên môn yếu nhiều mặt. Công tác xây dựng Đảng chưa chỉ đạo chiều sâu.

Chương V:

TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG TRÊN QUÊ HƯƠNG ĐỨC LINH (1991 - 2000)

A. ĐẠI HỘI LẦN THỨ VI ĐẢNG BỘ HUYỆN (1991- 1996):

Thực hiện Chỉ thị số 59 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng và Chỉ thị số 75 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các huyện, thị xã, xã phường tiến hành đại hội đảng bộ các cấp để chuẩn bị cho Đại hội V Đảng bộ tỉnh và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII. Sau một thời gian chuẩn bị, từ ngày 7 đến ngày 9/11/1991, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Linh lần thứ VI đã khai mạc. Ngoài việc tham gia báo cáo và các nghị quyết nhiệm vụ nhiệm kỳ 6 (1991-1996) của Đảng bộ huyện, đại hội còn

tham gia góp ý kiến vào Dự thảo "Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ", trước hết là chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.

Đại hội Đảng bộ huyện Đức Linh lần thứ VI bầu Ban Chấp hành có 29 đồng chí, Ban Thường vụ Huyện ủy có 9 đồng chí:

1- Đồng chí Nguyễn Quang Tường, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy;

2- Đồng chí Đoàn Văn Sáu, Phó Bí thư;

3- Đồng chí Nguyễn Văn Hòa, Phó Bí thư;

4- Đồng chí Hoàng Long, Ủy viên Thường vụ;

5- Đồng chí Đỗ Văn Sách, Ủy viên Thường vụ;

6- Đồng chí Đặng Cao Nhưng, Ủy viên Thường vụ;

7- Đồng chí Cao Minh Tân, Ủy viên Thường vụ;

8- Đồng chí Nguyễn Văn Ba, Ủy viên Thường vụ;

9- Đồng chí Ngô Kiên, Ủy viên Thường vụ.

Sau đại hội Đảng bộ huyện, tháng 4/1992 tỉnh Thuận Hải chia tách thành 2 tỉnh Bình Thuận

và Ninh Thuận. Tỉnh Bình Thuận có 9 huyện, thị. Đức Linh là một đơn vị hành chính của tỉnh Bình Thuận⁽¹⁾.

Đầu năm 1993, các đồng chí Nguyễn Quang Tường và Nguyễn Văn Hòa chuyển về tỉnh công tác. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã họp bầu bổ sung đồng chí Đoàn Văn Sáu làm Bí thư Huyện uỷ; đồng chí Nguyễn Văn Ba làm Phó bí thư Thường trực; đồng chí Hoàng Long làm Phó bí thư, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện; đồng chí Huỳnh Tấn Pháp, Ủy viên Thường vụ. Đồng thời, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quyết định chỉ định đồng chí Huỳnh Hữu Sâm, Phó trưởng Ban Tuyên giáo Huyện uỷ, đồng chí Huỳnh Thanh long, Trưởng Phòng Văn hoá - Thông tin vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Tại Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ tỉnh (1994), đồng chí Đoàn Văn Sáu được bầu bổ sung vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

(1) Sau khi phân chia tỉnh Thuận Hải thành hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận, tỉnh Bình Thuận có 9 huyện- thị: Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Tánh Linh, Đức Linh, Hàm Tân, Phú Quý và thị xã Phan Thiết (năm 1999 được nâng lên thành phố cấp 3). Đến năm 2005, phân chia huyện Hàm Tân thành huyện Hàm Tân và thị xã La Gi và toàn tỉnh có 8 huyện, 01 thị xã và 01 thành phố.

Trong nhiệm kỳ Đại hội VI, Đảng bộ huyện còn thực hiện Chỉ thị số 13 ngày 1/9/1993 về việc tổ chức hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ tỉnh, huyện và Thông tri số 03 ngày 10/9/1993 về tổ chức đại hội hết nhiệm kỳ 2 năm rưỡi của các chi, đảng bộ các cơ quan của Trung ương Đảng. Sau một thời gian chuẩn bị, từ ngày 8 đến ngày 9/4/1994, Hội nghị đại biểu Đảng bộ giữa nhiệm kỳ VI của huyện Đức Linh đã khai mạc, có 60 đại biểu tham dự. Hội nghị đã kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ 2 năm (1992-1993) và đề ra các biện pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ (1994-1995).

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI, Đảng bộ và nhân dân trong huyện đã đạt được những kết quả:

Về kinh tế, thực hiện Nghị quyết 05 NQ/TU ngày 18/8/1993 của Tỉnh ủy Bình Thuận về tiếp tục đổi mới và định hướng phát triển kinh tế, xã hội nông thôn. Kết quả nổi bật trong 5 năm qua là xây dựng có hiệu quả cơ sở hạ tầng. Nền kinh tế trong huyện chuyển biến tiến bộ rõ nét hơn theo cơ cấu: nông- lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Thực hiện đạt và vượt hầu hết các mục tiêu chủ yếu

ng nghị quyết đại hội đề ra. Nhịp độ tăng bình quân hàng năm về sản phẩm nội huyện 23,6% (ng nghị quyết đề ra 12%).

Trong sản xuất nông nghiệp, nhất là lương thực tiếp tục tăng trưởng khá. Sản lượng tăng bình quân hàng năm 4.413 tấn. Riêng năm 1995, sản lượng lương thực (qui thóc) đạt 56.300 tấn, so với chỉ tiêu đại hội đề ra tăng 10.300 tấn. Cơ cấu cây trồng đa dạng; chuyển hướng phát triển mạnh các loại cây công nghiệp; từng bước xoá dần tình trạng độc canh cây lương thực. Đã hình thành tương đối rõ nét những vùng sản xuất nông sản hàng hóa. Đi đôi với mở rộng dịch vụ khuyến nông phòng trừ dịch hại tổng hợp, đã đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa giống mới cây trồng và con nuôi vào sản xuất. Diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng và con nuôi tăng đáng kể. So với năm 1990, diện tích canh tác năm 1996 tăng lên 6.549 ha, diện tích gieo trồng tăng 3.223 ha.

Diện tích trồng mới các loại cây công nghiệp dài ngày khu vực quốc doanh và hộ gia đình tăng đáng kể. Cây cao su tăng 1.337 ha, cây điều tăng 3.996 ha⁽¹⁾.

(1) Ngày 6/8/1984, thành lập Công ty Cao su tỉnh Thuận Hải (nay là Bình Thuận). Năm 1998, Công ty Cao su Bình Thuận sát nhập vào Tổng Công ty Cao su Việt Nam.

Một số loại cây trồng khác: cà phê, mía, cây ăn trái tăng khá. Chăn nuôi phát triển đa dạng hơn, tỉ trọng tăng từ 11% năm 1990 lên 22,7% năm 1995. Quản lý, bảo vệ rừng và chuyển dịch đất rừng theo hướng nông- lâm kết hợp, chủ yếu trồng các loại cây lâu năm bước đầu đã mang lại hiệu quả.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tăng bình quân hàng năm 29,66% (nghị quyết đề ra từ 15-20%). Đã thu hút được các thành phần kinh tế ngoài huyện đầu tư xây dựng các cơ sở công nghiệp. Điển hình là nhà máy sản xuất nước khoáng Đa Kai, phân xưởng chế biến hạt điều Đức Chính, cơ sở thêu xuất khẩu Nam Chính. Khuyến khích các thành phần kinh tế trong huyện đầu tư xây dựng các cơ sở tiểu thủ công nghiệp: sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản, sản xuất nước đá, mở mang ngành nghề. Một số loại sản phẩm chất lượng tốt, cạnh tranh được trên thị trường.

Các loại dịch vụ phát triển đa dạng, hầu hết các xã đều hình thành các tụ điểm thương mại phục vụ nhân dân địa phương. Do năng động trong sản xuất và lưu thông, lượng hàng hóa phong phú, đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống nhân dân. Xuất hiện nhiều mô hình làm kinh tế giỏi, có thu nhập cao.

Đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm tăng 72,4%. Đã thu hút được các nguồn vốn của các thành phần kinh tế trong và ngoài huyện, đồng thời tranh thủ nguồn vốn của trên, đầu tư trọng điểm, xây dựng có hiệu quả một số cơ sở hạ tầng: điện, đường giao thông, thủy lợi, các cơ sở phúc lợi. Lưới điện quốc gia đến năm 1995 đã đưa về 9/11 xã và 8.000 hộ người được sử dụng điện sản xuất và sinh hoạt. Toàn huyện đã có 71 km đường bộ được nâng cấp, trong đó làm mới 10 km đường nhựa và rải đá, 7 cầu cống được xây dựng kiên cố. Các địa phương và nhân dân còn đầu tư hàng tỉ đồng và hàng vạn ngày công làm đường giao thông nông thôn, giao thông đồng ruộng. Xây mới, gia cố 1 số công trình thủy lợi và khuyến khích nhân dân làm thủy lợi nhỏ, tăng thêm diện tích được chủ động tưới tiêu 1.380 ha. Đầu tư xây mới, chống xuống cấp một số phòng học, cơ sở y tế, Đài Truyền thanh - Truyền hình, Nhà văn hóa khu vực Đức Tài, công viên văn hóa (Võ Xu), nhà làm việc một số cơ quan và ủy ban nhân dân các xã.

Hệ thống thông tin liên lạc trong huyện từng bước được đầu tư hiện đại hóa. Số máy điện thoại tăng đáng kể bảo đảm liên lạc thông suốt, kịp thời trong và ngoài huyện, nhiều hộ dân có điện thoại bàn.

Thu ngân sách Nhà nước của huyện hàng năm tăng 39%, vượt 9% so với chỉ tiêu đại hội đề ra. Hoạt động ngân hàng có nhiều tiến bộ. Nguồn vốn tiết kiệm huy động tăng khá và mở rộng dịch vụ cho vay đến hộ trên các địa bàn dân cư, góp phần xóa đói giảm nghèo của nhân dân.

Tuy nhiên, trên lĩnh vực kinh tế còn nhiều mặt tồn tại. Sản xuất nông nghiệp chưa thật ổn định, hiệu quả còn thấp so với tiềm năng hiện có. Quản lý đất đai còn lỏng lẻo. Mặc dù ngày 24/3/1995, Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Chỉ thị số 39 CT/TV về tiếp tục chỉ đạo việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất và giải quyết tranh chấp ruộng đất. Nhưng việc cấp quyền sử dụng ruộng đất và giao đất rừng đến hộ gia đình huyện còn làm chậm. Nạn phá rừng ở một vài nơi còn nghiêm trọng. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các loại dịch vụ tốc độ phát triển chậm, hầu hết các cơ sở tiểu thủ công nghiệp trang bị thô sơ, năng suất thấp. Trong xây dựng cơ bản, một số công trình chất lượng xây dựng đạt thấp. Công tác duy tu đường bộ còn yếu, thường dễ xảy ra trở ngại lưu thông về mùa mưa. Thất thu ngân sách còn lớn, quản lý tài chính chưa chặt chẽ. Chậm xử lý các hợp tác xã nông nghiệp yếu kém,

chưa kịp thời phát hiện, rút kinh nghiệm, nhân ra diện rộng các loại hình hợp tác mới có hiệu quả.

Về giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thực hiện các chính sách xã hội được huyện quan tâm đầu tư. Bước đầu thực hiện xã hội hóa công tác giáo dục trên một số mặt có kết quả. Hệ thống trường, lớp được mở rộng. Mở thêm trường bán công, phổ thông trung học cơ sở, các lớp bổ túc văn hóa trung học tạo điều kiện thuận lợi cho người học. Số lượng học sinh vào học hàng năm tăng 11%. Học sinh bỏ học giảm dần từ 10% năm 1991 còn 4% năm 1995. Chất lượng giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh có tiến bộ. Học sinh lên lớp và thi tốt nghiệp ở các cấp học hàng năm đạt tỉ lệ cao. Đội ngũ giáo viên được quan tâm đào tạo, từng bước ổn định, nhất là giáo viên tiểu học. Duy trì thường xuyên, việc triển khai tích cực phong trào phổ cập tiểu học và xóa mù chữ. Đến nay cơ bản các xã đã hoàn thành phổ cập tiểu học và xóa mù chữ cho nhân dân trong độ tuổi.

Mạng lưới y tế trong huyện được củng cố. Cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật khám và điều trị bệnh được đầu tư nâng cấp, đội ngũ bác sỹ tăng đáng kể, đáp ứng tốt hơn chăm sóc sức khỏe ban



Lễ phát động xây dựng thôn văn hóa.

1911
1912
1913
1914
1915
1916
1917
1918
1919
1920
1921
1922
1923
1924
1925
1926
1927
1928
1929
1930
1931
1932
1933
1934
1935
1936
1937
1938
1939
1940
1941
1942
1943
1944
1945
1946
1947
1948
1949
1950
1951
1952
1953
1954
1955
1956
1957
1958
1959
1960
1961
1962
1963
1964
1965
1966
1967
1968
1969
1970
1971
1972
1973
1974
1975
1976
1977
1978
1979
1980
1981
1982
1983
1984
1985
1986
1987
1988
1989
1990
1991
1992
1993
1994
1995
1996
1997
1998
1999
2000
2001
2002
2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013
2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024
2025
2026
2027
2028
2029
2030
2031
2032
2033
2034
2035
2036
2037
2038
2039
2040
2041
2042
2043
2044
2045
2046
2047
2048
2049
2050
2051
2052
2053
2054
2055
2056
2057
2058
2059
2060
2061
2062
2063
2064
2065
2066
2067
2068
2069
2070
2071
2072
2073
2074
2075
2076
2077
2078
2079
2080
2081
2082
2083
2084
2085
2086
2087
2088
2089
2090
2091
2092
2093
2094
2095
2096
2097
2098
2099
2100

đầu của nhân dân. Thực hiện xã hội hóa các chương trình y tế quốc gia và chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em bước đầu đạt kết quả khá. Nhiều chương trình được sở y tế đánh giá đạt kết quả cao so với các huyện trong tỉnh. Chất lượng khám, điều trị bệnh có nhiều tiến bộ. Tỷ lệ tử vong giảm, khống chế được một số dịch bệnh. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình đã có chuyển biến tiến bộ, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết 4 Trung ương (khóa VII). Số người trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện đa dạng hóa các biện pháp tránh thai, đình sản tăng đáng kể. Tỷ lệ giảm sinh từ 0,35% năm 1992 còn 0,08% năm 1995.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao có tiến bộ. Phong trào xây dựng nếp sống văn hóa mới, phòng chống các tệ nạn xã hội ở cơ sở được quan tâm chỉ đạo thường xuyên hơn. Nhiều hội thi văn nghệ quần chúng và hoạt động thể dục thể thao phục vụ các ngày lễ lớn hàng năm đã thu hút được đông đảo nhân dân tham gia. Nhà văn hóa Đức Tài, một số tụ điểm văn hóa ở cơ sở bước đầu hoạt động có tác dụng thiết thực, nội dung và hình thức tuyên truyền được cải tiến phục vụ kịp thời hơn nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Công tác chính sách xã hội, thực hiện các dự án và chương trình phát triển kinh tế hàng năm đã giải quyết cho 3.500 lao động có việc làm. Năm 1993, thực hiện chủ trương xóa đói giảm nghèo của Đảng, ngày 16/12/1993 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra Nghị quyết 5, huyện đã thực hiện, chỉ đạo sát đối tượng, tạo điều kiện cho hộ nghèo được vay vốn ưu đãi của Nhà nước, đầu tư phát triển sản xuất, sớm ổn định cuộc sống. Thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa có nhiều tiến bộ, thể hiện bằng những việc làm thiết thực, như: xây nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm những gia đình chính sách khó khăn, nhận phụng dưỡng 7 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và chăm sóc 40 cháu mồ côi, xây dựng quỹ hội giúp nhau làm kinh tế gia đình, đi thăm và tặng quà các gia đình chính sách, giúp đồng bào các nơi gặp thiên tai, hoạn nạn....

Thực hiện chính sách về tôn giáo, dân tộc của Đảng kịp thời, đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước, tạo được bầu không khí đoàn kết trong các tầng lớp nhân dân, các dân tộc. Đời sống nhân dân cơ bản được ổn định và từng bước được cải thiện. Một bộ phận nhân dân làm ăn giỏi, có mức thu nhập khá, tập trung ở vùng trồng màu, trồng cây công

nghiệp. Số hộ giàu tăng lên. Nhiều gia đình xây dựng nhà ở khang trang, mua sắm phương tiện đi lại và các tiện nghi sinh hoạt phục vụ đời sống. Bộ mặt nông thôn trong huyện đã đổi mới.

Tuy nhiên, trên các lĩnh vực xã hội còn những mặt tồn tại và yếu kém sau: cơ sở vật chất ngành giáo dục đào tạo còn thiếu, nhiều phòng học xuống cấp, chưa xóa được học ca ba. Việc giáo dục chính trị, đạo đức, lối sống cho học sinh chưa thường xuyên. Công tác phòng chống dịch bệnh và vệ sinh môi trường còn yếu. Quản lý chưa chặt chẽ một số tư nhân hành nghề y dược trên các địa bàn trong huyện. Trách nhiệm của một số thầy thuốc đối với bệnh nhân chưa cao. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình triển khai chậm. Cơ sở vật chất, phương tiện ngành văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao chưa được đầu tư theo kịp với hoạt động của xã hội đòi hỏi. Chưa tạo được phong trào xây dựng nếp sống văn hóa và phong trào văn nghệ - thể dục thể thao thường xuyên, sâu rộng ở cơ sở. Thiếu các biện pháp ngăn chặn và xử lý các loại văn hóa phẩm có nội dung xấu và các tệ nạn xã hội ở địa phương. Đời sống của một bộ phận dân cư, nhất là đồng bào dân tộc ít người còn khó khăn, thu nhập thấp. Chậm triển

khai quy hoạch thị trấn, nông thôn, một bộ phận dân cư ăn ở chưa theo quy hoạch.

Về quốc phòng và an ninh, lực lượng vũ trang trong huyện được thường xuyên chăm lo xây dựng về mọi mặt, luôn trung thành và phục tùng tuyệt đối sự lãnh đạo của Đảng bộ, giữ vững sự ổn định chính trị, làm chuyển biến tích cực trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra biến động xấu. Thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được củng cố; thực hiện tốt cuộc diễn tập "Khu vực phòng thủ cấp xã- phường" theo Chỉ thị số 04 CT/TV ngày 4/8/1992 và tổng kết 5 năm (1989-1993) xây dựng và diễn tập khu vực phòng thủ huyện, thị theo Chỉ thị 14 ngày 29/10/1993 của Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận. Kịp thời bổ sung phương án phòng thủ và phương án chống bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch ở địa phương. Lực lượng dân quân tự vệ được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, từ 1,3% năm 1991 tăng lên 3,4% năm 1995 so với dân số. Thành lập Tiểu đoàn 421 quân dự bị động viên của huyện. Tổ chức diễn tập và huấn luyện hàng năm đạt kết quả khá.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trên các địa bàn dân cư được củng cố phát triển theo

hưởng tích cực. Huyện triển khai các cao điểm trấn áp tội phạm được quần chúng đồng tình hưởng ứng, kết hợp đấu tranh có kết quả, nhằm thực hiện Chỉ thị số 3 CT/TV ngày 15/2/1993 của Thường vụ Tỉnh ủy về diễn tập chống gây rối, bạo loạn - A2. Phát hiện và trừng trị kịp thời các đối tượng tội phạm hình sự. Công tác thanh tra, kiểm sát, điều tra, xét xử và tổ chức học tập, tuyên truyền pháp luật ở địa phương có tiến bộ.

Tuy vậy, lực lượng và phương tiện hoạt động của lực lượng vũ trang trong huyện cũng còn hạn chế. Chất lượng lực lượng dân quân tự vệ chưa đồng đều. Công an xã còn thiếu và yếu. Một số cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức chưa đầy đủ nhiệm vụ cấp bách về công tác an ninh, quốc phòng trong tình hình mới. Ý thức cảnh giác và phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc chưa mạnh, đều ở các địa phương và trong các cơ quan nhà nước. Công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm chưa tốt, còn mầm mống dễ gây mất ổn định chính trị ở địa phương. Quản lý nhà nước bằng pháp luật có mặt chưa chặt chẽ. Một số vụ vi phạm pháp luật điều tra, xử lý chậm. Đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng còn hạn chế.

Trong công tác xây dựng Đảng, thực hiện Nghị quyết Trung ương III (khóa VI) về đổi mới và chỉnh

đồn Đảng, ngày 11/9/1992, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 03 NQ/TU về một số nhiệm vụ đổi mới chính đồn Đảng, Huyện ủy bám sát thực tế địa phương, công tác xây dựng Đảng của đảng bộ thời gian qua đã đạt những tiến bộ đáng kể.

Đảng bộ luôn coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kết hợp chặt chẽ với việc tổ chức học tập, quán triệt các quan điểm đường lối Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, các chỉ thị, nghị quyết khác của Trung ương, Tỉnh ủy cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trong nhiệm kỳ VI của Đảng bộ, Huyện ủy đã mở lớp tại chỗ và đưa đi bồi dưỡng, đào tạo các trường trong tỉnh và ngoài tỉnh từ văn hóa, lý luận chính trị phổ thông đến trung cấp, cao cấp, đại học. Đồng thời, huyện tổ chức bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước và các chuyên ngành khác cho một số cán bộ chủ chốt các xã, phòng, ban, ngành cấp huyện. Gần 1.200 cán bộ, đảng viên và cốt cán của Đảng đã được bồi dưỡng, đào tạo qua các chương trình học. Nhờ đó, đã tạo được nhận thức sâu sắc, đồng bộ hơn trong cán bộ, đảng viên về quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng. Hầu hết cán bộ, đảng viên kiên định lập trường cách mạng, quyết tâm đưa đất nước phát triển theo con đường xã

hội chủ nghĩa do Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn. Gắn nhận thức với hành động, đề ra các chủ trương và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội sát đúng với thực tế địa phương, bảo đảm cho các nghị quyết của Đảng thành hiện thực trong cuộc sống, được nhân dân đồng tình, ủng hộ.

Công tác tổ chức, bộ máy cán bộ có nhiều chuyển biến rất quan trọng, nhất là từ sau khi thực hiện Nghị quyết 03 Trung ương về đổi mới và chỉnh đốn Đảng và thực hiện Nghị quyết 8 về cải cách nền hành chính quốc gia. Đội ngũ đảng viên qua phân loại hàng năm có hơn 80% đạt loại A, có 90% cơ sở Đảng đạt khá và vững mạnh (4 cơ sở đạt vững mạnh cấp tỉnh). Nhiều đảng bộ và cấp ủy cơ sở yếu kém đã được củng cố, đi vào hoạt động có hiệu quả, vai trò lãnh đạo của Đảng ở cơ sở được bảo đảm và tăng cường hơn trước. Số đảng viên mới kết nạp đều gương mẫu, phát huy tác dụng tốt, hầu hết có triển vọng lâu dài.

Bộ máy Nhà nước được củng cố, sắp xếp lại một bước, nhất là củng cố đội ngũ cán bộ, công chức, chấn chỉnh thủ tục hành chính và phong cách làm việc theo tinh thần Nghị quyết 8 của Trung ương và cải cách nền hành chính quốc gia. Hội đồng Nhân

dân các cấp sau cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân năm 1992 đã đi vào hoạt động ngày càng có thực chất, phát huy tốt là cơ quan quyền lực ở địa phương. So với trước, hiệu lực quản lý nhà nước được tăng cường và có hiệu quả thiết thực hơn.

Về công tác mặt trận, thực hiện Nghị quyết 6-NQ/TU ngày 19/8/1994 và Chỉ thị 49-CT/TU ngày 3/10/1995 của Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận về đại đoàn kết dân tộc, tăng cường mặt trận dân tộc thống nhất và toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư trong tỉnh đã làm cho công tác của Mặt trận huyện thật sự đổi mới, hướng về cơ sở. Kết hợp tốt hơn việc tuyên truyền, giáo dục đường lối, chính sách của Đảng với việc củng cố tổ chức hội, đoàn từ huyện đến tổ; phát triển hội viên gắn với các phong trào giúp đỡ nhau làm kinh tế gia đình, xóa đói giảm nghèo, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, v.v...

Các tổ chức chính trị thành viên của Mặt trận huyện, như Hội Nông dân Việt Nam huyện đến cuối năm 1992 tiến hành Đại hội, củng cố lại tổ chức Hội từ huyện đến xã trong điều kiện đã đổi mới cơ chế kinh tế, các hợp tác xã không chuyển đổi kịp làm

cho hội viên giảm theo. Đồng thời, thực hiện Chỉ thị 69 ngày 20/5/1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, lấy ngày 14/10/1930 là ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam. Đây là lần đầu tiên tổ chức nông dân cả nước tiến hành kỷ niệm 61 năm ngày thành lập Hội nên đã tác động tốt đến hội viên. Hội Phụ nữ Việt Nam huyện sau Đại hội phụ nữ tỉnh (11/1992) đã được huyện củng cố. Các xã trong huyện đều triển khai Nghị quyết 4 của Bộ Chính trị (1993) về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới. Chị em cán bộ hội cơ sở được học tập, bồi dưỡng về chức năng, lễ lối làm việc. Phụ nữ tham gia và hoạt động trong các cơ quan Nhà nước, trong kinh tế, v.v... Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện tiếp tục được củng cố về tổ chức. Thanh niên, đoàn viên trong huyện làm tốt công tác xã hội và thực hiện nghĩa vụ với Tổ quốc. Tổ chức công đoàn trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, trong ngành y tế, giáo dục phát huy tác dụng trong sự nghiệp đổi mới. Tuy nhiên, tổ chức công đoàn trong một số doanh nghiệp khó khăn trong hoạt động và sinh hoạt. Hội Cựu chiến binh huyện đã tiến hành đại hội trong năm 1990 và là một đoàn thể hoạt động tích cực ở hai cấp huyện và cơ sở, làm vai trò nòng cốt trong hoạt động ở các xã, thị trấn trong huyện.

Như vậy, công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể vẫn còn một số mặt hạn chế, tồn tại. Công tác xây dựng Đảng về chính trị và tư tưởng chưa thường xuyên, còn một số đảng viên chưa thông suốt đường lối đổi mới của Đảng. Phát triển đảng viên mới chậm, trong nhiệm kỳ 5 năm (1991 - 1996) chỉ kết nạp được 79 đồng chí. Việc sinh hoạt Đảng và hoạt động theo qui chế Đảng đoàn chưa thường xuyên. Công tác quản lý cán bộ, đảng viên ở một số cơ sở Đảng thiếu chặt chẽ. Hoạt động của Hội đồng Nhân dân các cấp có nơi còn mang tính hình thức, một số thành viên Hội đồng Nhân dân còn ít lắng nghe tâm tư nguyện vọng của cử tri. Quản lý nhà nước trên một số mặt chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Mặc dù còn một số hạn chế, nhưng công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể trong 5 năm (1991 - 1996) có nhiều chuyển biến tiến bộ, thể hiện được vai trò then chốt làm nền tảng, thúc đẩy mạnh mẽ và có hiệu quả sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ở địa phương.



Lễ kỷ niệm 25 năm giải phóng Hoài Đức (Đức Linh).

1000

1000

1000

B- ĐẠI HỘI LẦN THỨ VII CỦA ĐẢNG BỘ HUYỆN (1996 - 2000):

Thực hiện Chỉ thị 51 ngày 9/3/1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị số 42 ngày 23/5/1995 của Ban Thường Tỉnh ủy về việc mở đại hội các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, từ ngày 4 đến ngày 6/4/1996, Đại hội đại biểu lần thứ VII Đảng bộ huyện Đức Linh đã khai mạc. Đại hội thảo luận Dự thảo Báo cáo Đại hội VIII của Đảng và Đại hội IX của Đảng bộ tỉnh sắp tới; đồng thời ra nghị quyết về kết quả thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ VI và phương hướng nhiệm kỳ VII (1996-2000). Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ VII có 33 đồng chí và Ban Thường vụ có 11 đồng chí, gồm:

1- Đồng chí Đoàn Văn Sáu, Bí thư (đến ngày 01/10/2000 chuyển về làm Bí thư Huyện ủy Tánh Linh);

2- Đồng chí Nguyễn Văn Ba, Phó Bí thư Huyện ủy (Quyền Bí thư Huyện ủy từ tháng 10/2000);

3- Đồng chí Đỗ Văn Sách, Ủy viên Thường vụ. (Khi đồng chí Ba được chỉ định làm Quyền Bí thư, đồng chí Sách làm Thường trực Đảng);

- 4- Đồng chí Cao Minh Tân, Ủy viên Thường vụ;
- 5- Đồng chí Ngô Kiên, Ủy viên Thường vụ;
- 6- Đồng chí Nguyễn Thanh Hùng, Ủy viên Thường vụ;
- 7- Đồng chí Huỳnh Tấn Pháp, Ủy viên Thường vụ;
- 8- Đồng chí Nguyễn Hữu Chính, Ủy viên Thường vụ;
- 9- Đồng chí Trần Sĩ Tá, Ủy viên Thường vụ (sau chuyển về tỉnh);
- 10- Đồng chí Lê Văn Lào, Ủy viên Thường vụ.

Sau 5 năm (1996 - 2000), thực hiện Nghị quyết Đại hội huyện lần thứ VII, Đảng bộ huyện Đức Linh đã đạt được những kết quả:

Về kinh tế, thực hiện chủ trương qua các Chỉ thị 07 ngày 8/11/1996 về chuyển dịch cơ cấu cây trồng; Nghị quyết 11 ngày 28/7/1997 về đổi mới, phát triển hợp tác xã và kinh tế hợp tác; Nghị quyết 16 ngày 12/1/1998 về công nghiệp hóa nông nghiệp, kinh tế nông thôn đến năm 2010; thực hiện Nghị quyết 25 ngày 21/6/1999 về phát triển nông nghiệp và nông thôn và Chỉ thị 29 ngày 2/3/1999 về tổng kết các

nhân tố mới, mô hình mới trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Trung ương và của tỉnh. Kinh tế trong huyện tiếp tục tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, cơ bản thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu do đại hội đề ra. Bình quân hàng năm GDP tăng 10,95%, trong đó, nhóm ngành nông-lâm tăng 7,4%; công nghiệp, xây dựng tăng 32,8%; dịch vụ, thương mại tăng 12,5%. Giá trị tổng sản phẩm nội huyện (GDP) năm 2000 đạt 212 tỉ đồng tính theo giá cố định 1994 (tăng 68% so với 1995). Tỷ trọng cơ cấu GDP trong các ngành nông-lâm-thủy sản chiếm 52,72% (giảm 13% so với 1995); ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 21,36% (tăng 11,91% so với 1995); ngành thương mại- dịch vụ chiếm 25,92% (tăng 11% so với 1995).

Sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện, tốc độ tăng trưởng hàng năm bình quân tăng 5,76%. Năng suất các loại cây trồng tăng khá, đã đưa vào sử dụng tương đối rộng rãi các loại giống mới cây trồng ngắn và dài ngày đạt hiệu quả cao. Sản lượng lương thực đạt và vượt chỉ tiêu nghị quyết đề ra. Năm 2000 đạt 65.892 tấn, tăng 31,6% so với năm 1995, vượt 4,2% chỉ tiêu nghị quyết đại hội.

Thực hiện chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng đã hình thành được một số vùng sản xuất tập trung chuyên canh theo hướng sản xuất hàng hóa. Cơ giới hóa nhanh các khâu làm đất, thu hoạch, vận chuyển. Diện tích gieo trồng được chủ động tưới năm 2000 đạt 3.900 ha (tăng 2.921 ha so với năm 1995). Diện tích cây lâu năm đến năm 2000 là 16.073 ha (tăng 8.404 ha), đạt 83% kế hoạch. Trong đó, diện tích cây cao su tăng 3.183 ha, cây cà phê tăng 945 ha, cây ăn quả tăng 1.726 ha, cây tiêu tăng 995 ha. Nhiều vườn tạp được cải tạo thành những vườn cây công nghiệp và cây ăn quả có giá trị kinh tế cao. Trong đó, từ năm 1998, Công ty Cao su Bình Thuận trực thuộc Tổng Công ty Cao su Việt Nam, cây cao su trong huyện tăng khá về diện tích và thu hoạch.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi cá nước ngọt tiếp tục phát triển khá. Đàn bò tăng bình quân hàng năm 12% (trong đó bò lai sind chiếm 45%). Đàn heo tăng 18% (nạc hóa đàn heo chiếm 67%). Nhân dân đã áp dụng nhiều tiến bộ khoa học- kỹ thuật trong chăn nuôi và phát triển qui mô theo hướng kinh tế trang trại.

Công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật có chuyển biến tiến bộ, đã tổ chức nhiều lớp hướng dẫn

ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, giúp nông dân đầu tư, phát triển sản xuất đạt hiệu quả.

Toàn huyện đo đạc lại 92% diện tích đất nông nghiệp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, đạt 82,3% diện tích, phần lớn đất đai đã đưa vào sử dụng. Đã hoàn thành đề án qui hoạch sử dụng đất năm 1997 - 2010.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 27,89%. Huyện ủy đã chú trọng phát huy nội lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Toàn huyện có 249 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với tổng giá trị vốn đầu tư trên 35 tỉ đồng, góp phần tạo thêm nhiều việc làm ở địa phương.

Thực hiện Nghị quyết 02 ngày 13/9/1996 của Tỉnh ủy Bình Thuận về tiếp tục đổi mới tổ chức hoạt động thương nghiệp, phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Ngành thương mại- dịch vụ của huyện phát triển khá, tốc độ tăng trưởng hàng năm tăng 10,83%. Mạng lưới thương mại phát triển rộng khắp trong 11 xã, thị trấn, có 5 cơ sở nhà nước,

8 cơ sở tập thể và gần 2.200 hộ tham gia kinh doanh. Hàng hóa phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của nhân dân.

Hoạt động dịch vụ có nhiều chuyển biến tiến bộ, nhất là trên các lĩnh vực giao thông - vận tải, bưu chính viễn thông, bảo hiểm, tín dụng, thông tin liên lạc thông suốt, phương tiện giao thông thuận lợi, đáp ứng sản xuất và đời sống nhân dân.

Thu ngân sách nhà nước hàng năm đạt kết quả khá, cơ bản đáp ứng được nhu cầu hoạt động của bộ máy và chi cho đầu tư phát triển ở địa phương. Ngân hàng Phát triển nông nghiệp và Quỹ Tín dụng nhân dân đã tập trung đầu tư cho phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo ở địa phương.

Xây dựng kết cấu hạ tầng đạt kết quả khá. Huy động vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn huyện trong 5 năm (1996 - 2000) đạt 199 tỉ (tăng gấp 6 lần so với giai đoạn 1991 - 1995). Đầu tư cho giao thông chiếm 28,7%, điện chiếm 30%, giáo dục 7%, y tế 2,5%, thủy lợi 1,5%, các công trình khác và nhà ở dân dụng chiếm 29%. Hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng được làm mới, tu sửa 354 km. Nhân dân đầu tư hơn 100 tỉ đồng xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn và đầu tư phát triển sản xuất.

Trong nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ lần thứ VII, huyện đã đưa lưới điện quốc gia về 11/11 xã, thị trấn; gần 70% hộ được sử dụng điện. Toàn huyện có 1.800 máy điện thoại, bình quân 1,6 máy/100 dân, đã xây dựng và đưa vào sử dụng 6 điểm bưu điện văn hóa xã. Nhà làm việc của các cơ quan, xã, thị trấn, nhà ở của nhân dân được đầu tư xây mới. Hầu hết các công trình xây dựng đã thực hiện được theo mục tiêu đề ra và đang phát huy tác dụng. Bộ mặt xã hội, nông thôn khởi sắc hơn.

Các thành phần kinh tế trong huyện tiếp tục phát triển, xuất hiện một số mô hình sản xuất kinh doanh giỏi. Các doanh nghiệp nhà nước luôn được địa phương quan tâm, tạo điều kiện phát triển. Kinh tế hợp tác và hợp tác xã được củng cố và từng bước phát triển. Có 9 hợp tác xã đã đăng ký hoạt động theo luật hợp tác xã, thành lập mới 2 hợp tác xã. Kinh tế tư nhân bước đầu phát triển, nhiều hộ tư nhân đăng ký sản xuất kinh doanh. Một số mặt hàng như gạch nung, đá chẻ, tinh bột mì... số lượng tăng, chất lượng đạt khá. Kinh tế hộ tiếp tục được phát huy, từ 1996 đến nay có 296 hộ đầu tư phát triển kinh tế trang trại với tổng diện tích 1.252 ha và tổng vốn đầu tư 42.575 triệu đồng.

Về công tác xã hội được huyện chăm lo, giải quyết có hiệu quả và đạt được một số tiến bộ mới. Sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển, hệ thống trường, lớp được mở rộng. So với năm 1995, tăng 10 trường và 230 lớp học. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học không ngừng được bổ sung. Đội ngũ giáo viên được chuẩn hóa và thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao nhận thức chính trị và nghiệp vụ. Chất lượng giáo dục về đạo đức, văn hóa của học sinh được nâng lên; học sinh lên lớp và tốt nghiệp ở các cấp học hàng năm đạt tỉ lệ cao. Toàn huyện đã hoàn thành chương trình phổ cập tiểu học xóa mù chữ và triển khai thực hiện phổ cập trung học cơ sở. Huy động trẻ em trong độ tuổi ra lớp: mẫu giáo đạt 43%, tiểu học đạt 98%, trung học cơ sở 60%, phổ thông trung học 43%. Số học sinh vào học hàng năm tăng hơn 10%.

Công tác chăm lo sức khỏe của nhân dân có tiến bộ rõ rệt. Các trạm y tế xã, thị trấn đều có bác sĩ và nữ hộ sinh, bình quân có 3 bác sĩ trên 1 vạn dân. Đội ngũ y, bác sĩ, cán bộ y tế được chăm lo bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao y đức và chuyên môn nghiệp vụ. Cơ sở vật chất trang thiết bị, y cụ được đầu tư, góp phần thực hiện tốt các chương trình y

tế quốc gia hàng năm. Chất lượng khám, điều trị bệnh có tiến bộ, tỉ lệ tử vong giảm đáng kể, không để dịch bệnh xảy ra. Tỉ lệ sinh bình quân hàng năm giảm 0,1% (chỉ tiêu đề ra 0,08%). Đội ngũ công tác viên, mạng lưới truyền thông được mở rộng. Nhiều địa phương làm tốt công tác vận động, sử dụng các biện pháp giảm sinh, đưa tỉ lệ phát triển dân số tự nhiên toàn huyện xuống còn 1,73%, vượt chỉ tiêu nghị quyết đại hội đề ra. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em hàng năm thực hiện có hiệu quả. Đến năm 2000, tỉ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em trong độ tuổi còn 30%, so với năm 1995 giảm trên 25%. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được bảo trợ và chăm sóc giúp đỡ từ nhiều cá nhân và tổ chức xã hội.

Chương trình giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo được triển khai đồng bộ, có kết quả. Trong 5 năm đã tạo thêm việc làm cho 10.000 lao động, xóa được 2.633 hộ đói, nghèo, giảm số hộ đói nghèo từ 22,7% năm 1995 xuống còn 9,7% năm 2000.

Thực hiện chính sách xã hội có nhiều tiến bộ. Vận động nhân dân xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa trong 5 năm được 1.129 triệu đồng; hỗ trợ tu sửa 96 nhà; xây dựng 25 nhà tình nghĩa; tổ chức thăm viếng

nhân ngày lễ, tết và ủng hộ số tiết kiệm cho các gia đình chính sách hàng trăm triệu đồng⁽¹⁾.

Trong công tác thông tin - văn hóa, thực hiện Chỉ thị số 04 ngày 15/10/1996 về đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh - gia đình văn hóa và Nghị quyết 20 ngày 29/10/1998 về thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin tuyên truyền và thể dục - thể thao trong huyện có nhiều tiến bộ, phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương. Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa đã thu hút được đông đảo các cơ quan và nhân dân tham gia. Qua bình xét thi đua, có 28 đơn vị đạt tiêu chuẩn nếp sống văn minh, 10.791 hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể, bình quân thu nhập đầu người từ 145 USD/năm 1995 lên 212 USD năm 2000. Nhiều hộ gia đình xây nhà kiên cố và mua sắm phương tiện đất liền.

(1) Đến năm 2005, toàn huyện có 804 liệt sĩ, 25 Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, 530 thương binh, 142 người hưởng chế độ tù đầy và 1.395 người hưởng chế độ hoạt động kháng chiến.



Đồng chí Nguyễn Văn Ba - Quyền Bí thư Huyện ủy từ 10/2000.



Về công tác quốc phòng và an ninh được giữ vững. Huyện đã quan tâm chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục về quốc phòng và an ninh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân theo Nghị quyết 22 ngày 7/12/1998 về xây dựng cơ quan quân sự và lực lượng vũ trang trong tỉnh, Nghị quyết 29 ngày 19/10/2000 về thực hiện Nghị quyết 8 của Bộ Chính trị về bảo vệ an ninh trong tình hình mới của Ban Chấp hành Tỉnh ủy. Các lực lượng vũ trang trong huyện vững vàng về chính trị, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp đổi mới của Đảng và Nhà nước, góp phần giữ vững ổn định chính trị và làm chuyển biến tích cực, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Về quốc phòng, đã xây dựng khu vực phòng thủ, hàng năm tổ chức diễn tập củng cố, bổ sung hoàn chỉnh các phương án phòng thủ. Xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ đạt 2,5% số dân với chất lượng ngày càng tăng cả về chính trị, tư tưởng và chiến thuật quân sự. Lực lượng dự bị động viên thường xuyên được kiện toàn, biên chế, bổ sung đầy đủ các đơn vị của tỉnh và huyện. Giao quân hàng năm đạt chỉ tiêu. Công tác chính sách hậu phương quân đội có chuyển biến tiến bộ rõ rệt. Về an ninh trật tự, công tác điều tra, phá án hàng năm có tiến bộ. Cuộc đấu tranh chống tội phạm đạt hiệu quả, góp phần kìm chế mức

độ gia tăng tội phạm. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, thế trận an ninh nhân dân càng được củng cố và phát triển.

Trong công tác xây dựng Đảng, công tác giáo dục chính trị tư tưởng được coi trọng thường xuyên. Kết hợp chặt chẽ giữa việc giáo dục, bồi dưỡng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với việc học tập, quán triệt các nghị quyết, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đã cử 25 đồng chí cán bộ, đảng viên tham gia học tập các lớp lý luận chính trị trung, cao cấp và cử nhân ở các trường của Trung ương, tỉnh. Mở 2 lớp trung cấp lý luận chính trị tại chức ở huyện với số lượng gần 200 học viên. Đồng thời, trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện đã mở nhiều lớp lý luận phổ thông cho hơn 500 học viên ở cơ sở. Trình độ lý luận chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng lên rõ rệt. Hầu hết các nghị quyết của Đảng từ trung ương đến tỉnh, huyện đã được tổ chức học tập quán triệt cho cán bộ, đảng viên và nhân dân với gần 80.000 lượt người tham gia. Công tác tuyên truyền được triển khai sâu rộng trên các địa bàn dân cư. Công tác tư tưởng đã hướng về cơ sở, giải quyết được cơ bản những vướng mắc về tư tưởng ngay tại cơ sở. Nhờ đó, góp phần ổn định tình

hình tư tưởng ở cơ sở. Cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới, kiên định mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

Huyện đã củng cố 15 phòng ban ở huyện, xây dựng mới 8 cơ sở Đảng, nâng tổng số lên 40 cơ sở Đảng trực thuộc. Coi trọng chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng, tăng cường cán bộ các cơ sở yếu kém. Nhờ vậy, hàng năm số lượng các cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh tăng lên. Đến năm 1999 đã có 21 cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh (đạt 52%), tăng 7 cơ sở so với năm 1996. Hoàn thành công tác qui hoạch đội ngũ cán bộ huyện và cơ sở đến năm 2005-2010, từng bước đưa công tác cán bộ đi dần vào thể ổn định. Trong nhiệm kỳ đã bầu 33 cấp ủy huyện và 163 cấp ủy viên cơ sở; đề bạt, bổ nhiệm 23 đồng chí vào các chức danh trưởng, phó phòng ban ở huyện.

Trong đánh giá chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng hàng năm đều bám sát Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) và tiêu chuẩn qui định của Trung ương. Đánh giá đúng thực trạng đội ngũ đảng viên; số đảng viên đủ tư cách mức I năm sau cao hơn năm trước. Kết nạp 251 đảng viên mới, trong đó 127 là đoàn viên thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,

chiếm 50%. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm, đã rà soát sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức hiện có. Việc hợp đồng tuyển dụng người vào tổ chức đã được thẩm tra xác minh, xét duyệt chặt chẽ. Công tác kiểm tra Đảng được chỉ đạo kịp thời. Đã kiểm tra 60 lượt tổ chức Đảng, theo Chỉ thị 29-CT/BCT, giải quyết 27 đơn thư tố cáo. Qua kiểm tra phát hiện uốn nắn kịp thời, sửa chữa sai sót, góp phần tích cực trong công tác xây dựng Đảng.

Công tác xây dựng bộ máy Nhà nước luôn được chấn chỉnh, củng cố, chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp có nhiều tiến bộ. Bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1994-1999 đạt kết quả. Trong nhiệm kỳ Hội đồng Nhân dân huyện, do yêu cầu phát triển và quá trình đô thị hoá, Hội đồng Nhân dân huyện đã ban hành Nghị quyết về việc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định nâng xã Võ Xu lên thành thị trấn huyện lỵ và xã Đức Tài lên thành thị trấn công nghiệp và dịch vụ, được Chính phủ ban hành Nghị định số 37/1999/NĐ, ngày 15/6/1999 về việc thành lập thị trấn Võ Xu và Đức Tài trên cơ sở nâng cấp xã Võ Xu thành thị trấn Võ Xu và nâng cấp xã Đức Tài thành thị trấn Đức Tài; hai thị trấn Võ Xu và Đức Tài bắt đầu hoạt động từ tháng 7 năm 1999. Các kỳ

họp của hội đồng nhân dân các cấp được tổ chức theo đúng luật định, chất lượng các kỳ họp đã có tiến bộ đáng kể. Ủy ban nhân dân các cấp có nhiều tiến bộ trong việc quản lý, tổ chức thực hiện có kết quả nghị quyết của hội đồng nhân dân hàng năm. Đội ngũ cán bộ được chăm lo bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ văn hóa, nghiệp vụ, năng lực làm việc có tiến bộ và đạt hiệu quả hơn. Đã từng bước cải tiến các thủ tục hành chính, giảm phiền hà cho nhân dân. Các cơ quan bảo vệ pháp luật đã tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến học tập pháp luật trong nhân dân và kiểm tra, phát hiện, uốn nắn, xử lý kịp thời các sai phạm, ngăn ngừa tiêu cực, tham nhũng xảy ra ở địa phương. Trên lĩnh vực tôn giáo, ủy ban nhân dân các cấp đã có nhiều cố gắng hướng dẫn, kiểm tra các tôn giáo hoạt động đúng chính sách, pháp luật.

Công tác dân vận tiếp tục thực hiện Chỉ thị 03 ngày 13/9/1996 nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) về việc đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân của Tỉnh ủy Bình Thuận có nhiều tiến bộ. Ban Dân vận Huyện ủy được củng cố và thành lập 11 ban dân vận xã, thị trấn, bước đầu đi vào hoạt động

có kết quả. Triển khai kịp thời sơ, tổng kết các nghị quyết của Đảng về công tác dân vận. Đã triển khai thực hiện qui chế dân chủ ở các cơ quan, xã, thị trấn.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân được củng cố từ huyện đến địa bàn dân cư, đã có 50% nhân dân được tập hợp vào các tổ chức hội, đoàn trong hệ thống chính trị. Phương thức hoạt động được đổi mới, sâu sát cơ sở, sát dân, tích cực tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước để tập hợp quần chúng. Phong trào giúp nhau làm kinh tế gia đình, xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo, nghĩa thiện được Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tổ chức rộng rãi ở cơ sở. Phong trào thi đua yêu nước của các tầng lớp nhân dân là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế ổn định xã hội ở địa phương. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa phát động từ 1995, đến 1999 đã có 4 thôn và 45% hộ gia đình và 60% cơ quan đơn vị đạt.

Tuy vậy, từ năm 1996 đến năm 2000, thực hiện nghị quyết do Đại hội nhiệm kỳ VII của Đảng bộ huyện Đức Linh đề ra cũng còn một số hạn chế. Về cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, nhiều lĩnh vực phát triển chưa ổn định. Sản xuất nông nghiệp phát triển chưa ổn định, năng suất các loại cây trồng, con nuôi thấp. Hoạt động khuyến nông, bảo vệ thực vật

chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất. Hiệu quả sử dụng đất đạt thấp, thu nhập 1 ha lúa 3,5 triệu đồng/năm, 1 ha điều 3 triệu đồng/năm. Quản lý bảo vệ rừng chưa chặt chẽ, có vụ sai phạm nghiêm trọng, như làm đường Bao Ngạn (thuộc địa phận Lâm trường II). Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm, thiết bị công nghệ lạc hậu, chất lượng sản phẩm thấp, sức cạnh tranh yếu. Thương nghiệp quốc doanh chưa mở rộng. Hoạt động tín dụng chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất ở địa phương. Một số doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ kéo dài. Việc củng cố, chuyển đổi kinh tế hợp tác xã còn chậm. Một số doanh nghiệp tư nhân mới thành lập, vốn còn ít, năng lực quản lý, kinh doanh còn hạn chế; kinh tế hộ gia đình phát triển trang trại còn tự phát, qui mô nhỏ. Kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội nông thôn còn thấp, việc thu hút đầu tư trong huyện và đầu tư bên ngoài còn hạn chế. Đầu tư cho thủy lợi, giáo dục, y tế đạt thấp. Về vấn đề xã hội, còn 9,7% hộ nghèo. Duy trì trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ địa bàn ở cơ sở chưa thường xuyên. Công tác phòng gian bảo mật chưa được các cấp ủy, thủ trưởng các cơ quan, xí nghiệp quan tâm đúng mức. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cơ sở chưa sâu rộng.

Trong xây dựng Đảng và quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trên một số mặt còn yếu. Công tác tổ chức cán bộ còn có mặt chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội ở địa phương. Công tác xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở Đảng chưa thường xuyên. Năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng chưa ngang tầm nhiệm vụ mới. Phương thức lãnh đạo của một số cấp ủy và tổ chức cơ sở Đảng chậm đổi mới.

Phong trào cách mạng của quần chúng phát triển chưa đều, xây dựng và phát triển thực lực chính trị ở hầu hết các xã, thị trấn còn yếu. Triển khai thực hiện qui chế dân chủ ở cơ sở không đồng bộ ở các xã, thị trấn, cơ quan Nhà nước, đơn vị sản xuất kinh doanh.

Như vậy, sau 10 năm (1991-2000), tiếp tục sự nghiệp đổi mới, Đảng bộ và nhân dân Đức Linh đã phân đấu thực hiện các mục tiêu do Đại hội Đảng bộ lần thứ VI, VII đề ra. Về xây dựng hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến tiến bộ. Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm tăng khá. Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch đúng hướng. Cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội hàng năm được tập trung đầu tư. Nhiều vấn đề xã hội được giải quyết có hiệu quả. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, tăng hộ khá và

giàu. Bộ mặt nông thôn đã thay đổi nhiều so với những năm sau giải phóng, lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào công cuộc đổi mới của nhân dân ngày càng được củng cố và nâng cao hơn. An ninh quốc phòng luôn được giữ vững. Khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng được xây dựng vững chắc hơn.

Tuy nhiên trong những năm 90 của thế kỷ XX, kinh tế phát triển chưa thật sự ổn định, sản xuất còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên và các yếu tố khách quan. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, trong đó tỉ trọng sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, dịch vụ, công nghiệp chưa nhiều. Khai thác sử dụng tài nguyên đất hiệu quả chưa cao, cơ sở tiểu thủ công nghiệp còn nhỏ và lạc hậu, chất lượng hàng hóa một số mặt hàng chưa đủ sức cạnh tranh với thị trường. Đầu tư xây dựng cơ bản còn bị động, một số công trình không thực hiện được như kế hoạch đề ra. Một số vấn đề bức xúc của xã hội chưa giải quyết kịp thời. An ninh quốc phòng vẫn còn mầm mống có thể gây mất ổn định ở địa phương. Công tác xây dựng và hoạt động của hệ thống chính quyền chuyển biến chưa đều.

Thành công bước đầu của những năm cuối thế kỷ XX sẽ tạo tiền đề cho bước phát triển trong những năm tiếp theo của thế kỷ XXI.

Chương VI:

**NHÌN LẠI 25 NĂM ĐẢNG BỘ HUYỆN
LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐỨC LINH
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
(1975 - 2000)**

Trước năm 1975, Hoài Đức - Tánh Linh là địa bàn trọng điểm cả về quân sự, kinh tế ở một vùng giáp ranh giữa Quân khu II và III, đồng thời là cửa ngõ bảo vệ Sài Gòn từ xa của địch. Đây cũng là vùng đất địch đánh phá vào căn cứ Khu VI, tỉnh Bình Tuy, tỉnh Bình Thuận. Do đó, ở Hoài Đức, Tánh Linh chúng ra sức bình định nông thôn, xây dựng hệ thống đồn bót rất kiên cố, bộ máy kìm kẹp và dùng tất cả phương tiện chiến tranh, kể cả chất độc di-ô-xin để đánh phá cách mạng. Nên sau ngày quê hương được giải phóng, hậu quả chiến tranh để lại trên vùng đất Đức Linh ngày nay rất nặng nề,



Một góc phố thị trấn Đức Tài.

dân cư phân tán, đất đai hoang hóa, cơ sở hạ tầng khó khăn, v.v... Để khắc phục hậu quả chiến tranh, Đảng bộ và nhân dân trong huyện đã nỗ lực phấn đấu, vượt mọi khó khăn để xây dựng quê hương ngày thêm giàu đẹp.

Đức Linh có thế mạnh về nông nghiệp, lâm nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, và là vùng đất còn nhiều tiềm năng để phát triển. Phát huy truyền thống anh hùng trong chiến tranh giải phóng, Đảng bộ huyện đã lãnh đạo nhân dân ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh trong những tháng cuối năm 1975, đầu năm 1976 và tập trung cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa trong những năm 1977-1985. Trong chặng đường 10 năm (1975-1985), với sự nỗ lực, phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân trong huyện đã đạt được thành quả cả về xây dựng cơ sở vật chất, kinh tế- xã hội, giáo dục, y tế, an ninh- quốc phòng, làm tròn nghĩa vụ đối với tỉnh.

Từ năm 1986 - 2000, Đức Linh cùng cả nước bước vào con đường đổi mới, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, chuyển đổi từ cơ chế kinh tế bao cấp sang sản xuất kinh doanh theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã trải

qua một chặng đầu đầy thử thách. Nhưng với nỗ lực của Đảng bộ, nhân dân trong huyện đã vững bước đi lên phát huy sức mạnh tổng hợp trong kinh tế, xã hội, an ninh - quốc phòng để góp phần vào công cuộc đổi mới thành công bước đầu.

Qua 25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trên quê hương Đức Linh, Đảng bộ rút ra một số bài học kinh nghiệm, như:

1- Đảng bộ huyện đã vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối cách mạng trong tình hình mới là cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa của Đảng vào thực tiễn địa phương, với tinh thần cách mạng tiến công, giám nghĩ, giám làm nhằm tạo ra từng bước đi vững chắc trên từng lĩnh vực của đời sống xã hội; mạnh dạn đề ra các chủ trương và giải pháp mới có tính đột phá; thực hiện đi tắt đón đầu trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao dân trí, từng bước ổn định và cải thiện đời sống của nhân dân trong huyện.

2- Coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; Thường xuyên quan tâm công tác cán bộ, coi đó là một trong những nhân tố quyết định sự thành công trong sự nghiệp xây dựng và

phát triển huyện nhà. Vừa chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt, người đứng đầu trong toàn hệ thống chính trị, vừa tập trung quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có phẩm chất đạo đức và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đồng thời, không ngừng phát huy truyền thống đoàn kết, thường xuyên chăm lo xây dựng khối đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ làm hạt nhân đoàn kết trong khối đại đoàn kết toàn dân, góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ xây dựng và phát triển quê hương.

3- Luôn chăm lo công tác vận động quần chúng, thực hiện tốt dân chủ cơ sở, thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"; phát huy tối đa sức mạnh của quần chúng nhân dân vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng ở địa phương; tập trung giải quyết kịp thời những vướng mắc đặt ra từ cơ sở; tăng cường, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân nhằm giữ vững niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

4- Đề cao ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực, nuôi dưỡng và khai thác tối đa tiềm năng lợi thế tại chỗ là chủ yếu; đồng thời biết tranh thủ sự hỗ trợ,

giúp đỡ của tỉnh và sự phối hợp triển khai các chương trình, dự án của các cấp, các ngành nên đã biến mảnh đất thuần nông nghèo khó năm xưa thành một vùng đất phát triển khá đa dạng hôm nay; đồng thời, bộ mặt nông thôn mới phát triển, an ninh quốc phòng được giữ vững, đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể.

Những kinh nghiệm quý báu của Đảng bộ và nhân dân Đức Linh qua chặng đường 25 năm xây dựng và phát triển và bước đầu đổi mới nền kinh tế - xã hội là tài sản quý giá; đó không chỉ là niềm tự hào của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện, mà còn là một điểm tựa vững chắc, là tiền đề quan trọng để Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Linh bước vào giai đoạn lịch sử tiếp theo.

Với truyền thống anh hùng trong kháng chiến và phát huy những thành quả 25 năm (1975-2000) xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Linh quyết tâm xây dựng quê hương ngày một phát triển, tiến bước vững chắc vào thế kỷ XXI, cùng với nhân dân trong tỉnh và cả nước phấn đấu hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên quê hương và cả nước.

PHỤ LỤC

I. DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC LINH QUA CÁC THỜI KỲ ĐẠI HỘI (do Đại hội bầu cử)

1/ DANH SÁCH BCH LÂM THỜI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC LINH

(Do Tỉnh uỷ Thuận Hải chỉ định)

(1976 - 1977)

- | | |
|-----------------------|--|
| 1- Ngô Thanh Bình | Bí thư |
| 2- Trần Tuấn Anh | Phó Bí thư -
Chủ tịch UBND huyện |
| 3- Nguyễn Quang Tường | UVTV - Phụ trách
Tuyên huấn - Tổ chức |
| 4- Nguyễn Thanh An | UVTV -
Phụ trách miền núi |
| 5- Trần Ái Nhân | UVTV -
Phụ trách quân sự |
| 6- Phạm Xuân Trinh | HUV - Phụ trách
Công an |

7- Nguyễn Tuấn Dục	HUV - Bí thư xã Võ Đất
8- Đoàn Văn Sĩ	HUV - Phó Chủ tịch UBND huyện
9- Hoàng Long	HUV - UV thư ký UBND huyện
10- Trần Nhự	HUV - Phụ trách Trường Đảng
11- Trương Đình Đại	HUV - Phụ trách Nông nghiệp
12- Nguyễn Hữu Toàn	HUV - Trưởng phòng Lương thực
13- Lâm Hòa Kháng	HUV - Bí thư Huyện đoàn
14- Trương Khương	HUV Trưởng Nông hội huyện
15- K'Hiếu	HUV - Phụ trách xã La Dạ
16- K'Công	HUV - Phó Chủ tịch UBND huyện
17- Đặng Ngọc	HUV - Phó chủ tịch UBND huyện
18- Nguyễn Thuận	HUV - Bí thư xã Võ Xu
19- Huỳnh Thị Tám	HUV - Hội trưởng Phụ nữ

**2/ DANH SÁCH BCH ĐẢNG BỘ
HUYỆN ĐỨC LINH NHIỆM KỲ I
(6/1977 - 1979)**

- | | |
|-----------------------|--|
| 1- Ngô Thanh Bình, | Bí thư |
| 2- Trần Tuấn Anh, | Phó bí thư thường trực |
| 3- Nguyễn Quang Tưởng | UVTV, Phụ trách
Tuyên giáo |
| 4- Trần Ái Nhân | UVTV, Chủ tịch
UBND huyện |
| 5- Phạm Xuân Trinh | UVTV, Phụ trách
Công an huyện |
| 6- Nguyễn Tuấn Dục | UVTV, Phụ trách
Tổ chức Huyện uỷ |
| 7- Ngô Viết Hùng | UVTV, Chính trị viên
Huyện đội |
| 8- Trương Đình Đại | UVTV, Phó Chủ tịch
UBND huyện |
| 9- Ngô Đức Hạ | UVTV, Bí thư xã
Mê Pu |
| 10- Tống Canh | HUV chính thức,
Chánh Văn Phòng
Huyện uỷ |

- | | |
|---------------------|--|
| 11- Trần Tiến Thành | HUV chính thức,
Bí thư Huyện Đoàn |
| 12- Nguyễn Hữu Toàn | HUV chính thức,
Trưởng phòng Lương thực |
| 13- Lê Đức Tuất | HUV chính thức,
Phụ trách Kiểm tra Đảng |
| 14- Đàm Quang Trung | HUV chính thức,
Trưởng phòng Tài chính |
| 15- Nguyễn Một | HUV chính thức,
Bí thư xã Trà Tân |
| 16- Nguyễn Thuần | HUV chính thức,
Bí thư xã Võ Xu |
| 17- Hồ Ca | HUV chính thức,
Bí thư xã Nghị Đức |
| 18- Lê Ngọc Liên | HUV chính thức,
Phụ trách Kinh tế mới |
| 19- Tạ Đình Hưng | HUV chính thức,
Phụ trách Nông trường
Đa Kai |
| 20- Nguyễn Hữu Tập | HUV chính thức,
Bí thư xã Lạc Tánh |

- 21- Trương Tiến Dũng HUV chính thức,
Chủ tịch UBND
xã Huy Khiêm
- 22- Trương Khương HUV chính thức,
Phụ trách Nông hội
- 23- Trần Văn Lâu HUV chính thức,
Trưởng phòng VH TT
- 24- Pơ-Đam Giầy HUV chính thức,
Bí thư xã La Dạ
- 25-Đào Minh Phú HUV chính thức,
UV thư ký UBND huyện
- 26- Nguyễn Đông Ty HUV chính thức,
Bí thư xã Suối Kiết
- 27- Triệu Khắc Khôi HUV chính thức,
Bí thư xã Đồng Kho
- 28- Lê Thị Hồng Thỉnh HUV dự khuyết,
Hội trưởng Phụ nữ
- 29- Lê Văn Huệ HUV dự khuyết,
Trưởng phòng Thủy lợi

3/ DANH SÁCH BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC LINH NHIỆM KỲ II (1979 - 1983)

- | | |
|--------------------------------------|------------------------------------|
| 1- Lê Khắc Thành | UV TV Tỉnh uỷ, Bí thư |
| 2- Trần Tuấn Anh (<i>Phạm Vân</i>) | Phó Bí thư Thường trực |
| 3- Trần Ái Nhân | Phó bí thư,
Chủ tịch UBND huyện |
| 4- Nguyễn Quang Tường | TVHU, Trưởng ban
Tổ chức |
| 5- Phạm Xuân Trinh | TVHU, Trưởng Công an
huyện |
| 6- Nguyễn Thanh Đồng | TVHU, Chính trị viên
Huyện đội |
| 7- Nguyễn Tuấn Dục | TVHU, Phó Chủ tịch
UBND huyện |
| 8- Ngô Đức Hạ | TVHU, Phó Chủ tịch
UBND huyện |
| 9- Nguyễn Thanh An | TVHU, Phó Chủ tịch
UBND huyện |

- | | |
|----------------------|--------------------------------------|
| 10- Trương Đình Phố | HUV, công tác kiểm tra |
| 11- Lê Hồng Thái | HUV, Bí thư xã Mê Pu |
| 12- Nguyễn Đông Ty | HUV, Bí thư
xã Suối Kiết |
| 13- Nguyễn Hữu Tập | HUV, Bí thư
xã Lạc Tánh |
| 14- Nguyễn Đức Thiện | HUV, công tác kế hoạch |
| 15- Đỗ Văn Sách | HUV, Bí thư
xã Đồng Kho |
| 16- Lê Văn Mông | HUV,
công tác Ban nông
nghiệp |
| 17- Lê Đức Khảm | HUV, Bí thư
xã Đức Hạnh |
| 18- Đào Minh Phú | HUV, công tác
Thông tin - văn hóa |
| 19- Lê Văn Huệ | HUV, Trưởng Phòng
thủy lợi |
| 20- Nguyễn Kiệm | HUV, Trưởng Nông trường
Đa Kai |

- 21- Pơ -Đam Giầy HUV, Bí thư xã La Dạ
- 22- Nguyễn Văn Dũng HUV, Phó phòng
Lương thực
- 23- Trương Khắc Bảo HUV, Bí thư
Huyện đoàn thanh niên
- 24- Trần Đức Bỏ HUV, Chủ tịch
xã Gia An
- 25- Lê Thọ Bân HUV, Trưởng Lâm trường
Đức Linh
- 26- Hồ Ca HUV, Bí thư
xã Nghị Đức
- 27- Lê Văn Minh HUV, Trưởng Huyện đội
- 28- Nguyễn Thuận HUV Dự khuyết Bí thư
xã Bắc Ruộng
- 29- Lê Thị Hồng Thính HUV Dự khuyết
Công tác phụ nữ

4/ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

HUYỆN ĐỨC LINH

NHIỆM KỲ III (1983 - 1986)

- | | |
|-----------------------|---|
| 1- Nguyễn Nhẫn | Bí thư |
| 2- Nguyễn Quang Tường | Phó bí thư |
| 3- Nguyễn Tuấn Dục | Ủy viên thường vụ |
| 4- Huỳnh Quang Hòa | " |
| 5- Phạm Xuân Trinh | " |
| 6- Nguyễn Thanh Đồng | " |
| 7- Trương Đình Phố | " |
| 8- Đặng Cao Nhưng | " |
| 9- Lê Hy | " |
| 10- Đỗ Văn Sách; | HUV chính thức,
Phó trưởng Ban Tổ chức
Huyện uỷ |
| 11- Mai Xuân Biểu | HUV chính thức |

12- Nguyễn Thị Trung	"
13- Lương Văn Muồn	HUV chính thức
14- Hoàng Long	"
15- Đào Minh Phú	"
16- Nguyễn Văn Dũng	"
17- Nguyễn Hữu Chính	"
18- Phạm Tấn Ngân	"
19- Trần Khánh Linh	"
20- Trương Khắc Bảo	"
21- Trần Ngọc Hoàng	"
22- Cáp Xuân Tấn	"
23- Cao Tá Thanh.	"
24- Dương Đình Châm	"
25- Hồ Ca	"
26- Trần Trung Kiên	HUV dự khuyết
27- Ngô Kiên	"
28- Lê Việt Tào	"
29- Trần Cao Vân	"

**5/ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
HUYỆN ĐỨC LINH NHIỆM KỲ III (1983 - 1986)**

(Từ Ban chấp hành Đảng bộ huyện Đức Linh cũ chia tách Huyện Đức Linh mới)

- 1- Lê Kim Hoàng (Hải Anh) Bí thư
- 2- Nguyễn Quang Tường Phó Bí thư
Thường trực
- 3- Huỳnh Quang Hòa UVTV, Chủ tịch
UBND huyện
- 4- Nguyễn Tuấn Dục UVTV, Phụ trách
Kiểm tra, cải tạo
nông nghiệp
- 5- Phạm Xuân Trinh UVTV,
Trưởng Công an huyện
- 6- Trần Ngọc Hoàng HUV chính thức,
Chỉ huy trưởng
Quân Sự
- 7- Đỗ Văn Sách HUV chính thức,
Trưởng ban Tổ chức
Huyện uỷ
- 8- Mai Xuân Biều. HUV chính thức,
Trưởng ban Tuyên Giáo

- | | |
|----------------------|---|
| 9- Nguyễn Thị Trung | HUV chính thức,
Hội trưởng Phụ nữ |
| 10- Lương Văn Muôn | HUV chính thức,
Chánh Văn phòng
Huyện uỷ |
| 11- Hoàng Long | HUV chính thức -
Phó Chủ tịch UBND
huyện |
| 12- Đào Minh Phú | HUV chính thức
Chánh án Tòa án
nhân dân |
| 13- Nguyễn Hữu Chính | HUV chính thức
Giám đốc công ty
cấp 3 |
| 14- Phạm Tấn Ngân | HUV chính thức -
Phó Chủ tịch
UBND huyện |
| 15- Trần Cao Vân | HUV dự khuyết -
Phó Chủ tịch
UBND huyện |
| 16- Lê Viết Tào | HUV dự khuyết -
Bí thư Đảng uỷ
Chủ nhiệm HTX MêPu |

**6/ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
HUYỆN ĐỨC LINH KHÓA IV (1986- 1989)**

- | | |
|-----------------------|---|
| 1- Nguyễn Quang Tường | Bí thư |
| 2- Nguyễn Hữu Tập | Phó Bí thư |
| 3- Phạm Văn Thứ | UVTV, trực Đảng |
| 4- Phạm Tấn Ngân, | UVTV,
Quyền Chủ tịch
UBND huyện |
| 5- Nguyễn Văn Ba | UVTV,
Trưởng ban
Tổ chức Huyện uỷ |
| 6- Cao Minh Tân | UVTV, Trưởng ban
Tuyên Giáo Huyện uỷ |
| 7- Đào Minh Phú | UVTV, Chủ nhiệm
UBKT Huyện uỷ |
| 8- Trần Ngọc Hoàng | UVTV, Chỉ huy trưởng
quân sự |
| 9- Đặng Cao Nhung | UVTV,
Trưởng Công an huyện |
| 10- Bùi Văn Chinh | HUV chính thức,
Bí thư xã Nam Chính |

- | | |
|----------------------|---|
| 11- Phạm Viết Tâm | HUV chính thức,
Giám đốc Ngân hàng |
| 12- Nguyễn Tấn Dân | HUV chính thức,
Phó chỉ huy Quân sự |
| 13- Nguyễn Văn Hòa | HUV chính thức,
Giám đốc Nông trường
Đa Kai |
| 14- Nguyễn Thị Thể | HUV chính thức,
Chủ tịch Hội Phụ nữ |
| 15- Bùi Văn Cường | HUV chính thức,
Giám đốc Công ty
Lương thực |
| 16- Trần Cương Quyết | HUV chính thức,
Phó Giám đốc
Xí nghiệp cơ khí |
| 17- Đỗ Văn Sách | HUV chính thức,
Giám đốc Xí nghiệp
cơ khí |
| 18- Đoàn Văn Sáu | HUV chính thức,
Chánh Thanh tra
Nhà nước |
| 19- Đỗ Hữu Thiêng | HUV chính thức,
Trưởng phòng Tài chính |

- 20- Nguyễn Luyến HUV chính thức,
Trưởng phòng Nông nghiệp
- 21- Trần Mậu Mậu HUV chính thức,
Bí thư Huyện Đoàn
- 22- Nguyễn Văn Dũng HUV chính thức,
Trưởng phòng Lương thực
- 23- Bùi Tất Ứng HUV chính thức,
Bí thư xã Vũ Hoà
- 24- Tô Văn Ba HUV chính thức,
Trưởng phòng Kế hoạch
- 25- Bùi Nam Giang HUV chính thức,
Chủ tịch LĐLĐ huyện
- 26- Nguyễn Văn Tiến HUV chính thức,
Phó trưởng Công an huyện
- 27- Nguyễn Tuấn Dục HUV chính thức,
Chủ tịch Mặt trận
- 28- Nguyễn Dũng HUV chính thức,
Trưởng phòng Giáo dục
- 29- Lê Bôn HUV chính thức,
Trạm trưởng trạm xuất khẩu
- 30- Hoàng Long HUV chính thức -
Phó Chủ tịch UBND huyện

- 31- Lê Thị Hồng Thính HUV chính thức -
Chủ tịch Hội Phụ nữ
- 32- Lê Viết Tào HUV chính thức -
Bí thư xã Mê Pu
- 33- Trần Cao Vân HUV chính thức -
Phó Chủ tịch UBND huyện
- 34- Nguyễn Đình Ba HUV dự khuyết -
Bí thư xã Võ Xu
- 35- Nguyễn Xuân Mai HUV dự khuyết -
Phó chủ nhiệm UBKT
- 36- Trần Ngọc Châu HUV dự khuyết -
Trưởng phòng Y tế
- 37- Lê Bân HUV dự khuyết -
UV thư ký UBND huyện
- 38- Trần Văn Tài HUV dự khuyết -
Trưởng phòng Tổ chức
Xã hội
- 39- Phạm Đình Cuộc HUV dự khuyết -
Chủ tịch UBND xã Trà Tân
- 40- Ngô Thị Sáu HUV dự khuyết -
Phó ban Tổ chức Huyện uỷ

**7/ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
HUYỆN ĐỨC LINH KHÓA V (1989 - 1991)**

- | | |
|-----------------------|--|
| 1- Nguyễn Quang Tường | Tỉnh ủy viên, Bí thư |
| 2- Hoàng Long | Phó Bí thư Thường trực |
| 3- Đoàn Văn Sáu | Phó Bí thư,
Chủ tịch UBND huyện |
| 4- Đỗ Văn Sách | UVTV, Trưởng Ban
Tổ chức Huyện ủy |
| 5- Cao Minh Tân | UVTV, Trưởng Ban
Tuyên giáo |
| 6- Nguyễn Hữu Chính | UVTV, Giám đốc
Công ty cấp 3 |
| 7- Ngô Kiên | UVTV, Chủ nhiệm
UBKT Huyện ủy |
| 8- Đặng Cao Nhung | UVTV,
Trưởng Công an huyện |
| 9- Nguyễn Thị Trung | UVTV,
Chủ tịch Mặt trận |
| 10- Mai Xuân Bá | HUV chính thức,
Trưởng phòng Giáo dục |

- | | |
|-----------------------|---|
| 11- Bùi Văn Chinh | HUV chính thức,
Bí thư xã Nam Chính |
| 12- Nguyễn Ngọc Dũng | HUV chính thức,
Chủ tịch xã Võ Xu |
| 13- Nguyễn Văn Dũng | HUV chính thức,
Giám đốc Công ty Vật tư |
| 14- Lê Quang Đạo | HUV chính thức,
Chủ tịch xã Đức Hạnh |
| 15- Bùi Nam Giang | HUV chính thức,
Chủ tịch LĐLĐ huyện |
| 16- Nguyễn Văn Hòa | HUV chính thức,
Trưởng phòng Nông nghiệp |
| 17- Nguyễn Thanh Hùng | HUV chính thức,
Trưởng phòng Tài chính |
| 18- Lê Văn Khánh | HUV chính thức,
Bí thư xã Mê Pu |
| 19- Nguyễn Luyện | HUV chính thức,
Trưởng phòng Nông nghiệp |
| 20- Nguyễn Xuân Mai | HUV chính thức,
Chánh Thanh tra |

- 21- Trần Mậu Mậu HUV chính thức,
UV thư ký UBND huyện
- 22- Nguyễn Nhân HUV chính thức,
Bí thư xã Đức Chính
- 23- Huỳnh Tấn Pháp HUV chính thức,
Trưởng phòng VH TT
- 24- Trần Minh Phúc HUV chính thức,
Phó Chỉ huy chính trị
- 25- Bùi Minh Quang HUV chính thức,
Chánh án TAND huyện
- 26- Trần Sĩ Tá HUV chính thức,
Phó Công an huyện
- 27- Phạm Việt Tâm HUV chính thức,
Giám đốc Ngân hàng
- 28- Nguyễn Thị Thể HUV chính thức,
Hội trưởng Phụ nữ
- 29- Nguyễn Đình Lực HUV dự khuyết,
Phó ban Tổ chức
Huyện uỷ

**8/ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
HUYỆN ĐỨC LINH KHÓA VI (1991 - 1996)**

- | | |
|------------------------|---|
| 1- Nguyễn Quang Tường, | Tỉnh ủy viên,
Bí thư Huyện ủy |
| 2- Đoàn Văn Sáu | Phó Bí thư Thường trực |
| 3- Nguyễn Văn Hòa | Phó bí thư,
Q. Chủ tịch UBND huyện |
| 4- Hoàng Long | UVTV,
Chủ tịch HĐND huyện |
| 5- Đỗ Văn Sách | UVTV, Chủ tịch
UB Mặt trận huyện |
| 6- Đặng Cao Nhung | UVTV,
Trưởng Công an huyện |
| 7- Cao Minh Tân | UVTV, Trưởng Ban
Tuyên giáo Huyện ủy |
| 8- Nguyễn Văn Ba | UVTV, Trưởng Ban
Tổ chức Huyện ủy |
| 9- Ngô Kiên | UVTV, Chủ nhiệm
UBKT Huyện ủy |
| 10- Lê Văn Khánh | UV-BCH,
Bí thư xã Mê Pu |
| 11- Mai Xuân Bá | UV-BCH,
Trưởng phòng Giáo dục |
| 12- Trần Minh Phúc | UV-BCH,
Phó chỉ huy Quân sự |

- 13- Huỳnh Đa Trung UV-BCH,
Bí thư Huyện Đoàn
- 14- Tạ Văn Chất UV-BCH, Phó trưởng
Ban Tổ chức Huyện uỷ
- 15- Huỳnh Tấn Pháp UV-BCH,
Trưởng phòng VH TT
- 16- Nguyễn Thị Thanh Hương UV-BCH,
Trưởng phòng Tài chính
- 17- Phạm Ngọc Kha UV-BCH,
Bí thư xã Vũ Hoà
- 18- Trần Sĩ Tá UV-BCH,
Phó trưởng Công an huyện
- 19- Lê Văn Lào UV-BCH,
Chỉ huy trưởng quân sự
- 20- Nguyễn Thị Thế UV-BCH,
Chủ tịch Hội Phụ Nữ
- 21- Nguyễn Lộc UV-BCH, Chủ tịch
UBND xã Sùng Nhơn
- 22- Trần Văn Tài UV-BCH, Trưởng phòng
Tổ chức xã Hội
- 23- Nguyễn Thanh Hùng UV-BCH, Phó Chủ tịch
UBND Huyện
- 24- Nguyễn Xuân Mai UV-BCH, Chánh thanh
tra Nhà nước huyện

- | | |
|----------------------|---|
| 25- Trần Đình Lang | UV-BCH, Phó Chủ nhiệm
UBKT Huyện uỷ |
| 26- Nguyễn Luyến | UV-BCH, Trưởng phòng
Nông nghiệp |
| 27- Nguyễn Hữu Chính | UV-BCH, Giám đốc
Công ty Thương nghiệp |
| 28- Lê Văn Kha | UV-BCH, Giám đốc
TT kỹ thuật Nông nghiệp |
| 29- Trần Mậu Mậu | UV-BCH, Chủ tịch
UBMT TQ huyện |

**9- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
HUYỆN ĐỨC LINH KHÓA VII (1996 - 2000)**

- | | |
|---------------------|----------------------------------|
| 1- Đoàn Văn Sáu | Tỉnh ủy viên - Bí thư |
| 2- Nguyễn Văn Ba | Phó bí thư Thường trực |
| 3- Đỗ Văn Sách | UVTV, Chủ tịch
UBMT huyện |
| 4- Cao Minh Tân | UVTV, Trưởng Ban
Tuyên giáo |
| 5- Nguyễn Hữu Chính | UVTV, Trưởng Ban
Dân vận |
| 6- Ngô Kiên | UVTV, Chủ nhiệm
UBKT Huyện uỷ |
| 7- Huỳnh Tấn Pháp | UVTV, Trưởng ban
Tổ chức |

- | | |
|----------------------|--|
| 8- Nguyễn Thanh Hùng | UVTV, Phó Chủ tịch
UBND huyện |
| 9- Trần Sĩ Tá | UVTV,
Trưởng Công an huyện |
| 10- Lê Văn Lào | UVTV, Chỉ huy trưởng
Quân sự |
| 11- Hoàng Long | UV-BCH, Chủ tịch
UBND huyện |
| 12- Nguyễn Thị Thế | UV-BCH,
Hội trưởng Phụ nữ |
| 13- Huỳnh Hữu Sâm | UV-BCH,
Phó Ban Tuyên giáo |
| 14- Nguyễn Luyến | UV-BCH, Trưởng phòng
Nông nghiệp |
| 15- Hồ Việt Hùng | UV-BCH, Chủ tịch
Hội Nông dân |
| 16- Huỳnh Đa Trung | UV-BCH, Phó Chủ tịch
UBND huyện |
| 17- Bùi Mười | UV-BCH,
Bí thư Huyện đoàn |
| 18- Trần Mậu Mậu | UV-BCH, Chánh Văn
phòng Huyện uỷ |
| 19- Phạm Hoàng Hộ | UV-BCH, Phó trưởng
Ban Tổ chức Huyện uỷ |
| 20- Phạm Ngọc Kha | UV-BCH,
Bí thư xã Vũ Hoà |

- 21- Nguyễn Văn Tiến UV-BCH,
Phó trưởng Công an huyện
- 22- Trần Minh Phúc UV-BCH, Phó Chỉ huy
Quân sự
- 23- Hà Ngọc Khanh UV-BCH, Trưởng phòng
Tài chính
- 24- Bùi Phương Triều UV-BCH,
Bí thư xã Đức Tài
- 25- Lê Văn Khánh UV-BCH,
Bí thư xã Mê Pu
- 26- Nguyễn Thị Thanh Hương UV-BCH,
Trưởng phòng Địa chính
- 27- Trần Đình Lang UV-BCH, Phó Chủ nhiệm
UBKT Huyện uỷ
- 28- Nguyễn Xuân Mai UV-BCH, Chánh Thanh
tra Nhà nước
- 29- Mai Xuân Bá UV-BCH,
Trưởng phòng Giáo dục
- 30- Huỳnh Thanh Long UV-BCH,
Trưởng phòng VH TT
- 31- Nguyễn Lộc UV-BCH,
Bí thư xã Sùng Nhơn
- 32- Nguyễn Hoàng Hưng UV-BCH,
Bí thư xã Võ Xu
- 3- Tạ Văn Chất UV-BCH, Phó Chủ tịch
UBND huyện

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
* <i>Lời mở đầu</i>	3
* <i>Chương I:</i> Huyện Đức Linh sau ngày giải phóng (tháng 03/1975 đến tháng 01/1976)	5
* <i>Chương II:</i> Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Linh khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa (1976 - 1983)	32
* <i>Chương III:</i> Chia tách huyện, Đảng bộ và nhân dân Đức Linh tiếp tục xây dựng quê hương đi lên chủ nghĩa xã hội (1983 - 1986)	110
* <i>Chương IV:</i> Giai đoạn đầu thực hiện nhiệm vụ đổi mới của Đảng (1986 - 1991)	131
* <i>Chương V:</i> Tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng trên quê hương Đức Linh (1991-2000)	160
* <i>Chương VI:</i> Nhìn lại 25 năm Đảng bộ huyện lãnh đạo nhân dân Đức Linh xây dựng và phát triển (1975 - 2000)	198
* <i>Phụ lục</i>	203

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỨC LINH
TẬP II (1975 - 2000)

** Chỉ đạo biên soạn*

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY (KHÓA IX)

** Chịu trách nhiệm xuất bản:*

- PHAN VĂN ĐĂNG - Bí thư Huyện uỷ

** Biên tập, trình bày:*

- TRẦN MẠNH TƯỜNG

- TRẦN MẬU MẬU

- PHẠM NGỌC KHA

- NGUYỄN VĂN TỐI

In 1.000 cuốn, khổ 13 x 19 cm tại Công ty Cổ phần In và Bao bì Bình Thuận. Giấy phép xuất bản số: 55/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Bình Thuận cấp ngày 28/9/2009. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10/2009.



Dài Tưởng niệm nghĩa trang liệt sĩ huyện.



Nhà làm việc của Huyện ủy Đức Linh.



Nhà làm việc của HĐND - UBND huyện Đức Linh.